

SUBUDGESCHICHTEN



von Mursalin Hubert Fiala

Những Chuyện Subud

Nguyên tác Đức ngữ Subudgeschichte

© 2017 Minh Thần

Phiên bản điện sách 02.2021 Góc Nhỏ

Mursalin Hubert Fiala

Những Chuyện Subud

Nguyên tác Đức ngữ

Subudgeschichten

Minh Thần

dịch 2017



NỘI DUNG

A. Những ngày đầu tiên

01. Lần đầu tới Coombe Springs	8
02. Latihan đầu tiên	14
03. Latihan thứ hai	20
04. Latihan thứ ba	23
05. Thời kì đầu tiên	25

B. Hơn 8 tháng đầu tiên trong Subud

01. Quay tí	26
02. Cúng tặng	30
03. Nhìn những người khác tập latihan	31
04. Nhật kí latihan	32
05. Latihan trong rừng	33
06. Con rùa	34
07. Tự động trai giới	36
08. Giác mơ về một cảnh giới đen tối	37
09. Thượng Đế trở thành thực tại đối với tôi	41

C. Những năm tiếp theo

1) Sự khởi đầu của Subud Wien	45
2) Thêm ánh sáng!	46
3) Một vị khách quý	48

4) Không hứng thú tập latihan	52
5) Con cọp	53
6) Pha trộn	55
7) Sự tiếp nhận cứng nhắc	56
8) Ganh ghét vì tâm linh	57
9) Cách mạng tinh thần	58
10) Đường hầm	63
11) Eissa	66
12) Tắm sắt xuyên qua đầu	67
13) Sức mạnh đen tối	68
14) Tình thương của Thượng Đế	71
15) Không tên tuổi	72
16) Cho Latihan tạm nghỉ	77
17) Tại Hội Nghị Thế Giới 1971 ở Cilandak	80
18) Latihan mạnh nhất	82
D. Những chứng nghiệm với Bapak	85
01. Coombe Springs 1958	85
02. Giọng nói của Bapak	85
03. Tôi nghiệm được ra sao cuộc viếng thăm lần đầu của Bapak tại Wien	87
04. Trên đường về nhà	89
05. Tại tiệm Bali	92
06. Viên cảnh sát	93
07. Cái cười	93
08. Đền pha	94

09.Khai mở lần thứ hai	96
10. Nội dung tâm linh những nói chuyện của Bapak	97
11.Một thăm viếng vô hình của Bapak	98
12.Bapak luôn bên cạnh chúng ta	98
13. Đoạn đường cuối một cuộc đời trên trần gian.	99

E. Lên đường

01. Lên Đường	103
02. Ca khúc dân đi biển	104
03. Tráng Sĩ	105

A. Những ngày đầu tiên

01. Lần đầu tới Coombe Springs

Cơ quan *British Council* chăm lo cho những ai được học bổng. Tôi nhận được số tiền đầu tiên, địa chỉ của một vài khách sạn thích đáng và được cho hay về những điều thực dụng. Chẳng bao lâu sau đó, tôi kiếm một phòng thuê, đến đại học ghi danh và thanh toán xong những thủ tục cần thiết. Nếu không dùng xe điện thì tôi cố ý đi bộ dài lâu để nhận biết thành phố. Sau 10 ngày tôi thanh toán xong tất cả những chuyện cần làm, và không còn cảm thấy mình xa nhà nữa, mà đây là quê hương mới của mình.

Bây giờ là lúc mà tôi đã đợi chờ 3 năm trời: thăm viếng trung tâm tâm linh Coombe Springs. Như đã thuật lại, tuy không cảm thấy giáo lý của Gurdjieff là thích hợp với mình nhưng tôi đặt nhiều kỳ vọng ở những cách tu luyện mình không biết gì của Gurdjieff, ở những khẳng định của ông là đường lối tu tập đó thích ứng với thời đại hiện nay. Tôi bám vào kỳ vọng đó như vào một chiếc phao cứu vớt. Trong 3 năm trời, tôi đã quen thuộc với cái ý nghĩ là mình không thể coi thường đường lối tu tập đó, có lúc thấy có cảm tình, có lúc không.

Ngày 12 tháng 8 1958 tôi lấy xe điện tới trạm Waterloo, rồi từ đó lấy một tuyến xe điện khác đi mất nửa tiếng đồng hồ tới một trạm xe buýt. Đi 10 phút qua một khu gồm những biệt thự, tôi đứng trước một trang viên phía trước là những bậc thềm. Đã tới nơi tới chốn!

Sau 6 năm say mê đi tìm đạo, một năm đợi chờ, 3 năm biết được một địa chỉ có thể giúp ích cho mình, và cũng sau một chuyến đi vất vả để tìm kiếm một đường lối trầm tư mặc tưởng, cuối cùng tôi đã tới đích.

Điều này nghe có vẻ hơi căng thẳng, vì tôi đã dồn 7 năm tìm kiếm của mình vào một câu vắn duy nhất, nhưng hồi đó tôi đã thản nhiên bước lên những bậc thềm, đi vào một phòng rộng lớn và trông thấy ngay một chiếc bàn là nơi thông tin. Tôi đi thẳng tới đó, chào hỏi người phụ nữ ngồi đó: “Xin lỗi, tôi có thể nói chuyện với ông Bennett?”

Như đi vào nơi một bộ trưởng để hỏi kẻ gác cổng: “Xin lỗi, tôi có thể nói chuyện với ông bộ trưởng?”

Với lối thản nhiên và lịch thiệp của người Anh, bà ta đáp: “Tôi e ngại bây giờ thì không được, nhưng chắc ông có thể cho biết là chuyện gì vậy?” “Tôi muốn theo tập lối tu của Gurdjieff.” (Tôi liều mạng vào một nơi không biết sẽ dẫn tới đâu). Bà ta yêu cầu tôi hỏi một người đàn ông đứng gần mình. Ông là một người rất cao gầy, mớ tóc màu đen che kín trán, điều bộ cứng nhắc, khuôn mặt nghiêm nghị, lạnh lùng của ông khiến người ta nghĩ ông là một kẻ vô tình cảm. Khi tôi hỏi, ông nói với một giọng kéo dài, tạm ngưng nói rồi lại nói tiếp: “Được, nơi đây anh có thể tập theo lối tu Gurdjieff, nhưng cách đây một năm có một người từ Java đem tới một lối tu mới. Lối tu đó giản dị hơn nhưng cũng dẫn tới một đích y như nhau.”

Khi tôi nghe nói như vậy, tâm thức mình xôn xao trải qua một điều gì bất ngờ khó hiểu. Như có một uy quyền không thể chống cự mà mệnh lệnh là: “Muốn tìm kiếm một đường lối tu tập thì đó chính cái đường lối từ Java. Không thì đừng theo bất cứ gì, ngay cả đường lối của Gurdjieff.” Đồng thời tôi cũng cảm thấy hết sức tức giận vì nhân vật không quen biết từ Java đó. Những phản ứng chống chọi nhau đó xảy ra một cách mãnh liệt và đột ngột khiến tôi không kiềm chế được. Tôi không thể ăn nói gì, phải cô sức lắm mới tự chủ được, để người ta khỏi nhận thấy sự tức giận và những chống đối trong lòng mình.

Tôi đã nhiều năm tập cho mình thói quen trở nên thản nhiên đối với nghịch cảnh, bởi tôi không muốn mình thành món đồ chơi của

những ảnh hưởng này nọ. Nhưng tất cả nững điều đó như bị xóa bỏ hết bởi cái uy quyền trong lòng và sự tức giận vô cùng của mình. Về Java và Indonesia tôi không biết chút gì, ngoài việc đó là xứ sở của những người Mã Lai theo Hồi giáo, nơi có những cây đao hình cong mà người ta gọi là Kris. Tôi có thành kiến về đạo Hồi, vì thấy nó chuyên chú tới thể gian, hầu như không tới tâm linh. Con đường tâm linh của tôi sẽ đi theo những cái đó? Nếu về tâm linh thì chỉ có thể do một hiền nhân Ấn Độ!

Nhân vật cho tôi thông tin đó ăn nói một cách lờ phờ về con đường tâm linh mới lạ đó: tôi chẳng hiểu gì hết, hầu như không nghe những gì ông nói, và cũng chẳng biết mình nên làm gì. Đứng ra thì tôi đã có thể nói: “Thôi cảm ơn, ông làm ơn cho tôi biết tìm thấy ở đâu nhóm theo Gurdjieff.” Nhưng tôi không thể nói như vậy, và cũng không nghĩ là mình sẽ nói. Tôi thể chông cự cái uy quyền trong lòng mình.

Bực tức, không biết phải làm gì, tôi nhìn quanh phòng thay vì chú ý tới những gì nói với mình. Tôi trông thấy một giá gác trên đó có một áp-phích viết tay những chữ :SUBUD. LATIHAN cho nam (giờ giắc) cho nữ (giờ giắc). Những chữ đó khiến tôi hết sức chú ý. Chúng có nghĩa gì? Thuộc ngôn ngữ nào? Tôi ngắt lời hỏi nhân vật cho mình thông tin: “Những chữ SUBUD, LATIHAN nghĩa là gì vậy?” Ông cúi đầu xuống nói nhanh nhẹn: “Oh, that’s what I am talking about!” (Đó là điều tôi đang nói tới).

Ngay lúc đó có một phản ứng thật khó hiểu: sự bực tức của tôi đột ngột biến mất, một cách nhanh chóng như khi lần đầu cảm thấy. Tôi chăm chú nghe ông nói.

Sau 2 hay 3 phút, tôi hiểu rõ được đó là con đường mình muốn theo, đúng ra là phải theo. Tôi hầu như không hiểu và cũng không thích những giải nghĩa của người phụ tá Subud đó. Những gì ông nói nghe như dạy đời, hầu như có nội dung một bài giảng đạo. Ông chỉ có thể nói không dài lâu, bởi tôi liên ngắt lời ông cho hay mình dứt khoát muốn vào Subud, và có những điều thiết thực nào không mình có thể làm. Ngay lúc đó tôi nhận thấy nhân vật ở Java mà mình không quen biết, là một chuyên gia mà mình muốn theo những răn dạy của ông, tuy như vậy chỉ là có lợi cho cá nhân mình.

Người phụ tá đề nghị chúng tôi tới một khu vườn để tiếp tục trò

chuyện. Hôm đó là một buổi trưa mùa thu ấm đẹp, chúng tôi chậm chạp bước ra ngoài, trong lúc ông cho tôi hay về những gì cần làm. Chúng tôi đi được khoảng hơn một chục bước, thì ông chợt nhắc tới chuyện phải đợi chờ 3 tháng.

Điều đó là một cú sốc, như có ai lấy búa nện vào đầu mình. Tôi cảm thấy lòng mình bị tan nát và bắt đầu khóc. Đã được 9 năm mà tôi không còn khóc nữa. Cố sức chống lại cơn khóc, tôi nức nở nói: “Nhưng tôi đã đợi chờ 3 năm để tới đây. Tuy đã muốn theo Gurdjieff nhưng bây giờ thì tôi quyết định theo Subud. Với tôi thì không còn nghi ngờ, không cần phải suy nghĩ gì nữa. Tôi dứt khoát muốn vào Subud!”

Người phụ tá tỏ sự thông cảm. Hiển nhiên tôi đã khiến ông xúc động, nên ông nói nếu có ai có thể rút ngắn thời gian đợi chờ, thì chỉ là ông Bennett. Tôi van xin ông trình bày trường hợp mình với ông Bennett. Ông hứa sẽ làm và nói tôi nên trở lại ngày một. Chúng tôi trò chuyện về những gì thiết thực trong Subud, và tôi thấy hơi yên tâm.

Kể từ lúc tôi cho hay mình thích Subud, thái độ người phụ tá thay đổi hoàn toàn. Không còn cứng nhắc và gò bó nữa, nhưng cởi mở và rất thân thiện. Có lẽ ông đã nhận thấy sự chống đối trong lòng tôi, và khi sự chống đối đó mất đi, ông trở nên bớt lạnh lùng.

Với tôi đợi chờ 3 tháng là điều gì khủng khiếp. Tôi sẽ sống còn ra sao trong thời gian đó? Tôi sẽ như một kẻ nửa tỉnh nửa mơ chẳng thể làm gì được. Tôi đã không ngờ là phải đợi chờ lâu như vậy. Một hay hai tuần thì chắc có thể được, nhưng lâu hơn thì tôi chưa từng nghĩ tới. Một cách không chống lại được, tôi có ý nghĩ này: mình như một kẻ bị lạc trong sa mạc. Tôi đã đi được một đoạn đường dài, và trong lúc hầu như mất hết mọi hy vọng, tôi cũng đến được một ốc đảo - trong sự ngọt ngào. Kẻ canh gác nơi ốc đảo thân thiện nói: “Bạn có thể vào đây – nhưng trong 3 tháng.”

Sau cuộc trò chuyện với người phụ tá, tôi lưu lại Coombe Springs trong một lúc. Trước hết tôi đi vào phòng là nơi thông tin cho hội viên dự bị. Tại đó có một người cho tôi hay ông Bennett đã viết một cuốn sách về Subud sắp được xuất bản. Bản in thử đã sửa chữa xong, người ta thân ái cho tôi mượn đọc. Tôi đọc cuốn ‘Concerning Subud’ của ông Bennett trước khi nó được xuất bản và trước khi tôi

được khai mở. Nửa phần đầu cuốn sách tôi chỉ đọc lướt qua, vì đó là những chuyện nhập đề, đặc biệt cho các môn đồ của Gurdjieff. Nửa phần còn lại tôi chăm chú đọc. Cuốn sách đó đã tăng cường sự quyết định vào Subud của tôi, nếu có thể được.

Chủ Nhật hôm đó có nhiều người đến thăm Coombe Springs, đặc biệt tại 'Coffee-Bar'. Những người Anh trẻ tuổi thường uống cà-phê thay vì trà theo truyền thống, trong khi dân Wien lại thích trà thay vì cà-phê theo truyền thống. Tại Coffee-bar tôi cũng uống trà, ăn chút ít, trò chuyện với nhiều người để tìm cách giảm bớt tình trạng xuống tinh thần của mình vì phải đợi chờ.

Trong ngày sôi nổi đó tôi nghiệm thấy tâm thức mình có một phần thâm sâu lớn mạnh hơn, khôn ngoan hơn cái Tôi thông thường của mình. Cái đó biểu hiện một cách tự nhiên, khiến có những cảm xúc mãnh liệt, khiến đột ngột hiểu biết và rõ ràng dứt khoát định đoạt. Ngay cả trong việc làm đổi thay các quan niệm. Cái ý chí thông thường của tôi không có quyền hành gì. Như từ nơi thâm sâu nhất của tâm hồn có một ý chí mạnh hơn chợt thay quyền lãnh đạo, ý chí của cái Tôi chỉ việc tuân theo.

Thực ra thì có thể gọi đó là một chứng nghiệm tâm linh, tuy hồi đó tôi chưa nghĩ tới điều đó. Đó cũng là cái chứng nghiệm đầu tiên của tôi với Bapak, trước khi tôi nghe nói tới cái tên đó và không biết chút gì về Subud. Làm sao tôi đã có thể tức giận một người mình không quen biết, một kẻ không làm hại gì cho mình, nhưng lại khiến mình vô cùng bức tức, trong khi mình ít khi phải khổ sở vì sân si? Nhưng khi tôi nghe thấy con đường đó là 'Subud', quan niệm của tôi hoàn toàn thay đổi, và Bapak chợt thành quân sư quan trọng nhất của mình, tuy không là một tôn sư. Tôi chỉ việc theo cái Subud đó, mà không chút nghi ngờ gì. Hồi đó tôi đã biết được những gì sẽ được chứng thực ngàn lần sau này.

Sự hiểu biết từ nơi thâm sâu đó đã phần nào được thể hiện 3 lần trước đây: Trước hết, khi còn bé tôi đã vui mừng về cái tên 'Hubert' của mình, tuy thấy có những tên đẹp hơn, như Adalbert hay Georg. Kế đến, khi được 15 tuổi tôi chợt biết được nghề nghiệp thích hợp với mình. Sau cùng, ở tuổi 16 tôi dài lâu biết được một chắc chắn là có một con đường của nội tâm trên đó mình phải đi một mình, nhưng đi tới đâu thì không biết.

Tôi cũng hiểu được tại sao chỉ có sự khẳng định duy nhất này của Gurdjieff là mình đã không coi thường ; đường lối tu tập của ông thích hợp với hiện tại. Đó là cái môi khiến tôi được dẫn dụ tới Coombe Springs, nơi tôi quả thực tìm được một lối tu tập hiện đại, và đó là Subud.

Khi rời khỏi Coombe Springs, tôi chỉ trông chờ ngày một mình sẽ trở lại, mong rằng một người được quý trọng như ông Bennett sẽ chấp nhận có trường hợp ngoại lệ.

Thứ Ba khi trở lại Coombe Springs, tôi muốn đi tìm người phụ tá đã thông tin cho mình. Nhưng tôi đã trông thấy ai đây, ngay khi bước vào phòng lớn? Chính ông Bennett!

Ông đứng giữa cầu thang gỗ dẫn tới lầu nhất, nên tôi có thể rõ rệt trông thấy ông. Chung quanh ông có vài người nam đang trò chuyện cùng ông. Một người luận bện việc như ông Bennett, ít ai trông thấy, hầu như không ai biết ông hiện đang ở đâu và khó tìm gặp, đang đứng trước mặt tôi ngay khi tôi bước vào! Tôi không đi tìm người phụ tá trước kia, mà chỉ muốn dùng cơ hội ngàn vàng để nói chuyện tay đôi với nhân vật quan trọng đó. Tôi đến gần họ, đứng lại rồi chăm chăm nhìn ông Bennett. Tới ngay chỗ ông để hỏi thì thật bất lịch sự, nên tôi đợi chờ cho mọi người trò chuyện xong.

Trong khi nói chuyện với người này rồi người khác, ông tình cờ nhìn thấy tôi, trong lúc tôi đang tuyệt vọng chăm chú nhìn. Ông ngáp ngừng trong giây lát, quay đầu qua chỗ khác, rồi lại quay sang phía tôi. Ông nhìn tôi một vài giây, bước xuống cầu thang để đi lên phía tôi. Khi đứng trước mặt tôi, ông hơi cúi mình xuống hỏi: “Yes, please?”

“Làm thế nào ông đã đoán được tôi là kẻ mong muốn thời gian chờ đợi được rút ngắn?”, tôi nghĩ và tức khắc nói rằng mình ban đầu muốn theo Gurdjieff, rằng bây giờ mình quyết định theo Subud vì không còn gì nghi ngờ nữa, rằng mình không thể chờ nữa vì đã chờ đợi 3 năm, vân vân... Tôi say sưa thôi thúc nói, như một kẻ đang trong tình trạng hết sức khó khăn. Một trong những luận cứ của tôi là mình muốn dài lâu tập chung với một nhóm, bởi sau 9 tháng tôi phải rời khỏi nước Anh. Tôi là một sinh viên nước ngoài từ Wien, và sau khi tôi về nước, sẽ không có latihan nhóm. Ông Bennett ngắt lời tôi nói: “Lúc anh trở về Wien, nơi đó đã có một

nhóm Subud.” Tôi cứng họng. Một mặt, điều đó đáng mừng; mặt khác, luận cứ của tôi không đứng vững được. Tôi tiếp tục nài khẩn biện hộ cho hoàn cảnh mình, nhưng đã phải câm lặng vì đã nói hết tất cả những gì phải nói mà không muốn lặp lại.

Kiên nhẫn đợi chờ cho tới khi những lời nói cuộn cuộn của tôi chấm dứt, ông Bennett thản nhiên nói: “Tôi nghĩ hôm nay khai mở thì không được, nhưng anh đồng ý ngày một chứ?” Còn gì hơn nữa! Hết sức vui mừng tôi cảm ơn ông.

Khi ông quay mình muốn đi nơi khác, tôi nhanh chóng hỏi: “Làm sao ông đã biết tôi là hội viên dự bị muốn hỏi ông về thời kì chờ đợi?” Ông quay mình lại một lần nữa rồi nói: “Không ai đã cho tôi hay về trường hợp của anh.” Ông đi tới nơi những người nam đứng trên cầu thang để tiếp tục trò chuyện cùng họ.

Như vậy người phụ tá trước kia đã không gặp ông, nhưng tôi cũng được toại nguyện. Ông Bennett đã cảm thấy sự khó khăn trong lòng tôi, và đã chỉ hành động theo trực giác. Chắc chắn ông đã nhận thấy ước muốn của tôi không do nôn nóng, nên một sự khai mở không phải đợi chờ là chính đáng. Nơi phòng thông tin, người ta sắp xếp cho tôi được khai mở chiều ngày Thứ Năm. Có lẽ tôi sẽ vào coffee-bar một lần nữa, nhưng điều đó thì không chắc chắn. Tôi chỉ chắc chắn biết là mình sẽ vui về về nhà.

02. Latihan đầu tiên

Ngày 16 tháng 10, một ngày Thứ Năm lúc buổi chiều, tôi đến Coombe Springs đúng lúc hẹn gặp nhau gặp 3 vị phụ tá hai 2 hội viên dự bị.

Không muốn cảm thấy bị tù túng, nên tôi không thất cà-vạt. Tôi cũng tự tiện đi vào phòng rửa ráy để rửa mặt và tay, tuy mình sạch sẽ.

Một trong các phụ tá là vị 4 ngày trước đó đã cung cấp tin tức về Subud cho tôi. Vị phụ tá nói bắt đầu và xong rồi trong lúc latihan tên là Bob Whiffen, một kiến trúc sư 55 tuổi. Tôi không còn nhớ vị phụ tá thứ ba là ai. Sau này, tôi hay được là Bob Whiffen đã khai mở cho những người Na Uy đầu tiên; bây giờ ông khai

mở cho người Áo đầu tiên. Hai anh hội viên dự bị là những thanh niên người Anh. Một anh luôn mỉm cười thân thiện và không nói một câu nào. Vị phụ tá thứ ba thì thậm chí nói cho tôi hay anh bị câm và điếc. Anh hội viên dự bị kia trông rất trí thức và lạnh lùng; anh đặt một vài câu hỏi: “Trong latihan người ta có thường cử động không?”

Ừ, cử động? Các phụ tá đã không nói với tôi là những gì có thể xảy ra trong latihan. Mọi người nghiệm được theo cách của mình, điều này thì không biết trước được, họ nói vậy.

Bob đáp: “Hầu hết đều có cử động, nhưng không nhất thiết là vậy, có thể xảy ra điều gì khác hẳn.” Tôi chăm chú nghe và nghĩ: “Tốt, mình biết được như vậy, nếu có cử động, mình cứ việc làm theo.” Tôi muốn nghe Bob nói nhiều hơn về điều đó, nhưng lại nhút nhát và e ngại đề hỏi.

Cuối cùng chúng tôi đi ra ngoài phòng, bước lên cầu thang bằng gỗ tới lầu nhất. Trong khi chúng tôi chậm chạp lên lầu, tim tôi bắt đầu đập mạnh. Điều này khiến tôi ngạc nhiên. Tim tôi chỉ đập mạnh khi cơ thể mình vận động nhiều và khi lo sợ, chẳng hạn như lúc thi cử. Không có hai nguyên nhân đó trong trường hợp này. Khi chúng tôi bước vào một căn phòng trống trải để được khai mở, tim tôi đập mạnh tới nỗi khiến tôi nghĩ mình có thể tức khắc chết hay ngất xỉu. Tuy thế, điều kỳ lạ là tôi không sợ hãi.

Các phụ tá đứng cạnh nhau, Bob đứng giữa; ba anh hội viên dự bị cũng đứng cạnh nhau, nhưng đứng đối diện, tôi đứng giữa nhưng hơi phía trước hai người kia. Phụ tá và hội viên dự bị đứng cách nhau khoảng 3 mét. Phía trên đầu tôi là một bóng đèn treo tạo ánh sáng cho căn phòng mà các cửa sổ đều đóng. Tôi mạo muội đứng gần nơi giữa phòng. Điều tôi mong muốn và nghĩ tới duy nhất là làm bớt đi sự đập mạnh khó hiểu của tim mình. Nhưng tôi biết là mình không thể dùng ý chí mình. Người ta bảo chúng tôi nhắm mắt lại, rồi Bob nói: “Bắt đầu.”

Đầu óc tôi trống không; điều này không khó khăn gì, bởi trước kia tôi đã tập cách khiến nó trở nên trống không. Tim tôi bớt đập mạnh, nhưng đột nhiên có một cục ánh sáng lớn bằng quả đấm bàn tay vụt qua phía trước tôi, như có một bóng đèn đang chiếu sáng rơi xuống.

Tôi trông thấy như vậy tuy mắt đã nhắm. Tôi nghĩ ngay đó chắc phải là một ảo giác. Có lẽ tôi đã vô tình chớp mắt, bóng đèn vẫn còn thực sự treo phía trước mình.

Tim mình không còn đập nữa, nhưng tôi lại cảm thấy một điều hết sức kì quái, như có một dây thừng buộc chặt giữa ngực kéo mình tới phía trước. Tôi rất muốn bước tới trước để khỏi phải té ngã, nhưng bàn chân mình như dính chặt trên sàn nhà. Đồng thời đầu gối tôi trở nên mềm dẻo, và đương nhiên tiếp theo đó là tôi quỵ xuống. Tôi nghĩ ngay: “Chớ đừng làm theo trí tưởng tượng!”

Tôi tự ý đứng lên. Một điều y hệt như vậy liền xảy ra: ngực bị lôi kéo, bàn chân dính chặt trên sàn nhà, đầu gối mềm dẻo khiến phải quỵ xuống. Tôi nghĩ: “phải là như vậy” và tiếp tục quỵ xuống. Ngực lại bị lôi kéo khiến tôi phải nằm sấp. Ngay lúc đó xảy ra một điều không thể chống cự, một cảm giác ngứa ngáy, bị châm chích chạy khắp thân thể, nó càng lúc càng trở nên mãnh liệt. Gần như một dòng điện nhưng khiến thoải mái. Sự chấn động vô cùng mãnh liệt đó khiến tôi co rúm và vùng vẫy, rên rỉ và thở hổn hển. Đầu tôi quay phía này qua phía kia, mặt cọ sát tấm thảm xù xì. Tôi nằm trên sàn nhà, và có cảm tưởng mình là một con cá đang vùng vẫy trên mặt đất.

Tôi không ngờ một chuyện như vậy có thể xảy ra. Cái sức chấn động mãnh liệt đó, điều khiến toàn thân tôi lay động, là điều gì hoàn toàn mới mẻ và bất ngờ. Tôi chưa từng nghe nói tới hay đọc trong sách thấy một điều như vậy. Có lẽ đó là điều làm lay động những kẻ trong trạng thái xuất thân, nhưng họ không còn ý thức được gì và làm chủ được mình. Tôi vẫn còn ý thức được rõ rệt như thường. Đồng thời một cảm giác vui sướng tột cùng chạy qua khắp thân tôi. Tôi chưa từng vui sướng như vậy, và biết được một cách hoàn toàn chắc chắn: “Đúng là nó, cái mình đã luôn đi tìm! Bây giờ mình đã tìm thấy, cái được ban cho mình kể từ lúc sinh ra! Đời mình kể từ lúc này chỉ là sự chờ đợi cái đó, hay tối đa cũng là sự chuẩn bị cho nó. Bây giờ thì mình đã sống lại! Bây giờ thì mới đích thực là sống!”

Nếu nói tới những *trải nghiệm tâm linh*, tôi chưa từng nghĩ đó lại có thể là *của thể xác*. Nếu vậy thì điều đó lại càng khiến mình tin tưởng hơn. Sau này, tôi hiểu được rằng mình đã bắt đầu có latihan lúc tim đập trước lúc khai mở.

Khi lẩn lóc trên sàn nhà, tôi chợt nghĩ tới việc không biết những người bạn mình sẽ nói gì, nếu họ trông thấy mình như vậy. Họ sẽ cười! Tôi cũng bắt đầu cười một chút. Tôi không còn nghĩ tới họ nữa, và tiếp tục cười không lí do trong một lúc.

Nhưng rồi chẳng còn ý nghĩ gì nữa. Tôi hoàn toàn phó thác cho cái sức mạnh đó. Tôi không còn nhận thấy những gì chung quanh mình nữa, không còn nghe thấy những gì những người khác làm, chỉ có mình tôi với sự chân động vô cùng mãnh liệt. Tôi cũng không còn ý thức được thời gian nữa, và điều này thật bất thường, bởi tôi luôn siêng năng tập cách ước lượng thời gian, khoảng cách và trọng lượng.

Đừng cho là tôi đã phóng đại mọi chuyện. Thực vậy, ngôn từ không đủ sức đề diễn tả sự trải nghiệm của cái latihan đầu tiên.

Đột nhiên tôi cảm thấy một bàn tay đặt trên vai mình, và nghe thấy một giọng nói: “finish now.” Những người kia thì ngồi những nơi khác nhau, lưng dựa vào tường. Hiện nhiên tôi đã không nghe thấy cái “finish” đầu tiên của mình. Tôi liền đứng dậy, nhưng latihan vẫn còn khiến thỉnh thoảng bị lay động. Bob nói: “Có thể là tự nhiên lại có latihan.” “Then I will be happy”, tôi cất ngang. “No, you must stop it!”, anh nghiêm khắc nói. “Yes, I will stop it”, tôi tuân phục nói nhưng không ưa cái giọng nói hách dịch của anh. Cha này muốn nói gì thì nói, tôi nghĩ, với mình vẫn đề không là chợt lại có latihan, mà là nó có chịu ngưng lại hay không. Làm sao mình có thể cản lại một sức mạnh như vậy? Hình như chả không hay biết chút gì về việc sức mạnh của latihan đã bắt ngờ chộp lấy mình.

Khi nhìn bộ mặt của hai anh dự bị kia, tôi hết sức kinh ngạc. Trông họ hết sức *bình thường*, và rõ rệt họ đã chẳng cảm nhận được gì. Họ hoài nghi nhìn và tránh né tôi, coi tôi là một thằng khùng. Hình như vậy. Một người trong họ nói chuyện với các phụ tá như trước đó, và tôi nhận thấy ngay là anh đã không cảm nhận được latihan. Anh nói lại điều gì như “điều này có thường không...” và “theo tôi nghĩ thì...” Tôi tiến hai bước tới phía anh và bộp đùng nói: “Cái gì là nghĩ, nghĩ. Anh chẳng cần phải nghĩ tới gì hết!” Anh lùi lại và nhìn tôi một cách ngạo mạn và khinh bỉ, điều tôi chưa từng thấy, rồi chợt bỏ đi chỗ khác. Tôi đã cư xử không thích đáng. Tôi là vậy đó: mới được khai mở, tôi đã muốn dạy đời và đóng vai trò một

phụ tá.

Ngay sau đó, tôi cáo biệt rồi trước hết đi vào phòng rửa ráy. Khi đi ngang qua một tấm gương và nhìn khuôn mặt mình, tôi kinh hoàng: đó không còn là khuôn mặt thông thường của mình nữa! Mắt tôi thì nhỏ, nhưng trong gương nó lớn gấp đôi và sáng ngời như có thần lực. Toàn bộ khuôn mặt tôi rực ánh hồng hào. Vì là điêu khắc gia về chân dung, nên tôi thông thạo nhìn một khuôn mặt là sự phối hợp của các hình dạng, nhưng cái khuôn mặt này có phần nội dung hơn hình thể. Nơi xương gò má là một vết thương hình tròn, hơi dính máu nhưng không khiến đau đớn. Tôi biết ngay đó là do tấm thảm xù xì. Hai anh Subud mới vào kia đã trông thấy sự biến đổi này? Nếu vậy thì tôi có thể hiểu được sự tránh né của họ.

Tôi đi vào ‘quán nước’ để uống một tách trà. Nơi đó tôi gặp một vài người mình đã trò chuyện với họ cách đó hai ngày. Chúng tôi thân mật chào hỏi nhau, và họ mời tôi ngồi nơi bàn họ. Sau cái ‘how do you do’ tôi kể ngay cho họ hay mình vừa được khai mở. Họ nói điều gì như ‘‘oh, how nice’’ và hình như chẳng coi là thú vị chuyện tôi coi là trọng đại nhất trong đời mình từ trước tới nay. Để họ thấy rõ hơn, tôi nói với tất cả lòng chân thành của mình điều tôi phải nhìn nhận: ‘‘Điều đó tôi đã chờ đợi 27 năm (hồi đó tôi 27 tuổi). Họ chẳng có phản ứng gì. Tôi thấy như mình bị tạt một gáo nước lạnh, nhưng không bị lạnh bao lâu, bởi tôi cảm thấy có latihan rất mạnh. Hồi đó tôi chưa hiểu rõ người Anh, sự không đặt nặng vấn đề của họ và cái tính không ưa thích những gì người khác coi là quan trọng và khiến xúc động. Ngược lại, ở Ao thiên hạ lại thích thổi phồng mọi chuyện. Nếu nói điều gì là sự thật nhưng bị coi là phóng đại, mình có thể diễn tả một cách khôi hài, để người nghe tùy ý hiểu đó là sự thật hay phóng đại.

Tôi không muốn ngồi lâu nữa. Ước chi tôi kiếm được ai đó thông cảm nghe mình nói!

Khi tôi rời khỏi Coombe Springs, cuộc sống và thế giới trở nên khác hẳn. Điều này như mình đã ngủ và được làm cho tỉnh lại. Chỉ tới lúc này tôi mới cảm thấy mình đang thực sự sống, và không chỉ tôi, mà còn tất cả những gì chung quanh mình. Khi về tới nhà lúc xế chiều, tôi thấy giữa mình và cái thế giới chung quanh mình không còn rào chắn nữa, tất cả đều là vui thú và đón nhận. Điều tôi còn nhớ rõ nhất là một ngọn cờ phất phơ dưới cơn gió, bởi trông

nó như cái gì sống động. Khó khăn chỉ là không cho latihan hoạt động. Tôi không thể ngăn nó lại, chỉ có thể làm cho nó bớt hoạt động.

Khi cuối cùng lên giường nằm ngủ, tôi hầu như không thể ngủ suốt đêm. Tuy tôi mệt mỏi, nhưng latihan lại khởi động làm tôi lay động. Suốt mấy tiếng đồng hồ, tâm trạng tôi trở nên hỗn độn, một sự tạp nham giữa mộng mơ, latihan và tình trạng nửa tỉnh nửa ngủ. Rút cuộc thì tôi cũng ngủ được, bởi khi thức dậy như thường lệ, tôi cảm thấy trống kiện. Tôi ngồi dậy và chú tâm: còn latihan nữa không? Không, xin tạ ơn Chúa. Anh phụ tá đã cấm tôi.

Khi tôi đánh răng rửa mặt và chỉ mặc quần đùi đứng trước tấm gương để chải đầu, cơ thể tôi bắt đầu lắc lư theo vòng tròn. “Ồi thôi, latihan lại chộp lấy mình, tuy anh phụ tá đã cấm!”

Điều đó xảy ra suốt ngày.

Tôi không thể tập trung vào công việc mình, nhưng phải dùng ý chí làm điều gì đó để cản nó. Tôi vận dụng ý chí mình đứng bên mô hình điều khác hẳn bốp chỗ này chỗ kia, để cho người ta biết mình đang làm việc. Lúc nghỉ trưa dài lâu, tôi cảm thấy nhẹ nhõm hơn, đi đây đó cười nói với các đồng nghiệp và ăn uống một vài thứ. Khi tôi mệt mỏi và yên lặng đứng, cơ thể mình lại lắc lư theo vòng tròn. Nếu tôi ngồi, chỉ phần trên cơ thể mình là lắc lư. Thế đó, tôi khó có thể làm cho latihan ngưng hoạt động. Tất nhiên, trước mặt mọi người thì không thể tuân theo những phản ứng của latihan. Thế nên, dù không bị phụ tá ‘cấm cản’ thì tôi cũng phải chống lại nó.

Suốt ngày Thứ Sáu tôi chống lại latihan. Việc làm này rất cực nhọc và mệt mỏi, và đó là điều tôi còn nhớ rõ nhất. Niềm hy vọng của tôi là ngày hôm sau tới Coombe Springs tập buổi latihan thứ hai. Nhưng làm sao chịu đựng được cho tới lúc đó?

Mọi việc trở nên dễ thở hơn, không như tôi đã nghĩ. Buổi tối tôi buồn ngủ và ngủ ngon lành cho tới sáng. Lúc thức dậy thì không còn latihan nữa. Suốt buổi sáng, tôi cảm thấy rất thoải mái, và lúc trưa thì lên đường tới Coombe Springs.

Cái latihan đầu tiên của tôi kéo dài khá lâu, từ buổi trưa Thứ Năm

tối buổi tối Thứ Sáu, ngoại trừ những giờ phút mình ngủ ban đêm. Nếu ước lượng khoảng thời gian đó một cách khô khan, điềm đạm và chu đáo, tôi nhận thấy đó phải là 24 tiếng đồng hồ.

03. Latihan thứ hai

Thứ Bảy 18 tháng 10 là sinh nhật mình, nhưng tôi đã quên hẳn. Mình có nhận được một tấm thiệp chúc mừng từ Ao hay không, tôi không còn nhớ nữa. Subud đã trở thành sự sống của mình, và tôi mong muốn được ‘chuẩn bị chu đáo’ cho cái latihan thứ hai. Tôi tự nghĩ như vậy, và điều đó khá ngây ngô, bởi quả thực latihan đã tác động tới mình một cách mãnh liệt, dù mình muốn hay không. Nhưng cái Tôi coi nó là quan trọng và tin rằng ý chí có thể làm được nhiều chuyện. Nó tôi đa chỉ có thể cản trở, chứ không xúc tiến.

Do đó mà tôi đến Regent's Park, không xa nơi University College. Nơi khu vườn xinh đẹp đó với những vườn hoa và cây cối trông như tranh vẽ, tôi ngồi trên một chiếc ghế ngắm bầu trời phía Tây thành phố. Buổi trưa mùa thu thật tuyệt vời, ấm áp với ánh nắng. Cách mình không xa tôi trông thấy những đứa trẻ vui đùa, những người lớn đang ngồi hay đi đứng chậm chạp, những con chó chạy đây đó, một khung cảnh thật an hòa: một nơi chốn thần tiên ngay giữa một thành phố lớn, điều phản chiếu lòng tôi ra bên ngoài. Tôi cũng cảm thấy an hòa trong lòng nhờ ân tứ luôn có của latihan, và vui sướng chờ đợi những chứng nghiệm kế tiếp. Tôi chẳng cần phải tìm kiếm gì nữa, mà chỉ việc lấy thêm. Tôi không còn là một người đi tìm nữa, mà là đã tìm thấy đường. Trước kia, con đường là mục tiêu, bây giờ là lúc lên đường, và mục tiêu là mục tiêu.

Tôi ngồi đó được một tiếng đồng hồ, rồi lấy xe điện ngầm, xe điện và xe buýt tới Coombe Springs. Cứ việc điềm nhiên. (Tôi chưa từng biết có ai đã ‘tĩnh tâm’ lâu như mình, nhưng chắc có một vài người).

Lần này thì tôi biên tên mình vào danh sách cho những người tập latihan trong một cái ‘dshamidschunatra’. Đó là một tòa nhà chín cạnh bằng gỗ từ thời Gurdjieff, chứa được 30 người cho một xuất latihan nhóm. Không có cửa, nhưng lối ra vào dẫn xuống mặt đất tới một phòng thay quần áo xây cất trang nhã với những ngăn kéo,

chỗ rửa ráy và tắm hoa sen và hai cầu thang dẫn tới phòng bên trong. Tất cả những cái đó liên quan tới một biểu tượng phức tạp, nhưng với những người Subud thì chỉ là một chỗ tiện dụng để tập latihan. Từ trưa cho tới tối khuya, cứ cách nửa tiếng đồng hồ là có một xuất latihan. Trên tường là những danh sách với 30 hàng cho một xuất latihan, và khi một danh sách đã có đầy đủ 30 tên họ, thì phải ghi vào danh sách cho xuất latihan nửa giờ kế tiếp. Cũng có nhiều phòng nơi tòa nhà chánh yếu (tôi được khai mở tại một trong những phòng đó) và danh sách cho những xuất latihan. Mọi việc được chu đáo tổ chức, và điều đó cần phải làm, bởi có hàng trăm người tới Coombe Springs, thường là từ những nơi xa xôi, và người ta không muốn cho thiên hạ không thể yên tĩnh vì những sự lộn xộn. Có khoảng 30 người chúng tôi đợi chờ tới phiên mình xuống điều tôi gọi là ‘địa ngục’, vì phòng tập xây dưới mặt đất. 30 người chúng tôi bước xuống cầu thang, trong khi 30 người khác đã tập xong bước lên. Mọi người đứng đầu đó trong phòng, thì một phụ tá đã nói ‘begin’ và tức khắc là những tiếng ồn ào. Tôi e dè đứng nơi gần tường và không dám đứng giữa phòng.

Tôi đứng nhắm mắt và chẳng cảm thấy gì hết. Sau một lúc không bao lâu, cánh tay phải tôi rất chậm chạp đưa lên, và đều đặn chậm chạp cử động, hầu như thẳng đứng. Tôi nhảy lên cao một chút, chân trái đưa qua một bên. Cánh tay phải cũng chậm chạp hạ xuống, nhưng cánh tay trái thì đồng thời đưa lên. Trong lúc vị trí cánh tay phải là dưới và cánh tay trái là trên, chân trái đưa về giữa và chân phải đồng thời đưa qua phải. Và cứ như thế. Cánh tay thì rất chậm chạp, chân thì rất nhanh. Tôi chợt ý thức được: “Ừa, đây là một điệu múa!” Điệu múa đó rất thô sơ, máy móc, nhưng dù sao thì cũng là những động tác điều hòa. Tôi thấy mình như một con chơi chơi, chỉ có điều này là những động tác đó thật chính xác và đều đặn. Tôi vẫn còn hoàn toàn ý thức được thời gian, và có thể khẳng định điệu múa kì dị đó lâu khoảng 10 phút.

Tôi đứng yên tĩnh và không cảm thấy gì hết, như lúc ban đầu.

Sau khoảng nửa tiếng đồng hồ, điều khiến tôi rất ngạc nhiên là mình bắt mở miệng tự động, đôi khi là những âm điệu nói năng trong một ngôn ngữ không quen thuộc. Tôi phát âm rất rõ rệt, nói năng như để diễn tả với những ngữ điệu khác nhau, đôi khi là những âm điệu của sự hỏi. Đó không là sự ăn nói lung tung, mà nghiêm trọng. Có 2 hay 3 âm tôi chưa từng biết, trong tiếng mẹ đẻ cũng

như trong một ngoại ngữ. Một âm là âm yết hầu, âm đều đều của chữ ‘A’, như của người A Rập; còn những âm kia là phụ âm. Môi, lưỡi và vòm miệng tạo nên những âm thanh mà tôi không thể phát ra với ý chí mình. Cái ngôn ngữ đó với tôi có vẻ như một sự phối hợp giữa tiếng Pháp và tiếng A Rập. Tất nhiên không thực sự là vậy, bởi đó chỉ là âm thanh. Nếu là tiếng Pháp thì tôi đã biết.

Không ai đã nói những gì, nhưng điều đó lại có tác dụng của một bài diễn thuyết chuyên đề tại trường học. Ngoài ra, tôi còn nghiệm thấy những hình ảnh rất mạnh, rõ rệt tới nỗi hiện nay vẫn còn nằm trong kí ức mình, hầu như một sự linh thị: tôi đứng trên một cái bục, trước mình là một cái bàn, mặt bàn thì nghiêng dốc. Cách mình vài mét là những hàng ghế trên đó những người nam và nữ trung niên đang yên lặng ngồi. Những người đó tôi trông thấy không rõ lắm, có khoảng 50 mạng. Các hình ghế tạo thành một hình vuông, nhưng chiều ngang phía dưới lại dài hơn. Những người đang tập latihan đáng lí ra phải di động tới nơi đó thì tôi lại không trông và nghe thấy gì. Trong lúc đang nói năng, tôi di động đây đó và làm một vài cử động. Mọi việc không thể ngờ tới được, khiến tôi chỉ việc nghe ngóng mà quên đi mọi ý nghĩ của mình.

Điều đó kéo dài khoảng 10 phút. Lại chẳng có gì trong một lúc không lâu. Khi miệng tôi lại mở ra, tôi nghĩ chắc mình bắt đầu nói gì đó. Nhưng không, tôi bắt đầu hát!

Tôi không còn trông thấy những hình ảnh và nghe thấy nữa latihan của những người khác. Tự nhiên ca hát thì thật tuyệt vời! Theo cảm giác của mình, tôi đang ca hát trong một ngôn ngữ mình không hiểu thành một điệu thứ, một âm điệu luôn lặp đi lặp lại, như trong những bài dân ca với nhiều đoạn. Âm điệu đó khiến tôi nhớ tới những bài dân ca của Ukraine mà lúc 13 tuổi tôi nghe những người lính Ukraine hát, những kẻ chiến đấu bên cạnh quân đội Đức chống lại Hồng quân. Hồi đó, những bài hát đó đã khiến tôi sâu sắc xúc động; tôi cảm thấy vui lẫn buồn, bắt đầu khóc và nói với đứa em đứng bên cạnh mình: “Những bài hát này là của tao! Tại sao những người Nga này lại hát những bài đó?” [Tổ tiên anh Mursalin gốc ở Ukraine].

Trước đây, tôi chưa từng nghe những bài hát đó. Trong latihan tôi cũng ca hát những bài đó mà quên đi cái Tôi của mình và cảm thấy vừa u sầu, vừa vui thú. Tôi hoàn toàn là chính mình, tuy quên

đi cái Tôi của mình, và không có bất cứ gì trên cái thế gian này là quan trọng ngoài sự ca hát đó. Tôi còn muốn hát lâu thêm nữa, nhưng một tiếng ‘finish’ khiến latihan mình ngưng lại. Chúng tôi đi xuống dưới, lớp người kế tiếp tập latihan bước lên, và một xuất latihan khác bắt đầu.

04. Latihan thứ ba

Tôi mong muốn có thể luôn luôn tập latihan. Có thể so sánh điều đó với sự ăn uống: tôi như một kẻ đói khát cuối cùng được ăn uống. Tất nhiên mình vẫn còn đói khát, và cũng tất nhiên mình không thể mãi mãi ăn uống. Một ngày thiếu latihan thì có thể chịu đựng được, vì tôi tự an ủi là chỉ việc đợi chờ tới ngày mai, nhưng 2 hay 3 ngày mà thiếu thôn thì chịu làm sao cho nổi?

Tôi được khai mở ngày Thứ Năm, Thứ Bảy là ngày trong tuần, và Thứ Hai thuộc tuần kế tiếp, như thì phải đợi 2 hay 3 ngày. Tôi thấy mình chẳng cần phải lo nghĩ gì và tiếp tục đi tập latihan nơi cái Djamidi, một đền thờ Gurdjieff 9 cạnh. Lần này thì ít người hơn, có lẽ độ chục người. Tôi lại một lần nữa đứng giữa phòng. Nhưng ngay lúc ban đầu, tôi đã phải đi thụt lùi tới khi đụng vào tường, nơi có một cái ghế ngồi trên đó đặt đây đó những chiếc gối mỏng. Tôi ngồi lên ghế, đưa phần dưới chân trái mình lên, tiếp theo là bên chân phải. Phần dưới chân phải muốn đặt lên bên trái, nhưng chỉ có thể được nhờ đôi tay. Tôi dùng đôi tay mình cho chuyện đó theo ý chí mình, và ngồi đúng cách theo thể ngồi của Yoga, lưng thẳng đứng. Hai tay tôi chậm chạp đưa lên: ngón tay út và ngón tay trở đụng vào nhau, trong khi những ngón tay khác thì chia ra. Bàn tay tôi chậm chạp hạ xuống, cho tới khi cườm tay đặt trên đầu gối. Tôi làm đúng theo những gì học được ở Wien của ông Riha, ông thầy dạy Yoga.

Cách đó 5 năm tôi đã theo học một khóa Yoga trong vài tháng, rồi tập một mình ở nhà, bất cứ lúc nào thấy hứng thú. Trong latihan tôi thở với bụng, hông và ngực, y như mình đã học trong Yoga, nhưng lần này thì hoàn toàn tự động. Cơ thể tôi tự hoạt động, và tôi chỉ việc quan sát. Bàn tay phải tôi đưa lên, ngón tay trở bít một lỗ mũi lại, tôi hít thở với lỗ mũi kia. Tiếp theo tôi cũng bít lỗ mũi đó lại, rồi thở ra với lỗ mũi bít trước đó. Tôi tiếp tục làm như vậy trong một thời gian. Trước kia tôi cho lối thở kì cục bằng lỗ mũi đó

là mê tín dị đoan, và theo tôi đó là một thành phần của Yoga. Tôi không thể không hoài nghi cái thuật hít thở đó của người Ấn Độ.

Đến đây thì sự việc trở nên lí thú: ý thức và cảm giác tôi bắt đầu tập trung vào một điểm giữa hai lông mày, một cách càng lúc càng mãnh liệt (điều đó thì tôi chưa tập luyện). Sự tập trung đó mãnh liệt tới nỗi tôi nghĩ rằng đây chính là lúc đột phá khiến mình đạt được một trạng thái khác biệt, siêu đẳng của ý thức. Nhưng ngay lúc tôi nghĩ mình sắp tới được cái điểm cao nhất, thì tất cả đều xẹp xuống. Có thể coi đó như điều tầm thường này: Khi dần dần sắp hết hơi, thì đột nhiên mình lại không thể nữa. Chắc điều đó khiến bạn thất vọng?

Sau khi chuyện đó thất bại, không còn những động tác của Yoga nữa, và điều này thì không mất nhiều thời gian. Cái latihan hôm đó không sống động, nên tôi lại phải thất vọng. Tất nhiên là tôi cũng phải coi là mình đã được nhiều ân huệ vì sự đa dạng và cường độ của cái latihan thứ nhì.

Khi ra về, tôi nghĩ: “Latihan thật tuyệt vời. Tất cả đều có trong đó, kể cả Yoga. Nếu cần tập Yoga cho sự phát triển của tâm linh, mình chỉ việc tập latihan mà không cần phải tôn tiền cho ông thầy dạy Yoga. Có thể trong những lần tập kế tiếp mình sẽ đạt được cao điểm của sự tập trung.” Tôi đã nghe nói tới và đọc được trong sách về điều đó.”

Tuy nhiên, tôi không còn nghiệm được những động tác của Yoga nữa.

Với thời gian tôi hiểu được chuyện đó một cách khác hẳn. Sau vài năm tháng và những chứng nghiệm khác nhau, tôi nhận thức được lạ trong cái latihan thứ 3 những động tác tự phát đó của Yoga đã khiến mình được thanh lọc khỏi sự tu tập theo Yoga trước kia của mình. Lối tập luyện đó đã có một ảnh hưởng rất mạnh, bởi tôi chỉ làm theo sự tập luyện của những người khác khiến tâm linh mình được phát triển. Bất cứ ảnh hưởng mãnh liệt nào, dù không xấu xa, đều cản trở sự tiếp nhận, bởi sự tiếp nhận chỉ xảy ra qua bản chất mình. Trong một thông điệp cho Hội nghị Quốc gia tại Áo trong thập niên 70, Bapak viết điều này: “Ngày nào còn bị ảnh hưởng của những người khác, ngày đó bạn vẫn chưa tiếp nhận được đúng cách.”

Hiệu quả của latihan thật kinh ngạc: không hơn một phần tư tiếng đồng hồ tôi được thanh lọc khỏi sự tu tập theo Yoga trong nhiều năm.

05. Thời kì đầu tiên

Sau cái latihan thứ 3 cơn đói tâm linh của tôi không còn dữ dằn nữa. Thậm chí tôi có thể chịu đựng 2 hay 3 ngày thiếu latihan, và lấy làm hài lòng được tập hai lần mỗi tuần. Thứ Bảy hay Chủ Nhật tôi hầu như tập ở Coombe Springs, và mỗi tuần tập một lần với một nhóm nhỏ bé ở Nottingham, nơi mình ở.

Không bao lâu tôi đổi nơi ở tới ở trọ một căn phòng khác gần University College mà rẻ tiền hơn. Nhóm Subud gần nhất là nhóm Hamstead, lấy xe điện ngầm tới đó mất 20 phút; tôi tập latihan tại đó cho tới cuối niên khóa, một lần (đôi khi hai lần) mỗi tuần. Nhiều người đã làm như vậy: trong tuần với một nhóm nhỏ bé tại những ngoại ô của London, cuối tuần tại Coombe Springs.

Nơi đó có những người thuộc những quốc gia khác nhau, không chỉ là người Anh, người ta có thể trao đổi kinh nghiệm và ý kiến và nghe kể những chuyện thú vị. Câu hỏi chánh yếu là “Nhu thế nào bạn đã đến với Subud?” Có những động cơ khác xa nhau, những điều tình cờ kỳ ngộ nhất, những nỗ lực đặc biệt nhất, và người ta luôn thấy rõ được Subud là một trải nghiệm rất cá biệt, ngay cả con đường dẫn mình tới đó.

Ai đó có thể viết một cuốn sách với tựa đề: “Tôi đến với Subud như thế nào”, với 1000 hay 3000 cuộc phỏng vấn.

B. Hơn 8 tháng đầu tiên trong Subud

01. Quay tit

Có lần tôi thấy rất đói khi đến Hamstead, nên vào một tiệm ăn để ăn uống vài thứ, trước khi tập latihan. Ngay lúc ban đầu tôi đã quay tròn. Chẳng bao lâu tôi xoay tit rất nhanh ngay nơi mình đứng, cánh tay dang ra. Tôi chưa từng nghĩ là ai đó có thể quay nhanh như vậy. Ngay sau đó cái bao tử đầy thức ăn của mình khiến tôi cảm thấy khó ỡ. Tôi khiến cho mình quay chậm vì thấy nhức đầu. Tôi khiến cho mình quay nhanh hơn thì lại bị sức ép của bao tử. Cuối cùng tôi không chịu đựng nổi, và nhận thấy mình muốn nôn mửa. Tôi lảo đảo bước ra phòng tập, kịp thời vào phòng vệ sinh để đàng hoàng nôn mửa. Một anh phụ tá tên là John đứng gần đó lo lắng hỏi tôi có sao không. “Không sao hết”, tôi hồn hên nói, “bao tử tôi bây giờ trống rỗng. Tôi chỉ cần xúc miệng, rồi tiếp tục tập.”

“Không được” John nói, “tốt hơn là anh nên về nhà.” “Nhưng tôi chỉ tập được có vài phút, như vậy thì chưa đủ.” “Tôi thấy hôm nay là đủ với anh rồi, ngay cả về mặt tâm linh. Khi có một điều như vậy xảy ra, thì tất nhiên không nên tập nữa.”

Tôi để cho mình bị thuyết phục và ra về mà không lo lắng mình đã không làm trọn vẹn điều gì đó. Nhưng tôi cũng biết được là kể từ nay mình sẽ đi tập latihan với một bao tử trống không.

Quả thực như vậy là rất đúng!

Trong buổi latihan kế tiếp, tôi cũng lập tức quay tròn như một con

quay. Quay rất nhanh tại chỗ mà không loạng choạng hay té ngã: ai có thể làm được chuyện này theo ý chí mình? Tôi chỉ nhìn được một cách lơ mờ, phòng tập với mọi người như đang quay cuồng xung quanh mình. Tôi liền đổ mồ hôi; trong lúc đang quay tròn, tôi cởi chiếc áo len chui đầu ra, rồi liệng nó đi. Tôi lảo đảo và luôn mong rằng mình sẽ không phải quay nữa. Nhưng điều đó đã không xảy ra, mà còn không nương tay tiếp diễn: latihan thật khắt khe.

Có tiếng ‘finish’ của một vị phụ tá. Tôi chưa từng nghe thấy một tiếng nói nào êm ái trong lỗ tai mình như hồi đó, nhưng tất nhiên tôi đã không thể tức khắc làm cho ngưng lại. Dần dần tôi quay chậm lại, nhưng thấy nhức đầu và chóng mặt. Rút cuộc tôi có thể đến một chỗ để ngồi. Tôi hết chóng mặt, ngay sau đó cũng không còn nhức đầu nữa. Phải mất một khoảng thời gian tôi mới cảm thấy dễ chịu trở lại.

Khi về nhà, tôi cởi giày ra và nhận thấy không những có những lỗ lớn nơi bít-tết mình, mà còn có cả những vết thương nơi bàn chân. Gót chân đã không đụng mặt đất trong nửa tiếng đồng hồ. Tại sao tôi đã không cảm thấy đau đón lúc đi đứng sau đó? Điều này y như cái điểm yếu của mình nơi xương gò má sau lúc khai mở.

Trong những tuần đó hình như tôi đã không đến Coombe Springs, bởi tôi còn nhớ thật rõ tới 7 cái latihan liên tiếp tại Hampstead với việc quay tít.

Sau những lúc ‘quay tròn’ đầu tiên đó, bắp chân tôi rất đau nhức trong 2 ngày, nhưng trong cái latihan kế tiếp tôi thấy khỏe khoản trở lại. Tôi lo lắng tới Hampstead và mong rằng mình sẽ không khiến cho bị quay tròn nữa. Nhưng vô ích! Trọng nửa tiếng đồng hồ tôi như một Derwish, một thầy tu Hồi giáo rất nhanh chóng múa may quay tròn. Sau đó lại cảm thấy khó chịu, nhức đầu và chóng mặt. Nhưng chuyện đó thì tôi đã quen rồi.

Lần thứ 3 thì cũng y như vậy, nhưng tôi chịu đựng được khá hơn. Hiển nhiên tôi đã được khiến cho phải tập luyện.

Lần thứ tư tôi lại nhảy múa nhanh chóng như một Derwish, nhưng điều kỳ lạ và vui sướng lạ sau khoảng 10 phút điều đó ngưng lại. Cái latihan theo đó thật yếu ớt, nhưng tôi không lấy thể làm phật lòng. Điều cốt yếu mình không còn là một con quay nữa: sự ‘quay

tít' đó với tôi là cái phản ứng khiến khó chịu nhất của latihan. Điều đó còn xảy ra trong hai buổi latihan tiếp theo, nhưng ban đầu chỉ kéo dài vài phút. Sau này ở Wien tôi cũng thỉnh thoảng có sự quay trong trong những năm đầu tiên, nhưng điều đó không lâu dài.

Nhân tiện tôi xin được thuật lại một trường hợp điển hình của một người anh em Subud.

Có lần tôi quyết định tập latihan với 'nhóm O' ở Coombe Springs. Kí hiệu đó nghĩa là con số không, nhưng người Anh thích gọi nó là chữ cái O, bởi cả hai đều trông như nhau. Tại Coombe Springs có những nhóm latihan với con số 1,2,3...tập trong cái Djami trong một lúc nào đó. Từ lúc khai mở hàng loạt trong năm 1957 có một số người gồm vài người nam (đa số thuộc giới trẻ) gây ồn ào kinh khiếp trong latihan. Bapak thường nhấn mạnh việc những người tập mà ồn ào cũng là điều tốt đẹp khiến cho những người khác tập cách quy thuận mà không lấy làm phiền vì họ. Nhưng trong trường hợp này điều Bapak thực sự muốn nói là những người gây ồn ào khiến cho những người yên lặng tập thấy rất khó chịu, và do đó phải có một xuất latihan đặc biệt cho họ. Đó là 'nhóm số không' hay 'nhóm O'. Ở Nam Dương thì không có những sự ồn ào như vậy, hay nếu có thì cũng không là bao.

Tôi không thuộc nhóm đó, tôi không ồn ào và la hét nhưng muốn chỉ một lần được tập chung với họ để thử thách mình. Sự quy thuận của tôi đạt tới một mức độ khiến không lấy làm phiền vì thiên hạ? Vui vẻ mong đợi những sự ồn ào kinh khiếp, tôi đến tập với nhóm đó. Nhưng tôi đã thất vọng, vì chẳng có gì là kinh khiếp. Dù la hét âm ỉ, mọi người đều chạy nhảy đây đó, lăn lộn trên mặt đất, nhưng điều đó không bị dồn nén lại.

Một người không trong Subud có lẽ sẽ nghĩ mình đang cùng với một lũ điên cuồng, nhưng điều đó không đến nỗi nào. Họ không đụng nhau và không gây thương tích cho nhau. Sự náo động đó là những tiếng om sòm đều đặn mà người ta dần dần làm quen. Latihan tôi không vì vậy bị cản trở. Tuy thế, các phụ tá đã phải nhiều lần lớn tiếng kêu 'finish!' Những người tập xuất kế tiếp nghe thấy điều đó nên họ yên lặng. Do đó mà những người khác nữa cũng nghe thấy, và chẳng bao lâu là sự yên lặng trong đền chùa.

Kể đến là có 30 người tập xong yên lặng, ngoan ngoãn và đầy mồ hôi đi xuống cầu thang vào nơi rửa ráy. Đồng thời một nhóm khác yên lặng, ngoan ngoãn, không đổ mồ hôi bước lên cầu thang. Mọi người chia nhau đứng trong phòng; câu ‘begin’ của phụ tá giống với một hiệu lệnh cho các chiến binh xưa kia ghê rợn hò hét chém giết xông tới kẻ thù. Nhưng tất cả điều đó hoàn toàn vô hại.

Đó là sự dẫn nhập những gì tôi muốn kể; bây giờ mới là lúc vào đề.

Sau khi tập latihan với nhóm O và cùng họ đi rửa ráy, tôi nói chuyện với một anh bạn trẻ người Anh. Tôi đã đề ý tới anh trong latihan -thỉnh thoảng tôi hé mắt nhìn tuy không được phép- bởi như vài người khác anh cũng quay tít. Anh quay đều đặn và nhanh vô cùng. Một người siêu đẳng qua tít. Chính tôi cũng đã ngã ngùi thử như vậy 3 hay 4 lần, và lấy làm vui thú mình đã vượt qua được sự ‘thử thách’ đó. Anh bạn nhỏ con, mảnh khảnh độ vui lòng cho tôi hay anh đã trong Subud được 11 tháng, đi tập đều đặn và trong latihan chỉ có sự quay tít đó. Chỉ có vậy thôi mà anh còn trong Subud!

Tôi choáng váng. Nhưng tôi rất phục anh.

Nếu không bỏ sót buổi latihan nào, thì anh đã hầu như hàng trăm lần là một con quay sống động trong nửa tiếng đồng hồ, chứ không chỉ 3 lần như tôi. Thật khó tin được.

Anh cũng nói với tôi là mình không chỉ quay tròn, mà còn nghiệm được vài điều trong nội tâm, những điều không thể diễn tả rõ rệt được. Như vậy thì nội tâm cũng được phát triển trong lúc đều đặn làm cái chuyện nặng nhọc đó. Có thể anh đã phải được rèn luyện nhiều để chịu đựng được môn thể thao đó, và bắp chân anh chắc chắn là những bắp chân rắn chắc của một tay đua xe đạp.

Trường hợp người anh em dai sức, can đảm và kiên trì đó là một bài học quý báu cho tôi. Tôi chỉ đủ can đảm chịu đựng được một cách ‘phải chăng’ sự ‘thử thách bị biến thành một con quay’ đó, điều này thì đối với một người còn trẻ như mình thì không hề chi. Thực vậy, tôi còn vui mừng hiểu được đó là một sự thanh lọc. Điều này sẽ giúp ích cho mình, nếu là một phụ tá có nhiều kinh nghiệm về latihan.

02. Cúng tặng

Tại Hampstead gần cửa ra vào của phòng tập latihan có một cái hộp trên một chiếc bàn nhỏ bé để hội viên tặng tiền bỏ vào đó. Hình như vậy là đủ để trang trải cho các chi phí. Tôi cũng thường, nhưng không luôn luôn, bỏ một đồng tiền vào đó. Tôi không hào phóng, tuy có một học bổng dư thừa và một phòng trọ không mắc. Tôi ích kỉ một cách ngây ngô, coi như vậy là đương nhiên khi có những kẻ khác làm công việc quản trị, lo toan tiền bạc để duy trì tổ chức Subud. Nếu không là vậy thì tất nhiên tôi sẽ không thể tập latihan nhóm. Nhưng đó lại là điều cần thiết cho sự phát triển tâm linh, như tôi đã thấy rõ được ngay ban đầu.

Một buổi tối nọ, tôi đổi một Pound ra tiền lẻ nên có đầy nhóc tiền các trong túi bên phải của áo khoác. Tại sao hôm đó tôi lại không dùng cái ví của mình thì tôi không hiểu được. Trong lúc đang tập latihan, tôi đi về phía cánh cửa phòng tập, nhưng không thể đi ngang qua nơi có chiếc hộp quên góp tiền. Latihan khiến chân tôi ngưng lại, bàn tay tôi tự động đút vào túi bên phải chiếc áo khoác nắm chặt lấy đồng tiền các. Một sự thôi thúc mạnh liệt khiến bàn tay tôi lấy những đồng các ra để bỏ vào hộp. Lấy rất nhiều! Học bổng của tôi là 40 Pound mỗi tháng, mà bây giờ tôi lại nên tặng gần tới 1 Pound chỉ cho một buổi latihan?

Tôi như bị mê hoặc, bàn tay mình luôn giật mạnh nắm lấy các đồng tiền. Cuối cùng tôi không chống cự nữa, tay mình tức khắc rút ra khỏi túi bỏ các đồng tiền vào hộp. Ngay sau đó đôi chân mình tiếp tục bước đi, và tôi cảm thấy vui vẻ và nhẹ nhõm.

Tôi hân hoan đi bộ ngoài đường ban đêm trong một lúc lâu, cho tới khi chợt nhớ tới là mình cần tiền để mua vé xe về nhà. Thôi chết rồi, mình đã cho hết tất cả rồi. Tôi thò tay vào túi, may thay, còn một đồng tiền duy nhất mà bàn tay do latihan hướng dẫn của tôi đã bỏ sót lại. Đó là một đồng tiền 1,5 schilling, gấp 3 lần số tiền mình cần, bởi một vé xe chỉ là 6 pence.

Latihan đã dạy cho tôi cách đóng góp tiền bạc cho sự tồn tại của Subud, và kể từ đó tôi tặng nhiều hơn.

03. Nhìn những người khác tập latihan

Trong nhóm mình tôi làm quen với một anh bạn trẻ người Ấn Độ. Anh là một họa sĩ, và đề tài nghệ thuật là điều khiến chúng tôi thân nhau. Sau buổi latihan, tôi đôi khi đi cùng anh một đoạn đường, hay chúng tôi ngồi uống trà nơi nào đó để trò chuyện về Subud hay nghệ thuật tạo hình.

Trong latihan tôi hầu như lúc nào cũng chuyển động và nhảy múa giữa những người khác, mắt không nhắm hẳn, vì tôi không muốn đụng vào bất cứ ai. Tôi có thể nhìn thấy vài điều ở những người khác, nhưng không quan sát họ. Tôi nhận thức được họ, như nhận thức được các đồ đạc. Latihan anh bạn tôi hầu như lúc nào cũng như nhau: múa may giậm chân xuống đất, như lối múa của những người sơ khai. Có máu của một nhà dân tộc học, tôi thấy anh đáng chú ý và cho anh hay về chuyện đó.

Một buổi tối nọ tôi cư xử một cách không thích đáng: tôi ngưng latihan mình lại để nhìn anh bạn đang múa may đó. Ngay sau đó, tôi lấy làm xấu hổ về chuyện đó, nhìn qua chỗ khác rồi tiếp tục tiếp nhận cái latihan của mình. Latihan đưa tôi tới ngay chỗ anh đứng, trong khi đó thì anh đã chuyển động tới chỗ khác, và tôi bắt đầu giậm chân nhảy múa y hệt như anh. Tôi cũng cảm thấy hình thù anh của mình: hơi nhỏ bé, cứng cáp và mập mập. Sau vài phút, tôi chuyển động tới chỗ khác, và tiếp nhận trở lại latihan của mình.

Sau này tôi kể cho anh hay về chuyện đó và xin lỗi anh. Anh cười, không giận tôi vì vậy mà còn chỉ coi đó là một chứng nghiệm lí thú.

Tôi đã đem vào latihan mình ảnh hưởng của người khác, và ngay sau đó được thanh lọc khỏi nó. Cái chứng nghiệm đó là một bài học còn khá hơn lời khuyên của một phụ tá nọ: ‘Bạn đừng nên nhìn những người khác tập latihan.’

04. Nhật kí latihan

Có những kẻ thích viết nhật kí, nhưng tôi không thấy hứng thú chút nào. Một khoảng thời gian sau khi được khai mở, tôi có ý định bắt đầu viết một nhật kí latihan. Bởi có những điều khác nhau, đặc biệt và bất ngờ mà tôi muốn lưu giữ. Những điều đó chắc chắn mang một ý nghĩa ẩn giấu. Bapak đã thường cho chúng ta hay điều đó là triệu chứng của sự thanh lọc, và chúng ta không nên suy nghĩ gì nhiều, bởi chưa thể hiểu được. Chỉ sau nhiều năm khi latihan đạt tới tri thức thì chúng ta mới hiểu biết được. Nếu vậy thì tôi sẽ không suy nghĩ gì nữa, và điều này có lẽ mai sau sẽ giúp ích cho tôi, khi cuối cùng có một danh sách gồm những phản ứng của latihan cho sự hiểu biết được soi sáng của mình. Tôi sẽ có được một cái nhìn bao quát khá hơn về sự thanh lọc và phát triển của mình, để hiểu biết chính mình rõ hơn.

Đó là điều mình nghĩ nên tôi bắt đầu viết những kinh nghiệm latihan của mình trên một quyển vở nhỏ. Đôi khi tôi quên viết, và sau đó lại viết tiếp theo kí ức mình. Nên những gì tôi viết không được đầy đủ. Tôi cũng đôi khi phác họa những tư thế mình có trong latihan. Tôi còn hết sức cố gắng trình bày những trải nghiệm khó diễn tả, hay viết một cách cho thích ứng. Nhưng tới một lúc nào đó tôi không thể làm tiếp được. Trong một buổi latihan nọ, tôi nghiệm được một tình trạng không thể diễn tả với ngôn từ. Kể từ đó, tôi không còn viết gì nữa trong ‘nhật kí’ của mình, rồi quên hẳn nó. Sau vài tháng, tôi tình cờ bắt gặp nó lại và...liêng bỏ nó.

Ai đó có thể nghĩ rằng những gì tôi ghi chép lại cũng như một nhật kí, nhưng tôi cho như vậy là không đúng. Người ta viết nhật kí để lưu giữ những điều (ngay cả tâm thường) mà mình không nhớ được hết, và có lẽ để thu thập những tư liệu cho một hồi kí.

Nhưng tôi viết những điều mà sau 50 năm mình không thể quên, những gì đã thâm sâu thâm trong lòng mình. Những chuyện vừa kể hiện nhiên chỉ là một phần nhỏ bé của những kinh nghiệm tâm linh và đời sống mình. Nhưng cái phần nhỏ bé đó đã cốt yếu hướng dẫn sự phát triển và nhân sinh quan của mình. Trong việc này, tôi không bị ảnh hưởng một cách đáng kể của những người khác. Chỉ là sự nhìn lại những gì đã qua.

05. Latihan trong rừng

Đầu mùa xuân năm 1959 cơ quan British Council tổ chức một chuyến du hành miễn phí tới Schottland trong 2 tuần cho những kẻ lãnh học bổng. Được mời đi, tôi không thể từ chối, nhất là vì lịch sự, nhưng dù sao thì tôi cũng muốn đi xem vùng Schottland. Thế nên, tôi chịu đi. Vấn đề duy nhất của tôi là mình phải bỏ 2 tuần không tập latihan nhóm, và có lẽ luôn cả tập một mình.

Cùng với khoảng 40 người, tôi đến Schottland. Các đồng nghiệp của tôi là những người rất lịch thiệp từ Âu Châu, Á Châu và Phi Châu.

Không lúc nào là lúc tôi được một mình, nên không có cơ hội cho latihan. Những ấn tượng của cuộc đi dạo sâu đậm tới nỗi khiến tôi chịu đựng được sự ‘thiếu thốn’ của mình. Nhưng có lần trong tuần lễ thứ nhì tôi được cơ hội. Chúng tôi đi dạo từ nơi này tới nơi khác, và trên đường đi chúng tôi tới một khu rừng. Khi đi ngang qua một khoảng rừng trống, tôi âm thầm đi đến một bụi cây đợi chờ cho tới khi mọi người mất hút vào rừng. Nơi khoảng rừng trống đó tôi phỏ thác mình cho latihan.

Thật kì ngộ. Latihan không sống động như thường nghiệm được, nhưng tôi rất mãnh liệt cảm thấy thế giới thảo mộc, đặc biệt các cây cối. Những sinh vật đó có một không khí đặc biệt. Cái không khí đó yên lặng, bình thản và dễ chịu, nhưng lại cản trở động tác. Nó có vẻ khiến cho buồn ngủ, như làm cho mê mẩn. Cái sức đó còn mạnh hơn cả sức mạnh của vật chất vô cơ, nên tôi không muốn rõ rệt cảm thấy nó trong latihan mình. Sau khoảng 15 phút, tôi ngưng tập để chạy theo những người bạn mình. Chẳng bao lâu tôi bắt kịp được họ, bởi họ đi thật chậm. Không ai nhận thấy tôi đã trước đó không đi cùng họ.

Tôi hiểu được tại sao xưa kia thiên hạ đã xây cất nhà cửa hay đền đài, chứ không chỉ thờ cúng trong những thánh địa là những khu rừng nhỏ.

Nếu thường xuyên tập latihan trong rừng, bạn có thể trở thành một thân linh của thế giới thảo mộc. Nhưng tôi không khuyên bạn làm như vậy.

06. Con rùa

Ngay sau khi được khai mở, tôi đã đọc cuốn Susila Budhi Dharma. Đề tài cuốn đó là tác động của các sức mạnh hạ đẳng (hay sức mạnh trần gian) và trong đó luôn có tác động của latihan.

Tôi không tin là có những sức mạnh vật chất, thực vật, thú vật và con người. Cái đó là thuyết vật linh? Tôi làm theo lời khuyên tốt đẹp này là không nghĩ ngợi gì về những chuyện mình không hiểu được. Tôi không có một lập trường nào và coi đó là một vấn đề chưa được giải quyết. Bapak cũng đã không đòi hỏi phải tin tưởng bất cứ gì, mà chỉ khiến chúng ta quan tâm tới kinh nghiệm bản thân.

Sau vài tháng, một latihan mà tôi tập ở Hampstead, khiến cho những quan niệm của mình phải thay đổi. Lần đầu tiên, tôi nghiệm thấy mình là thú vật.

Như xảy ra trong latihan, tôi yện ỏn bò trên bụng mình giữa chân cẳng của những người khác. Đầu tôi đưa lên, và đột nhiên đó là cái đầu của một con rùa to lớn. Nó luôn to lớn, nhưng tôi cảm thấy nó trong một hình dạng khác. Mắt nó to tướng, uốn khom, mỏ nó to cứng, phía trước cong xuống. Đương nhiên là đầu của loài bò sát. Tôi nghĩ: “Chắc là đầu một con rắn khổng lồ?” Nhưng không, miệng nó dẹt phẳng, mỏ không rộng, mắt không lồi. Đôi chân phía trước (đúng ra là đôi tay) của tôi từ từ tiếp tục kéo tôi đi, và tôi đi động thật nhanh chóng. Phần còn lại của cơ thể mình, tôi chỉ cảm thấy là một khối lượng dày đặc, không hình dạng.

Thực ra, cái chứng nghiệm về sự hoàn toàn biến đổi hình dạng thật thú vị. Đương nhiên, cái cơ thể vật chất vẫn còn y nguyên, nhưng cảm giác thì hoàn toàn là của một con thú. Tuy chỉ cảm thấy nơi đầu một cách thô sơ thiếu chi tiết, nhưng một kẻ ngây ngô như con nít chắc sẽ tin mình đã biến thành một con rùa. Như điều xảy ra trong các truyện ngụ ngôn. Tôi chưa từng nghe nói tới một chứng nghiệm như vậy, và cũng không thể hình dung là có điều đó. Việc đó thật mới mẻ, bất ngờ, khiến sừng sốt và khó tin nổi.

Trước đó vài năm tôi đã từng đọc vài điều về các pháp sư. Có những chuyện trong đó linh hồn một pháp sư trong hình dạng một con thú đi khỏi thể xác mình, để hoàn thành một nhiệm vụ gì đó trong thế giới của các vong linh. Những chuyện như vậy không có ấn tượng gì với tôi, hay không khiến tôi thấy hứng thú, bởi đó là những điều tôi coi là mộng mơ và phi thường. Trong những giấc mơ của mình, chính tôi đã vài lần thấy mình là một con thú. Có lần tôi là một con chim ưng, một con chim bay cao trên một phong cảnh đẹp mắt. Tôi xem thường những gì được coi là siêu việt của các pháp sư.

Trong lúc đó thì tôi cảm thấy nơi mình cái cơ thể của một con rùa to tướng. Nhưng không chỉ có cơ thể. Điều cũng khá ngạc nhiên là cái chứng nghiệm đó trong ý thức mình. Tuy ý thức bình thường của mình vẫn còn và mình tự quan sát mình, tôi còn cảm thấy có ý thức của một con rùa. Cái ý thức đó mờ đục, thiếu khả năng của tư tưởng và cảm xúc. Thực vậy, nó mờ đục không cảm được sự sợ hãi. (Có lẽ điều đó không cần thiết, vì một con thú như thế không có kẻ thù thiên nhiên)

Thật kì ngộ, chỉ hiện hữu mà không cảm giác gì được. Tuy thế, ý thức của nó lại tinh táo tuy mờ đục, hoàn toàn không khiến chán. Và sự chậm chạp của nó lại rất tự nhiên! Một cuộc sống như vậy cũng đáng sống. Nhưng chỉ đối với một con rùa. Điều này thì tôi tin được: nếu con thú ban sơ đó là một con vật thiên tạo thì cũng có thể coi cuộc sống của nó là đáng sống.

Đó là cái chứng nghiệm đầu tiên của tôi về sức mạnh thú vật. Trong những năm sau khi tôi trở về Wien, thỉnh thoảng trong latihan tôi nghiệm thấy mình là một con thú nào đó. Đó là những thú vật mà mình đã quen biết, và tôi không những nghiệm được có một sức mạnh thú vật đã đi khỏi nơi mình, mà còn có một sức mạnh thú vật khác nữa đến. Sự thanh lọc đó khiến học được cách hiểu được các sức mạnh thú vật. Có những con thú có thể dễ dàng đồng cảm được, có những con thì không dễ dàng.

Có lần khi nhóm Wien làm trắc nghiệm về sức mạnh thực vật, tôi trông thấy một cây mà thân hoàn toàn thẳng đứng, dày khoảng 20 cm và cao 2 m. Chỗ cây cao lớn, rậm rạp, hình cầu, trông như một cây ăn quả tươi tốt.

Tôi ăn ở nhiều năm nơi một vùng đồi núi tại Niederösterreich, nơi ban ngày nông dân chăn thả bò nơi đồng cỏ. Có lần đi ngang qua một nơi chăn bò và trông thấy một con bò độc nhất, tôi muốn coi xem mình mình có thể đồng cảm được với con thú đó không. Tôi cảm được. Những gì nhận thấy, tôi mô tả trong những vần thơ dưới đây:

Con Bò trầm lặng

*Có lần trông thấy bò,
Trên đồng cỏ đang mò
Đám cỏ thức ăn của bò.
Ăn có ngon không, chị bò?
Tôi hỏi chị vì tò mò.
Tôi tới gần hàng rào,
Chị bò nhìn không mời chào.
Khó hiểu, điem tinh bò nhìn.
Tôi chợt giác ngộ cảm được,
Cách bò không nghĩ gì được.
Cũng vậy latihan của mình
Là không nghĩ bất cứ gì.
Điêm nhiên tôi tiếp tục đi,
Như chị bò không nghĩ gì.
Nhưng sự trầm lặng khiến chán,
Khiến mình dân độn phát ngán.
Tôi chợt giác ngộ được:
Cách KHÔNG nghĩ không nghĩ gì.*

07. Tự động trai giới

Cuối niên học, giữa tháng 5 tới giữa tháng 6 năm 1959, đề thi ra trường tôi có ý định tạc tượng một người đàn ông bằng đá theo một khuôn mẫu bằng đất sét của mình. Điều đó khiến phải làm lụng rất nhiều, bởi tôi phải dùng những thanh sắt mỏng để tạo nên một cái sườn, những khuôn nặng nề bằng vữa; phải trộn và nghiền xi-măng với đá vụn, cùng với những việc khác.

Chính đó là lúc tôi không còn hứng thú muốn ăn uống gì.

Buổi sáng tôi ép buộc mình nhai trệu trạo một trái chuối và uống chút trà; buổi trưa tôi nuốt một bánh xăng-uyt vì sức khỏe và sự lao lực của mình; nhưng buổi tối lại thấy đói. Tuy thế, tôi chỉ cần 2 hay 3 miếng bánh mì tướt bơ, 2 hay 3 chén trà. Tôi nhận thấy ngay điều đó do latihan, nhưng cũng không cho phép bị yếu sức bởi phải làm xong công việc của mình! Bởi cần phải có những vitamin thiết yếu nên tôi ăn vài trái cây.

Sau vài ngày, tôi quyết định tuân theo sự hướng dẫn của latihan mà chỉ ăn uống khi thấy đói. Chỉ buổi tối mới đói. Tôi ăn 2 hay 3 miếng bánh mì bơ, một trái cam hay chuối, uống 3 chén trà. Ban ngày tôi không cần gì hết, tuy phải làm lưng cực nhọc. Tôi cũng không còn đến nơi thể thao gần cận, nơi mình tập tạ từ vài tuần để luyện cho cơ thể dẻo dai. Tôi đi đứng không dùng nhiều sức, không thấy mệt mỏi và hoàn tất không mấy khó khăn nghề phẩm của mình.

Điều đó khiến tôi âm thầm bị quyến rũ nghĩ tới việc mình có thể đạt tới một cảnh giới tâm linh cao siêu hơn, bằng cách hạn chế dùng những thức ăn của trần gian. Có những chuyện về những nhà tu hành không ăn uống gì trong một thời gian, như Nikolaus von der Flue ở Thụy Sĩ và Therese von Konnersreuth ở Bayern. Có những vị chỉ ăn uống rất ít, như các nhà tu hành trong sa mạc Ai Cập. Nhưng vì e ngại đó là sự kiêu ngạo tâm linh, nên tôi dẹp bỏ cái ý nghĩ đó. Vả lại, mình cũng chỉ mới 8 tháng trong Subud.

Cái thời kì trai giới tự động đó chỉ độ 3 tuần, nhưng rồi tôi lại thèm ăn như trước. Điều đó khiến tôi thật thất vọng. Công việc mình tôi đã xong xuôi. Tôi ăn uống như trước kia, và nhận thấy rằng cái thời kì đó là sự thanh lọc và phát triển của nội tâm mình, một sự hướng dẫn mình chỉ việc tuân theo. Chỉ sau này mới hiểu biết được, như Bapak đã nói.

08. Giác mơ về một cảnh giới đen tối

Tôi không tin các giác mơ là có gì đặc biệt, nhưng cũng có những giác mơ đen từ chỗ thâm sâu nhất của con người, có thể mang một ý nghĩa tâm linh và cho biết một sự thật nào đó. Mùa xuân năm 1959 tôi có một giác mơ hãi hùng.

Tôi thấy mình đang trong một căn phòng ở trọ trông y hệt như một căn phòng thật, chỉ có điều là cánh cửa nơi tường thì tại một nơi khác. Tôi cảm thấy lúc đó là đêm khuya, và mọi việc có thật tới nỗi tôi không nghĩ đó có thể là một giấc mơ. Một chuyện như vậy tôi đã từng trải qua khi còn là trẻ thơ, và khi thành người lớn thì cũng thỉnh thoảng xảy ra, nhất là lúc có những giấc mơ kinh hoàng. Tôi nhận thấy được đó chỉ là một giấc mơ, mong muốn thức giấc và quả thực đã thức giấc. Từ lúc 16 tuổi tôi hầu như không còn những cơn mơ khủng khiếp nữa.

Giấc mơ đó xảy ra lúc đêm khuya, ánh đèn điện chập chờn rồi tắt hẳn. Tôi chưa từng cảm thấy một đêm tối nào buồn bã như vậy. Khi còn nhỏ, cũng như những đứa bé khác tôi sợ những phòng tối tăm. Nhưng có lần khi phải một mình ban đêm đi trên một con đường xuyên qua một khu rừng, tôi không thấy sợ chút nào. Tuy còn nhỏ nhưng kẻ từ đó tôi không còn sợ bóng tối nữa, dù ngoài trời hay trong nhà. Tôi lấy làm hãnh diện là mình không như những đứa trẻ khác mà có thể đi đây đó trong bóng tối. Đừng quên rằng hồi đó chưa được lên đèn nhiều như hiện nay, dù là ngoài đường hay trong nhà. Đèn điện thì mắc và không hiệu nghiệm. Ban đêm các nơi chôn và đường phố tối tăm nhiều hơn hiện nay.

Trong giấc mơ mình khi ánh đèn điện tắt hẳn, tôi không cảm thấy chút nào điều gì như sợ hãi, mà là một sự buồn bã và âm đạm, điều mình chưa từng nhận thấy cho tới lúc đó. Như là không còn sự sống nữa. Nhưng điều kì quái là tôi có thể rõ rệt nhìn thấy tất cả, như khi có ánh sáng. Giấc mơ không còn về hiện thực nữa. Tôi châm lửa cho một cây nến, và nó cháy với một ánh lửa bình thường, nhưng lại thiếu ánh sáng! Chỉ có ánh lửa. Điều này thật kì quái. Ánh lửa liền tắt hẳn và tôi không thể không châm cho cháy một lần nữa. Tôi kinh hồn, một sự khiếp đảm mình chưa từng nhận thấy. Chỉ toàn là bóng tối, nhưng tôi lại nhìn thấy mọi chi tiết như ban ngày. Tôi đã bước vào cõi giới của bóng tối. Bóng tối đó giống với sự chết, một sự cách biệt với tất cả, một sự vắng bóng Thượng Đế, một địa ngục. Tuy thiếu phông hành hình nhưng lại cực kì buồn bã và vắng vẻ. Tôi nghĩ là chỉ còn vại tiếng đồng hồ nữa sẽ tới buổi sáng, nhưng không thể chịu đựng nổi khoảng thời gian đó.

Đột nhiên tôi trông thấy một phụ nữ trẻ nơi cánh cửa đã mở, một nữ đồng nghiệp, một người tôi si mê trong nhiều năm. “Ừa, em cũng có mặt ở London?” tôi hỏi. Cô chỉ nói “có chứ” rồi chúng tôi

trao đổi với nhau vài câu ngắn ngủi, tầm thường, tạm thời ngưng nói sau mỗi câu. Khi cô nói điều gì đó rồi im lặng, điều này như cô đã chẳng nói gì. Những gì tôi nói thì cũng thế. Cuộc trò chuyện của chúng tôi không có thật. Hình dạng cô chỉ là một hình bóng, không thực sự là của một con người. Nhưng tôi lại là một con người thực sự giữa những hình bóng không có thật. Cô bạn tôi chợt biến mất, và dần dần xuất hiện những người khác, nam và nữ, những kẻ mình quen biết cũng như chưa quen biết. Mỗi người chỉ lưu lại không bao lâu, rồi một người khác đến. Đối với những hình dạng không có thật đó thì cũng y nhau: trao đổi vài câu ngắn ngủi, những câu nói hầu như chưa từng có. Những hình dạng đó đến từ hư không rồi biến mất vào hư không. Cuối cùng thì chẳng còn ai đến nữa, khiến bóng tối và cảnh vắng vẻ trở nên vô cùng khủng khiếp.

Tôi chợt nhớ lại: “Mình đang trong Subud mà! Mình có thể làm latihan chứ!” Đó đúng là niềm hy vọng duy nhất.

Điều kỳ lạ là tôi không bắt đầu đứng tập như thường lệ (như Bapak đã khuyên) mà là nằm trên giường theo một tư thế đặc biệt: tôi nằm dựa lưng, chân phải duỗi ra, chân trái co lại, đầu gối trái đặt ngang trên nệm. Đầu tôi nằm trên nhiều chiếc gối làm mình khó chịu, nên tôi bỏ bớt đi một chiếc. Nhưng đầu mình còn đặt quá cao. Tôi lại bỏ bớt đi một chiếc khác, rồi lại một chiếc nữa và một chiếc nữa, nhưng đầu mình vẫn còn đặt cao. Tôi để mặc kệ, nằm yên lặng quy thuận Thượng Đế.

Lập tức tôi cảm thấy một sự gài giữ và rung rinh như của một cơn bão. Điều đó chạy xuyên qua cơ thể tôi kéo nó lên cao, khiến tôi lơ lửng trên giường mình. Tôi hốt hoảng. Cơ thể tôi chậm chạp lơ lửng lên trên trong tư thế y như trước, cho tới khi tôi cảm thấy mình đã phía trên trần nhà. Liên đó nó chậm chạp xoay mình cho tới khi đứng thẳng, để rồi bắt đầu chậm chạp tụt xuống dưới, luôn trong tư thế y như trước.

Tôi dùng hết sức mình để mở mắt ra. Mắt tôi chỉ mở được chút xíu, nhưng như vậy cũng đủ cho tôi trông thấy phía trái mình một đường thẳng màu trắng rực rỡ mà mình luôn theo dõi. Một cách rất chậm chạp tôi tụt xuống sâu hơn, nhưng cái đường thẳng sáng rực thì lên cao hơn. Đường thẳng đó chợt biến thành đường giáp ranh của một sân khấu, trên đó trong cảnh tranh tối tranh sáng có 5 hình dạng che mặt ngồi xếp hàng trên mặt đất. Hình như đó là những

tượng Phật bao bọc trong vải. Tượng ngồi giữa cao hơn một đầu những tượng khác. Ngay sau đó, sân khấu biến mất, và tôi chỉ còn trông thấy đường thẳng màu trắng sáng rực càng lúc càng lên cao trong bóng tối. Latihan xoay chuyển làm cho tôi nằm ngang, và tôi lại thấy mình nằm trên giường. Trong lúc đó, đường thẳng trở nên cao hơn đầu tôi, và cuối cùng tôi có thể hoàn toàn mở mắt. Tôi nhận thấy mình đã tỉnh mơ. Bình mình cho tôi nhận rõ được tất cả những gì trong phòng. Tôi nằm trong tư thế y như lúc trong giấc mơ; dưới đầu mình là những chiếc gối chồng xếp lên nhau. Đường thẳng rực sáng là sự phản chiếu của ánh sáng ban mai trên mép cái tủ dài và bóng láng, cái tủ đặt cách đằng sau giường tôi một khoảng. Mép tủ phía trên đầu tôi trên giường; tôi có thể trông thấy nó rõ rệt, vì đầu mình đặt cao trên những chiếc gối kỳ cục chồng lên nhau.

Đường thẳng sáng rực mà mình đã luôn nhìn đó, cách phía dưới tôi độ vài mét.

Đó là bằng chứng duy nhất về việc tôi đã thực sự bay lên trên, và đương nhiên không với cái cơ thể vật chất của mình.

12 năm sau trong Hội nghị Subud Thế giới tại Cilindak tôi hỏi ông Sudarto, một phụ tá nhiều kinh nghiệm nhất hội đó, đó có đích thực là một chứng nghiệm tâm linh không. Ông nói: “Đúng đấy. Đó là một sự tập luyện khiến cảm xúc bạn bành trướng. Với các hội viên Subud nội cảm họ có thể sẽ càng lúc càng rộng lớn, không như cách của thiên định. Với thiên định sự tập trung mãnh liệt tới nỗi khiến đạt được phép thần thông. Ông kể cho tôi một chuyện về một vị vua Ấn Độ xưa kia đã tạo được những điều phi thường nhờ tập trung quyền lực tâm linh của mình. Xưa kia, khả năng tâm linh của người ta mạnh hơn, Sudarto cho hay. Nhưng chúng ta thì chỉ quy thuận quyền năng Thượng Đế, cái quyền năng cho mỗi người chúng ta những chứng nghiệm thích đáng và tốt đẹp với mình.

Đối với Sudarto cái tình trạng thoát xác của tôi chẳng có gì là đặc biệt, mà chỉ là khởi đầu của một sự bành trướng. Có rất nhiều những gì người ta kể về tình trạng thoát xác, những điều còn đầy đủ hơn cái chứng nghiệm của tôi. Tuy chỉ là những gì tối thiểu, cái chứng nghiệm của tôi cũng cho thấy được mình có thể tồn tại ngoài cái thể xác vật chất của mình.

Tôi cũng đọc được đâu đó là Sudarto đã nói rằng những chứng nghiệm tâm linh đôi khi xảy ra trong giấc mơ, nếu mình chưa đạt tới tình trạng nghiệm được trong lúc tỉnh táo.

09. Thượng Đế trở thành thực tại đối với tôi

Những chứng nghiệm latihan trọng đại nhất tôi đã có vài tuần sau lúc khai mở. Lúc đó là cuối thu năm 1958, trước lúc Giáng Sinh. Một Thứ Bảy hay Chủ Nhật nào đó tôi đến Coombe Springs lúc chiều để tập một xuất latihan nào đó. Tôi tới trễ, nên vội vã chạy từ trạm xe buýt tới Coombe Springs, để rút ngắn cái thời gian mất 10 phút tới đó của mình. Mục tiêu của tôi không là cái ‘Djami’ mà là một căn phòng trống không trong tòa nhà chánh yếu, một căn phòng tôi phải trước tiên tìm thấy. Và tôi đã tìm thấy ngay.

Đây là lần đầu tiên (ngoại trừ lúc khai mở) tôi tập latihan trong một căn phòng, chứ không trong cái Djami. Tại sao lại vậy thì tôi không còn biết nữa.

Còn thở hồng hộc và không chút nào thanh thản, tôi vào phòng tập trễ vài phút, nơi mọi người đã bắt đầu tập. Tôi lập tức tập và tiếp nhận được ngay, có một vài cử động và phát âm. Sau một vài phút, tôi hoàn toàn bình tĩnh và tiếp nhận được đầy đủ. Tôi phải ngồi trên mặt đất, ngồi khoanh chân, đằng sau mình là một bức tường, đằng trước là những người đang chuyển động, trong đó tôi quen biết vài người. Anh phụ tá khai mở cho tôi cũng có mặt. Bức tường phía trước có những cửa sổ rộng, qua đó có thể nhìn thấy một hàng đồi núi dưới ánh sáng mờ tối của một buổi chiều mùa thu. Tâm tôi hoàn toàn yên tịnh, và tôi cũng không còn chuyển động nữa.

Tôi chợt trông thấy một đường rãnh ánh sáng thoát ra lên trên từ giữa ngực mình, đâm xuyên qua cửa sổ tới hàng đồi núi đằng xa dưới bầu trời một buổi chiều.

Đường rãnh đó rộng như một máng nước bình thường, không mỏng như tâm tôn nhưng dày hơn. Nó gồm ánh sáng! Ánh sáng là vật chất rắn chắc!

Nó sáng rực nhưng trong đó có những đường màu sắc khác nhau. Điều đó như những sợi băng len dày cuốn vào nhau, phần nhiều

đều màu trắng, nhưng cũng có vài màu khác sáng rực. Nhưng chất liệu lại không bằng len, mà bằng ánh sáng là khối lượng rắn chắc. Bề mặt của nó có vẻ như thường xuyên rung động, với những đỉnh sóng nhỏ xíu.

Trong đường rãnh đó một giòng nước mỏng dính chảy xuống phía tôi, rồi chảy lên phía trên, và thứ nước đó cũng bao gồm ánh sáng! Ánh sáng là chất lỏng! Nếu tôi nhớ không lầm, nước chảy xuống dưới từ phía trái của tôi, rồi chảy lên trên từ bên phải. Có thể phân biệt rõ rệt nước với đường rãnh, do sự sáng rực của nó. Trong lúc tôi nhìn điều đó, cảm xúc mình hoàn toàn yên tĩnh, kể cả trí nghĩ mình; nhưng suy nghĩ mà không cần ngôn từ, điều đó khiến tôi kinh ngạc vô cùng. Việc nước chảy lên trên tuy khá kì ngộ, nhưng điều khiến tôi ngạc nhiên hơn là hai giòng sông chảy ngược chiều đó trông như hai thanh sắt lướt qua cạnh nhau mà không xoáy cuộn.

Tôi mở mắt rồi nhắm lại. Nhiều lần mở và nhắm mắt, tôi vẫn trông thấy một hình ảnh y như vậy. Nhắm mắt lại, tôi chỉ thấy hiện ảnh; mở mắt ra thì thấy cả phòng tập cùng với mọi người, trong đó có những kẻ đi xuyên qua đường rãnh ánh sáng mà không làm cho hình ảnh bị hư hại.

Nhưng điều quan trọng nhất là những gì xảy ra trong ý thức: tôi biết, tôi quả thực BIẾT được một cách hoàn toàn chắc chắn là đường rãnh ánh sáng đó với hai con sông của nó không chỉ xuyên tới bầu trời buổi chiều, mà còn xa hơn nữa tới tất cả những gì có trong vũ trụ, tới một nơi vô tận không thể biết được. Nước gồm ánh sáng chảy từ nơi đó tới ngực tôi, rồi lại chảy ngược về đó. Nếu là một kẻ tin ở thuyết phiếm thân, tôi sẽ không tin nữa, vì đã thấy được đường rãnh đó xuyên qua ra ngoài tất cả những gì đã được tạo ra.

Chợt nhiên tôi lần đầu tiên phát ra tiếng ‘Allah, Allah...’ và cứ như vậy hoài.

Một cách bất ngờ, tất cả những thành kiến trong nhiều năm về đạo Hồi đều biến mất. Hồi đó, tôi chưa biết là từ Ả Rập ‘Allah’ đã có trước thời của Muhammed. Bây giờ thì tôi mới biết ‘Allah’ là danh hiệu đích thực, hay một cái tên của Thượng Đế, hay điều trong các tôn giáo gọi là ‘Thượng Đế.’ Như vậy thì tôi không còn cần phải

‘tin’ ở Thượng Đế, mà ‘biết’ chắc được là có Thượng Đế. Không thể chỉ tin thôi, bởi Thượng Đế bây giờ là chứng nghiệm, là thực tại đối với mình.

Tương tự, tôi biết thứ nước gôm ánh sáng là latihan kedjiwaan của Subud, là đến từ Thượng Đế và dẫn tới Thượng Đế. Điều này thì không còn nghi ngờ gì được nữa.

Cả hai điều nhận thấy đó, điều trông thấy và điều biết được, xảy ra trong tích tắc đồng hồ, nhưng chỉ kéo dài vài phút. Cái thời gian đó thật lâu dài đối với tôi.

Hiện ảnh và trạng thái phi thường đó của ý thức chợt biến mất, tôi đứng lên và chỉ có một latihan tương đối yếu cho tới cuối.

Cái chứng nghiệm đó là khúc quanh trọng đại thứ hai trong đời sống tôi. Cái thứ nhất là sự khai mở của mình. Nếu trước lúc khai mở các phụ tá đã hỏi tôi là mình có tin ở Thượng Đế hay không, thì tôi sẽ lúng túng, vì hỏi đó tôi hầu như là một kẻ chỉ tin ở thuyết bất khả tri. Tôi không thể là một kẻ vô thần, bởi đó cũng là một tín ngưỡng, cái tín ngưỡng là KHÔNG có gì hết. Người ta có thể tin bất cứ gì, nhưng tôi đã mất 7 năm để đi tìm một chứng nghiệm. Bây giờ thì tôi có cái chứng nghiệm đó. Tuy lúc khai mở tôi không thể không tin được, nhưng tôi không biết được cái sức mạnh đó là do Thượng Đế hay không, và cũng chẳng cần phải thắc mắc. Bây giờ thì tôi may mắn nghiệm thấy Thượng Đế.

Nói tới việc ‘nghiệm thấy Thượng Đế’ thì nên thận trọng và kính cẩn, bởi đó là một trải nghiệm cao quý nhất của con người. Điều đó chỉ sau này tôi mới ý thức được. Tương tự, tôi cũng ý thức được là mình được phép nói tới sự ‘nghiệm thấy Thượng Đế’ một cách hết sức chân thành. Với tôi đó thực sự là việc ‘nghiệm thấy Thượng Đế’. Kể từ đó trở đi, tôi không chút nào hoài nghi sự hiện hữu của Thượng Đế. Hoài nghi là mặt trái của đức tin, nhưng một khi đã thấy được sự thật thì sẽ không còn tin tưởng hay hoài nghi nữa, mà chỉ là biết được. Như vậy không còn cách nào khác hơn là chấp nhận cái đặc ân kì diệu mình không xứng đáng được đó, dù muốn hay không. Trong trường hợp đó, cái tính ương ngạnh của mình bị làm cho câm lặng. Cuộc sống sau đó sẽ không như trước kia.

Thành thật mà nói thì cái chứng nghiệm đó ‘quá cao siêu’ với tôi.

Đó là một cái gì đưa ra trước, cho xem trước, cho một kẻ mới bắt đầu, khiến ta được an toàn, thêm sức mạnh, nhìn thấy hướng đi, những điều mình cần cho tương lai và những thời kì khó khăn. Theo tôi hiểu thì như vậy, nhưng tôi không thể nói về chuyện đó với bất cứ ai, hay suy nghiệm về nó. Chỉ thỉnh thoảng tôi mới nghĩ tới, nhưng lại tức khắc đem nó trở về với kí ức.

Tuy thế, cái tác động của nó đối với tôi không hề suy giảm, và những gì tôi còn nhớ được cũng chưa từng lu mờ, mà nhớ tới từng chi tiết.

Lần đầu tiên tôi nói về nó là với một vị phụ tá nọ, khoảng 25 năm sau khi có cái chứng nghiệm đó, và kể từ đó một vài lần với những hội viên khác. Nhưng tôi đã không kể lại tất cả, những gì không diễn đạt được với ngôn từ. Chỉ hiện nay tôi mới nói tới, sau đúng 54 năm. Thậm chí, tôi còn thấy viết về cái chứng nghiệm đó còn dễ dàng hơn; với tôi đó là một nhu cầu. Lí do chánh yếu khiến tôi kể lại là muốn cho tất cả những ai khác muốn làm chứng cho tác động của Subud.

C. Những năm tiếp theo

1) Sự khởi đầu của Subud Wien

Việc tôi trở về Wien và sự thành lập nhóm Subud Wien thông qua Bapak ngày 7 tháng 12 năm 1957 thì tôi đã thuật lại. Những tháng 12, tháng 1 và tháng 2, chúng tôi tập latihan nhóm nơi một phòng thuê mượn. Chỉ tháng 3 1960 chúng tôi mới dài lâu thuê được một nơi buôn tẻ xây cất rộng thêm của một tầng hầm. Nơi đó gồm những phòng thuộc một nhóm tâm linh nọ, nhưng họ không dùng nó. Người cầm đầu nhóm là một phụ nữ gia nhập Subud mà vẫn còn giữ chức vụ thủ lĩnh của nhóm. Sau vài tháng bà bỏ Subud, bởi latihan mình rất yếu và sau 15 phút thì chẳng có gì, như bà nói với chúng tôi. Nhưng chúng tôi được giữ nơi mình thuê, một nơi gồm hai phòng rộng. Nơi đó trên đường Webgasse, gần đường Mariahilferstrasse, không xa nhà ga Westbahnhof.

Được vậy là nhờ một nhân vật tích cực hoạt động và có tài tổ chức của chúng tôi là anh Umlauf, một cái tên rất hợp [tiếng Đức *Umlauf* nghĩa là đi vòng quanh đây đó]. Anh quả thực đã độn đảo chạy đây đó, viết thư, kêu điện thoại, tiếp xúc, thông báo, điều đình; thậm chí còn khiến cho một nhóm được thành lập trong đó latihan không biến thành cái gì ‘phụ thuộc’ của những nhóm thân

bí, hay chỉ tập ở nhà.

Chúng tôi cũng tìm được những người làm việc cho ban quản trị, nên không còn nữa cái tình trạng ban đầu phụ tá cũng là thành viên ban quản trị. Hình như cái tình trạng đó cũng của là tất cả các nhóm khác, như tôi hay được qua những nói chuyện sau này của Bapak.

Ngày 1 tháng 3 năm 1960 có vụ khai mở đầu tiên. Tại một nơi chôn nhỏ bé của Niederoesterreich là Salzerbad, 3 phụ tá chúng tôi là Dr. Mueck, Umlauf và tôi khai mở cho 7 người nam, trong đó có một người lập tức có cử động trong latihan. Có 4 người nữ cũng được khai mở tại đó.

Khi mọi chuyện được đầu vào đó và tốt đẹp, xảy ra một điều khiến hết sức ngạc nhiên: nhân vật tích cực hoạt động mà tất cả chúng tôi mang ơn, tỏ vẻ hoài nghi Subud. Anh Walter Umlauf, anh được mọi người mến và tin cậy và có lẽ cũng tự coi mình là nhân vật chủ chốt và quan trọng của Subud Áo (điều này thì đúng một phần nào), có ý định bỏ tập latihan. Trong lúc nghỉ hè, anh muốn lên núi trầm tư để thấy rõ được con đường tâm linh tiếp theo của mình. Anh giao lại cho chúng tôi tất cả sổ sách và tiền bạc, một cách đầy đủ cho tới lúc cuối cùng. Anh lịch sự từ biệt mọi người, và nói rằng mình không biết có trở lại Subud nữa không. Chắc là không.

Anh không trở lại nữa. Sự mất mát đó khiến nhiều người đau buồn, kể cả tôi, nhưng cũng không ảnh hưởng gì nhiều. Chúng tôi còn viết thư hỏi Bapak tại sao một kẻ làm việc nhiều cho Subud lại có thể bỏ tập. Bapak viết một bức thư có vài lời an ủi là có lẽ một ngày nào đó anh ấy sẽ trở lại. Điều đó chúng tôi chỉ việc chấp nhận mà không thắc mắc gì thêm nữa.

10 năm sau tôi đến thăm Walter Umlauf và có một cuộc trò chuyện thú vị với anh, nhưng chuyện đó tôi sẽ kể lại một nơi khác.

2) Thêm ánh sáng!

Trong hai căn phòng của mình chúng tôi có đầy đủ đèn làm cho sáng, nhưng chỉ dùng đến một phần nào, vì nhiều người thích có ánh sáng mờ ảo trong latihan. Phái nữ chỉ dùng một bóng đèn nhỏ bé. Nó trông như một thập tự giá, ánh sáng của nó không hơn

gi của một cây nến cho một căn phòng rộng 9x4 mét. Chính tôi cũng muốn cho phòng được sáng sủa hơn, nhưng mình phải theo ý nguyện của số đông.

Người ta cho như vậy là thích đáng, nếu có cảnh thần bí ‘tranh tối tranh sáng’ trong lúc tu tập. Theo tôi, điều đó dựa trên một truyền thống cách đây mấy trăm năm. Cho tới lúc phát minh đèn điện, đèn cây là nguồn sáng tốt nhất. Nếu muốn sáng thêm nữa, người ta phải đốt thêm nhiều cây nến, và điều đó chỉ có được trong các nhà thờ và với những kẻ giàu có. Ánh sáng luôn là hình tượng của thiên ân và thiên lực, nhưng kể từ mấy trăm hay mấy ngàn năm qua, người ta đã chỉ coi cái hình tượng đó là của những cây đuốc, những đèn dầu và cây nến, bởi không có thứ gì có thể làm cho sáng hơn. Nên ánh sáng của đèn cây đã được dùng trong sự thờ cúng, và ánh đèn điện mới lạ không được coi là một hình tượng khá hơn. Ngược lại, nó bị coi là một dấu hiệu hiểm độc của một tân thời đại tôn thờ vật chất và xa lánh Thượng Đế. Trong những năm gần đây, điều đó hầu như không còn là vậy nữa, nhưng cách đây 50 năm thì chưa.

Đến thăm chúng tôi lần thứ hai trong năm 1964, Bapak bước vào phòng tập và lập tức hỏi: “Nơi đây không có thêm đèn hay sao?”

Chúng tôi liền bật tắt cả các đèn, và phòng tập tôi thiếu trở nên sáng sủa gấp đôi. Bapak gật gù mỉm cười: “Như vậy thì khá hơn.” Mọi người đều ngạc nhiên, nhưng tôi vừa lấy làm vui mừng, vừa xấu hổ.

Bây giờ thì tôi có thể mạnh dạn nói latihan không bị cản trở, nhưng trái lại là khác. Những kẻ thích ‘cảnh hoàng hôn’ hình như đã hồi cải, bởi kể từ đó trở đi mọi người đều muốn bật đèn cho sáng hơn, và không ai đã trách cứ gì.

Theo tôi biết, với phái nữ thì cũng y như vậy nhờ chị Mariamah Wichmann. Chị cũng đề cho tắt cả các đèn đều bật, và những người phái nữ khác đã không phản đối. Tuy thích cái cảnh thần bí ‘tranh tối tranh sáng’ nhiều hơn phái nam, nhưng họ chấp nhận điều đó mà không nói gì, bởi họ ngưỡng mộ chị, Tính nhã nhặn, dịu hiền và dè dặt của chị, sự tử tế của chị tức khắc được cảm tình của mọi người phái nữ. Bởi quý mến chị nên người ta làm theo lời khuyên của chị. Tôi nhận thấy chị luôn trong trạng thái latihan, trong lúc

nói cũng như lúc câm lặng. Với Bapak thì đương nhiên là vậy, và đoàn người đi theo Bapak cũng thường xuyên cảm thấy latihan.

Sự mong muốn có thêm ánh sáng trong phòng tập của Bapak chắc phải có lí do. Theo những khả năng hiện nay của kĩ thuật, người ta có thể làm cho ánh sáng bớt về âm đạm hay sự khó chịu.

Một nhận xét chót: chắc có một vài độc giả đã nhớ tới câu nói cuối cùng này của nhà đại văn hào Goethe: ‘Cho thêm ánh sáng!’

3) Một vị khách quý

Đầu thập niên 60 nhóm Subud Wien có thêm một người đến tập latihan. Đó là một vị giáo sư tên là Filipovic, một người từ Indonesia trở về Âu Châu, sau khi giảng dạy môn luật quốc tế tại đại học Jakarta. Ngay sau khi Husein Rofe, một kẻ không là người Indo đầu tiên được khai mở, ông đã vào Subud và tập latihan với nhóm của Bapak trong 8 năm. Đối với những kẻ còn mới như chúng tôi, ông là người mà chúng tôi ước mong được gặp nhất: một nhân vật nhiều kinh nghiệm latihan. Đã 8 năm! Và còn được bên cạnh Bapak nữa! Chúng tôi dồn dập hỏi chuyện ông, như bắt được một con mồi tâm linh. Nhưng ông chỉ mỉm cười né tránh: ‘Tôi không là phụ tá. Tuy đã có nhưng tôi không muốn nói tới những chứng nghiệm của mình. Tất nhiên tôi có thể cho hay vài điều, nhưng đó chỉ là ý kiến cá nhân.’

Chúng tôi được kể cho nghe những chuyện rất thú vị, và một kẻ tâm thường như tôi cuối cùng cũng học hỏi được đôi điều.

Vị giáo sư Filipovic đó là một người học thức, duyên dáng và hóm hỉnh, khiêm tốn và có tài kể chuyện. Chúng tôi thích thú nghe ông kể. Ông nói trôi chảy tiếng Hochdeutsch, tiếng Đức phổ thông, với giọng điệu của dân Wien, và kể về đời mình. ‘Đúng ra thì tôi là một người Áo thuộc thế hệ xưa kia,’ ông nói (đó là một người sinh ra trong lúc đất nước mình còn thuộc đế quốc Áo).

Trước thế chiến thứ hai, ông là một sĩ quan của quân đội Jugoslavia, ‘một sĩ quan gốc Serbia trung thành với nhà vua,’ như ông nói.

Sau khi Jugoslavia bị quân Đức xâm chiếm, ông là một tù nhân

chiến tranh. Khi bị mật vụ Gestapo tra vấn, ông mất vài chiếc răng vì một cú đấm vào mặt. Sau đó dưới chế độ cộng sản của Tito, tình trạng ông cũng không khá gì hơn, nhưng rồi ông cũng được giảng dạy tại một đại học của Indonesia. Bây giờ thì ông kiếm được một người vợ, và muốn với vợ mình đến định cư tại miền Nam nước Đức. Lúc đó ông 55 tuổi.

Điều đầu tiên tôi hỏi ông có phải hay không là vị giáo sư người Jugoslavia mà Rofe nói tới trong cuốn ‘The Path of Subud.’ Theo Rofe, vị giáo sư đó đã nói rằng Bapak xứng đáng nhận được một chân giảng viên tại đại học vì những bình phẩm của mình về tình hình chính trị trên thế giới.

Ông nói: “Tôi đúng là vị giáo sư đó, và tôi chỉ muốn bày tỏ sự ngưỡng mộ và trân quý của mình đối với những bình phẩm của Bapak, nhưng tôi chưa bao giờ nói Bapak xứng đáng nhận được một chân giảng viên của đại học. Điều này thì Rofe đã bịa ra”. Ông nói điều đó một cách cương quyết, về mặt ông tỏ sự nghiêm nghị. “Rofe đã không dịch đúng, mà chỉ diễn giải theo những gì mình hiểu. Phải hết sức thận trọng với những gì Rofe khẳng định.”

Câu hỏi của tôi hình như đã không khiến ông ngạc nhiên, và ông lập tức trả lời như đã sắp đặt trước. Hình như thiên hạ thường hỏi ông về chuyện đó, và ông đã bực mình vì Rofe đã không lặp lại đúng những gì ông đã nói.

Ông lấy làm ngạc nhiên về điều lệ tập latihan của chúng tôi, và coi đó là chuyện hơi khôi hài. Một phụ tá nói ‘Bắt đầu’ và mọi người đều đứng lên để bắt đầu tập. Sau nửa tiếng đồng hồ, một đồng hồ báo thức trong nhà bập reo vang, và mọi người đều ngưng tập. Chúng tôi dùng đồng hồ báo thức để các phụ tá trong lúc tập khỏi phải nhìn đồng hồ khiến latihan mình không bị trở ngại.

Ở Indonesia với Bapak thì sự việc khác hẳn, người ta được tự do hơn. Có 2 tiếng đồng hồ cho latihan: từ 20:00 tới 22:00 giờ. Trong lúc đó người ta có thể vào phòng tập và tập cho tới khi nào không tiếp nhận được nữa. Thường thường thì là nửa tiếng đồng hồ. Nên trong lúc latihan có người này đi vào và người kia đi ra, và mọi người không lấy đó làm phiền. Tất nhiên những ai vào tập đều trong trạng thái yên tĩnh và thư thái. Chuyện đó là đương nhiên với người Indonesia.

Ông kể một trường hợp cho thấy vợ Bapak thì người ta được tự do mà không cảm thấy có kẻ đỡ đầu cho mình. Có lần latihan ông ngưng lại sớm hơn thông thường. Ông ra ngoài ngồi rồi châm một điếu thuốc. Mới chỉ vừa hút được một chút, ông lại cảm thấy latihan. Ông tắt điếu thuốc, trở vào phòng tập, và tiếp tục tập cho tới khi latihan ngưng lại.

Theo ý kiến ông, Bapak đưa ra điều lệ đó, bởi có nhiều nhóm trên thế giới chỉ gồm những kẻ mới vào, và bởi đó cần phải có trật tự. Có những trường hợp thiên hạ tập quá lâu và quá nhiều khiến họ bị khủng hoảng.

Lúc được khai mở, ông đã trải qua một sự khổ cực. Khi Bapak hỏi ông cảm thấy như thế nào, ông đáp: “Thật khủng khiếp. Tôi khổ sở đến nỗi nghĩ là mình phải chết.” Bapak nói: “Bapak biết rồi, Bapak đã cảm được tình trạng của bạn.”

Chúng ta chưa từng nghĩ tới việc Bapak đã phải trải qua những gì với cái khả năng đồng cảm của mình.

Có hai sự việc quan trọng nhất trong latihan đã tác động tới đời mình, theo ông cho hay. Latihan đã cứu sống ông và khiến ông chân thực tin tưởng ở Thượng Đế. Ông bị bệnh phổi và các y sĩ cho biết là không còn hy vọng gì nữa, bởi phổi ông có những hang rộng bằng bàn tay. Latihan khiến ông lành bệnh. Theo ông, điều đó liên quan tới những lúc ông luôn ngủ trong latihan và lớn tiếng ngáy. Vừa mới bắt đầu tập là ông liền lăn ngủ trên đất. Thường thường thì các người bạn Ấn Độ của ông cười nói đánh thức ông dậy: “Thức dậy đi, latihan xong rồi. Hôm nay bạn đã say sưa ngáy.”

Đạo của ông là Chính Thống giáo, ông hành đạo theo truyền thống và giáo dục của mình, như bất cứ tín đồ nào khác. Nhưng nhờ những chứng nghiệm trong latihan, ông đi đến chỗ có một đức tin chân thật và sâu sắc ở Thượng Đế.

Ông mô tả Bapak là một người có khiếu hài hước, thường hay cười, ngay cả trong những trường hợp có thể làm người khác bức tức. Ông kể lại một vài chuyện như vậy và kết luận: “Bapak đã cười bê bưng.”

Khi ông phải ra đi, tôi yêu cầu ông cho được gặp mặt riêng tư.

Ông có nhiều việc phải làm, nhưng ngày cuối cùng trước khi ra đi, ông dành cho tôi một tiếng đồng hồ. Tôi đến thăm ông tại căn phòng ông trong một khách sạn, nơi ông đã sắp xếp xong những hành lý của mình. Tôi trình bày vấn đề của mình: từ nhiều năm tôi luôn cảm thấy áp lực cần phải tập latihan mỗi ngày. Tôi thấy chưa được đủ, và muốn mỗi ngày tập 2 hay 3 tiếng đồng hồ latihan.

Ông mỉm cười một cách thân mật, duyên dáng, lời đời rồi nói: “Thê thì, anh cứ việc tập mỗi ngày. Tại sao không? Chúng ta hoàn toàn được tự do và không phải theo điều lệ nào.” Tôi kinh ngạc. Tôi thấy nụ cười ông hình như có cái vẻ tinh quái và láu lỉnh.

Chỉ có vậy thôi. Chúng tôi trò chuyện trong một lúc về những gì khác, trước khi tôi từ biệt. Trong lúc tôi đi bộ trên con đường Mariahilferstrasse thật nhộn nhịp tới nhà ga Westbahnhof, vấn đề của tôi được giải quyết: tôi không còn cảm thấy bị áp lực nữa.

Cũng không còn nữa sự thúc đẩy tập thêm latihan cũng như cái áp lực chống lại những cảm kích. Tôi đã quá nghiêm khắc coi việc tập latihan 2 hay 3 lần mỗi tuần là một điều lệ khắt khe, và như vậy là nguy hiểm nếu tôi không coi trọng nó. Nhưng điều đó đã tạo nên một sự chống cự thúc đẩy tôi không tuân theo điều lệ, bởi tôi luôn là một kẻ không mấy thích tuân lệnh. Bởi đã tìm thấy con đường tới Thượng Đế, như vậy là đạt được cái gì cao quý nhất, nên tôi bị mắc vào một cạm bẫy. Tôi gọi cái cạm bẫy đó là có đầu óc của ‘kẻ phân biệt đúng sai rõ rệt’. Một kẻ như vậy coi mọi việc như cách giải một bài toán; nếu không đúng thì là sai. Tất nhiên cái đó là do sức mạnh vật chất, bởi trong vật chất tất cả có thể đo lường, phân loại (ngoại trừ cái bên trong của nguyên tử, như với vật lí lượng tử). Như vậy sẽ thiếu sự linh động vì chỉ có một phương pháp nhất định.

Tôi tự nghĩ: “Nếu muốn thì mình có thể tập nhiều latihan hơn, nhưng không bắt buộc phải vậy...”

Tôi tiếp tục tập như thường là 4 lần mỗi tuần (3 lần với nhóm, 1 lần với phụ tá) và chẳng có vấn đề gì hết.

Tới nay tôi vẫn chưa biết ông bạn đáng kính trong Subud của mình đã cho một lời khuyên không thể coi thường, hay chỉ nửa không coi thường, nửa coi thường, hay chỉ là ông đã hiểu được tâm

lí mình.

Nhưng hơi sức đâu mà thắc mắc. Với tôi đó là một lời khuyên không đúng mà lại đúng.

4) Không hứng thú tập latihan

Như đã nói tới, trong những năm đầu tiên tôi thấy cần phải tập latihan nhiều hơn, nhưng rồi có một thời kì tôi lại không thấy hứng thú nữa. Nhìn bề ngoài thì chẳng có gì đặc biệt, nhưng có lẽ tôi đã bị những sinh hoạt của đời sống hằng ngày ru ngủ mình. Sự rộn ràng vui vẻ của những cái lật vật, những ý nghĩ, cảm giác, mơ tưởng này nọ đã tràn đầy vào những nhu cầu tâm linh của tôi. Tôi không hứng thú nữa thỉnh thoảng làm cho những ý nghĩ của mình trở nên trống không, một sự tạm nghỉ trong đời sống hằng ngày để cảm nhận được phần nào một uy quyền cao siêu. Tất nhiên tôi không bỏ tập, nhưng chỉ là bỏ bê trong một thời gian, lúc tập lúc không, hoặc một mình hoặc với những người khác.

Bởi là phụ tá nên tôi cảm thấy có bồn phận tập latihan nhóm, một bồn phận tôi thiếu của phụ tá. Điều này là một vấn đề danh dự.

Tôi ép buộc mình làm điều đó, coi đó là một phận sự tôn giáo, như đi nhà thờ mỗi tuần. Tôi thấy không khá được, bởi trong latihan tôi chỉ ngồi yên một chỗ đợi cho tập xong. Người ta sẽ nghĩ rằng tôi đang có một latihan tĩnh lặng thiếu động tác. Lối ứng xử đó không hợp với bản chất mình, bởi tôi thường thật thà không muốn lừa dối ai. Làm như vậy tôi thấy là hạn chế được tối thiểu những thiệt hại.

Tôi đi tập latihan nhóm, chỉ ngồi một chỗ khi những người khác đang tập, và coi nửa tiếng đồng hồ tập là lúc nghỉ mệt.

Tuy không cố gắng làm cho tư tưởng mình trở nên trống không, nhưng với thời gian tôi trở nên điềm nhiên hơn, và rút cuộc không còn muốn suy nghĩ gì nữa vì lười biếng: tôi thư thái và không còn ham muốn gì, như tình trạng nên có trước lúc latihan. Tôi liền cảm nhận được latihan và thấy hứng thú tập.

Thật kỳ ngộ: tôi đi tập mà không có ý định tập, quyết định không phục tùng latihan. Một sự cứng đầu dẫn đến. Tôi nhận thấy sự đàn

động đó, tự nói với mình ‘‘Tại sao không’’, đứng dậy và có một cái latihan tốt đẹp, nhưng chỉ trong hơn nửa thời gian tập.

Khi về nhà, tôi học được một điều mới mẻ. Linh hồn luôn muốn latihan, nhưng sức mạnh hạ đẳng thì không. Tuy cũng tham dự vào latihan, nhưng do thực chất của nó sức mạnh hạ đẳng dính líu tới những gì trần tục mà không ước ao những gì cao quý hơn. Linh hồn thì không vậy. Nó chỉ muốn quyền lợi của nó và không xen vào chuyện của sức mạnh hạ đẳng. Nếu tự ép buộc mình đi tập latihan, tôi sẽ chống lại tác động quá mức của sức mạnh hạ đẳng và những ảnh hưởng ngoài đời. Tôi muốn được tự do và cho cái Tôi chân thật của mình được dịp phát triển.

Các nhà tu khổ hạnh và thần bí thường nói: ‘‘Hoặc Thượng Đế hoặc thế gian.’’

Trong Subud với tôi thì: ‘‘Cả Thượng Đế lẫn thế gian.’’ Nhưng CÁ quan trọng hơn LẶN.

Việc tôi tự ép buộc mình đi tập xảy ra 2 hay 3 lần nữa. Tôi ngồi trong phòng tập mà không có ý định tập hay để cho tâm mình được yên tĩnh. Nhưng tôi cũng không có ý định chống lại điều đó. Sau 10 hay 15 phút latihan đến một cách đủ mạnh để tôi tập.

Tôi vượt qua được cái thời kì hết hứng thú và vui vẻ đi tập với nhóm.

5) Con cọp

Một buổi tối nọ sau khi mọi người đã ra về, chỉ còn lại tôi và một vị phụ tá nọ. Tôi muốn dùng cơ hội đó để đáp ứng một ước mong lâu này của mình: ‘‘Anh muốn làm thử nghiệm coi xem cái sức mạnh nào mạnh nhất nơi tôi?’’ Vị phụ tá đó vui lòng. Tôi không tin là sức mạnh con người mạnh nhất nơi mình, bởi tôi không ngây ngô và tự phụ đến nỗi cho phần bên trong mình đã là một con người cũng như phần bên ngoài. Nhưng cái sức mạnh nào là mạnh nhất? Sức mạnh vật chất, thực vật hay thú vật? Chúng tôi đặt câu hỏi.

Tôi chợt thành một con cọp. Không hoàn toàn, chỉ cái đầu là đầu

cọp, lớn hơn đầu con người, với những đường cong cứng rắn, thậm chí tôi còn cảm thấy những đường vân màu đen (Điều này như việc tôi nhìn thấy đầu mình).

Cánh tay dưới của tôi mập mạp có những móng vuốt lớn, những cái khiến tôi cảm thấy mình có sức mạnh kinh khiếp và muốn vồ bắt. Tôi liên tục gặm gù như một con cọp. Cái bản năng vồ bắt mãnh liệt tới nỗi khiến tôi cào cào trên tường tạo nên một vài lỗ và vết móp (Tường có một lớp ngăn mềm dày vài phân). Bởi không muốn làm hư hại tường, tôi lập tức không làm vậy nữa mà đến nơi người anh em Subud của mình đang đứng giữa phòng và gặm gù muốn cẩu xé anh. Anh kinh hãi nhìn tôi và hiển nhiên đã quên hẳn latihan mình. Tôi (chứ không là con cọp nơi mình) thương hại anh bạn với thân hình yếu mềm của mình, và hạ xuống móng vuốt (đúng ra là bàn tay mình) đang giơ lên. Tôi đến bên cạnh anh vừa nói vừa cười: “Tôi đã là một con cọp.” Anh vẫn còn kinh hãi và khiếp sợ. Hình như anh đã không hiểu được rằng tôi luôn tự chủ. Tôi chưa từng cảm nhận một con thú một cách rõ rệt như vậy và khiến tin là thật. Với con thú đầu tiên, con rùa, thì không mấy rõ. Thực ra, tôi nghiệm thấy mình là một hình thù trông giống những tượng thân nửa thú nửa người của Ai Cập, nhưng chỉ đầu và móng vuốt là của con cọp, những phần còn lại là của con người. Và tôi hoàn toàn cảm thấy mình là một con thú sống động.

Một con cọp cảm thấy nó là con thú hùng mạnh nhất trong tất cả các động vật nên không sợ bất cứ gì: nó hung hăng mà không giận (điều này một vài tâm lý học chắc chắn không hiểu nổi), móng vuốt là những vũ khí công kích của nó, và nó tin nhờ đó có thể đánh gục bất cứ ai. Hàm răng của nó dùng để giết chết con mồi bị đánh gục. Trước kia tôi nghĩ rằng hàm răng của nó quan trọng hơn.

Nghệ phẩm điêu khắc lớn đầu tiên của tôi là một con cọp bằng đá vôi, và một trong những cơn ác mộng luôn trở lại trong thời thơ ấu là một con cọp thoát chuồng tại một sở thú. Sau vài năm latihan và cái trắc nghiệm về con cọp, giấc mơ về cọp thời thơ ấu chỉ trở lại 2 hay 3 lần, nhưng con cọp đã già nua gầy ốm và không còn nguy hại nữa.

Trong 10 năm đầu tiên tôi thỉnh thoảng nghiệm thấy trong latihan nhiều con thú khác nhau, và như vậy rất có lợi cho mình. Bởi sau đó khi làm quen với sức mạnh con người, tôi có thể phân biệt rõ

hơn giữa những gì từ sức mạnh thú vật và con người. Điều này không mấy dễ nếu thiếu kinh nghiệm tâm linh.

6) Pha trộn

Có lần một giáo viên trẻ, một kẻ đến tập latihan đều đặn, nằm trên sàn nhà mà cử động với cánh tay. Tôi trông thấy như vậy, bởi lúc múa may đi ngang qua mọi người tôi không muốn đụng vào và dẫm lên họ. Lần đầu tiên tôi cảm thấy và nhận biết được những cử động đó không xuất phát từ latihan. Muốn chắc ăn coi mình có đoán đúng hay không, tôi nói về điều đó với các phụ tá sau lúc latihan. Một vị phụ tá nọ bực tức cần nhận: “Làm sao anh có thể cho quyền mình phê phán chuyện đó!” Anh chửi bới tôi về điều anh coi là sự ngạo mạn. Tôi cảm thấy bị tổn thương, bởi chỉ muốn nghe biết ý kiến họ, và chính tôi cũng không biết là có đúng hay không.

Anh giáo viên tình cờ đi ngang qua chỗ tôi. Tôi nói chuyện với anh và cho anh biết cảm tưởng mình. Anh nói: “Đúng đây, anh đã nhận xét rất đúng. Tôi đã thử phối hợp latihan với thiền tông.” Vị phụ tá kịch liệt chỉ trích tôi không nói gì hết, và cũng không xin lỗi. Tôi nhắc lại cho anh bạn phối hợp latihan biết Bapak đã khuyên chúng ta đừng pha trộn latihan với những đường lối tu tập khác. Nhưng anh lại nói: “Tôi biết rồi mà, nhưng cái đó chỉ là thí nghiệm.”

Chúng tôi không nói và làm gì được khác hơn, bởi Bapak đã rõ rệt chỉ thị là phụ tá chỉ nên khuyên răn, chứ không được áp đặt. Người ta có làm theo lời khuyên hay không là chuyện của họ, chứ không là trách nhiệm của phụ tá.

Kinh nghiệm tại nhiều nhóm cho thấy nếu phụ tá muốn áp đặt một bắt buộc điều gì đó (dù đúng hay sai) như vậy là làm hại cho Subud, bởi sẽ chỉ có cãi lộn và bất hòa.

Anh bạn trẻ đó vẫn tiếp tục ‘thí nghiệm’. Latihan anh trở nên kém hơn. Anh càng ít đến tập, có lẽ vì vậy. Latihan anh lại càng kém hơn, và anh lại càng ít đến hơn. Cuối cùng anh không đến nữa.

Kể từ đó tôi nhận biết được những động tác nào của latihan là đúng hay không đúng. Nhưng chuyện này rất tế nhị, và chúng ta đừng nên cho là mình đã chắc chắn biết được.

7) Sự tiếp nhận cứng nhắc

Một anh bạn Subud, anh cũng là phụ tá, có lần kể cho tôi hay một chuyện rất ấn tượng với mình là vừa đọc xong cuốn Tử Thư của Tây Tạng. Hồi đó tôi chưa biết tới cuốn đó, và anh đã tóm lược lại cho tôi những gì chánh yếu. Người ta đọc những gì trong đó cho một người đang chết hay đã chết, để giúp ích cho linh hồn đương sự, vì theo tín ngưỡng của họ, linh hồn một người đã chết vẫn còn lưu lại lâu dài nơi mình chết mà chưa dứt khoát đi khỏi nơi chốn đó. Đó là những lời khuyên hay chỉ thị lặp đi lặp lại điều này là linh hồn không nên dễ bị ảnh hưởng bởi những gì mình gặp là những điều nhìn thấy hay trải nghiệm, dù những cái đó xấu xa hay kinh khiếp, tốt đẹp hay hấp dẫn. Linh hồn nên gạt bỏ tất cả mà tiếp tục lên đường, bởi đó chỉ là những gì không hệ trọng chỉ khiến mình không tới được mục tiêu.

Anh bạn Subud đó còn nói: “Tôi cũng muốn làm như vậy trong latihan. Tôi sẽ gạt bỏ tất cả các động tác, bởi những cái đó không hệ trọng. Tôi chỉ việc đứng đó mà an tâm và không suy nghĩ gì hết.

Điều đó đương nhiên hoàn toàn trái với lời khuyên của Bapak là phó mặc cho tất cả những gì tự động đến. Một cách thần nhiên và không cự tuyệt, chúng ta nên tuân theo tất cả những động tác trong latihan, những gì không do ý định mình.

Tôi không nói điều đó với anh bạn đó, bởi anh sẽ rất bực tức, nếu có sự mâu thuẫn với những gì anh tin tưởng. Như vậy sẽ chỉ khiến anh càng bám chặt lấy thêm những gì mình tin. Có lẽ sẽ có một cơ hội thích hợp nào đó để nói chuyện với anh. Anh tiếp tục dè dặt nên những động tác của latihan, đứng tại chỗ nửa tiếng đồng hồ, mắt nhắm, hai cánh tay đặt chéo trên ngực. Anh nói với tôi như vậy, và khi tôi tỉnh cờ trông thấy latihan anh, anh luôn trong cái tư thế đó.

Cách đó không lâu chúng tôi viết thư cho Bapak hỏi về một chuyện gì đó, và bây giờ thì nhận được thư của Bapak. Bapak hồi đáp những câu hỏi của chúng tôi, và còn nói thêm một điều hoàn

toàn không ăn nhập gì với những câu hỏi đó. Đó là sự cảnh báo nên tránh lối ‘tiếp nhận cứng nhắc.’ Trong thư Bapak dùng một từ Indonesia. Tôi đã quên mất, nhưng phần tiếng Anh là ‘stiff or frozen’ (cứng nhắc hay lạnh ngắt). Chúng tôi đều ngạc nhiên, bởi điều này hình như không đáng gì tới nhóm mình, nhưng lại rất đúng với thái độ của anh bạn nói trên. Lúc đọc thư, anh cũng có mặt.

Không ai nói gì về sự cảnh báo đó, bởi chẳng ai cần phải thắc mắc trừ anh bạn đó ra. Nhưng chính anh cũng chẳng nói gì. Tôi cũng không nói gì thêm, vì anh đã trực tiếp được Bapak khuyên bảo.

Anh tiếp tục lối ‘tiếp nhận cứng nhắc’ đó. Sau vài tuần, anh lại nói với tôi là latihan mình trở nên kém hơn. “Không chỉ của tôi”, anh cho hay “mà kể cả latihan của những người khác cũng kém hơn.” Thực sự không là vậy. Latihan tôi trở nên khá hơn, ngay trong lúc đó. Anh đã tưởng rằng tình trạng mình cũng là của những ai khác.

Anh không đều đặn đến tập nữa, và sau một thời gian lại nói tới việc latihan mình trở nên kém hơn. Anh càng bớt đến hơn, và cuối cùng không bao giờ đến nữa.

8) Ganh ghét vì tâm linh

Tính ganh ghét và đố kị hạ thấp nhân cách mình. Mình muốn được y như người ta, hay muốn có cái gì đó mà người ta có. Bởi không được như thế, mình thường tìm cách hạ thấp người ta xuống, để chứng tỏ mình không thấp kém hơn. Điều này cũng do kiêu ngạo, một trọng tội trong các tôn giáo.

Trong lĩnh vực tâm linh, tính ganh ghét và đố kị là sự phản bội cả tính mình, khiến cho sự tiếp nhận trong latihan bị ngăn cản, bởi latihan xảy ra qua bản chất và cá tính mình. Những lỗi lầm của tôi thuộc lĩnh vực khác. Tính ganh ghét và đố kị không có gì đáng ngại trong đời sống tôi, may thay. Đó là bởi vì tôi đã được bố mẹ mình giáo dục là không được ganh ghét các đứa em mình.

Khi vào Subud đương nhiên tôi nhận thấy sự ganh ghét tâm linh không những có hại, mà còn đặc biệt đần độn và ngây ngô. Dù sao thì điều đó cũng đã xảy ra.

Khi Bapak khai mở 110 người ở Wien trong thập Chạp năm 1959, tôi hay được có một phụ nữ được khai mở trong buổi latihan đầu tiên đã trông thấy có rất nhiều Bapak đứng đây đó trong phòng. Một linh thị phi thường ngay trong buổi latihan đầu tiên! Tôi chợt cảm thấy ganh ghét kẻ đã có cái chứng nghiệm tâm linh mãnh liệt đó. Sự say đắm ban đầu trong Subud, những chứng nghiệm tiếp theo đó của mình, tôi đã quên hết, vì cái cảm xúc dễ tiện đó khiến cho đầu óc mình trở nên mù tối. Thật rất đáng xấu hổ. Tôi thấy sự ganh ghét đó khiến cho nhân cách mình bị hạ thấp, và cố gắng hết sức mình để xua đuổi nó đi. Nhưng chẳng được gì, nó mạnh hơn ý chí tôi.

Lúc giữa khuya ngày 7 tháng 12 năm 1957, tôi từ khách sạn Kaiserhof, nơi trú ngụ của Bapak, đi đến trạm xe điện Kettenbrueckengasse để lấy chuyến xe cuối cùng về nhà. Trong lúc đang lang thang bên cạnh những cửa hàng đã đóng cửa tại chợ Nashmarkt, tôi làm điều duy nhất có thể làm: quan sát sự ganh ghét của mình. Chớ đừng cảm can nó.

Khi tôi bước xuống những bậc thang đưa tới trạm xe, cái cảm giác ganh ghét đó vẫn còn khiến tôi đau khổ. Khi tôi đang đứng nơi đợi xe đến, cái cảm giác đó chợt tan rã. Nó yếu dần rồi biến mất như mây khói. Nó còn chập chờn trọng vài phút, nhưng cái tính ganh ghét thì mất hẳn. Trước lúc xe sắp đến, tôi thì về lòng mình: “Minh sẽ không bao giờ ganh ghét vì tâm linh nữa!”

Tôi cũng không bao giờ ganh ghét nữa.

9) Cách mạng tinh thần

Những năm tháng đầu tiên trong cái thế giới gồm những tư tưởng của tôi có những thay đổi và chuyển biến, những điều với tôi là một cuộc cách mạng tinh thần. Điều đó đặc biệt xảy ra qua những chứng nghiệm latihan, lúc yếu lúc mạnh, và có những cái tự động đến mà tôi cũng không hiểu tại sao. Tôi không thể coi điều gì được thay đổi, nếu đó chỉ dựa vào đức tin ở những người khác, ngay cả ở những lời nói của Bapak. Ảnh hưởng của những người khác chỉ là điều không đáng kể. Những lời khuyên nào thiết thực thì tôi tôi theo, nhưng ý kiến thì không. Sau vài năm, những thay đổi đó trở nên chậm chạp và yếu kém hơn, nhưng vẫn luôn xảy ra.

Trong nhân sinh quan của tôi, nhiều điều trở nên trái ngược, có những cái đã thay đổi, có những cái vẫn còn y nguyên. Những sự thay đổi là về triết học, tôn giáo, dân tộc và văn hóa, về các nền văn minh và chế độ ăn uống, ngay cả về nghệ thuật tạo hình là điều sâu sắc nhất với tôi. Tôi thiếu thi cách nghe âm nhạc của tôi cũng thay đổi.

Quan niệm của tôi về Subud nói chung và về Bapak nói riêng cũng thay đổi, cho tới ngay cả hôm nay! Tóm lại, Subud ban đầu với tôi là cái gì vĩ đại nhất, rồi càng lúc càng vĩ đại hơn. Bapak ban đầu với tôi là một trung gian cần có, với những lời khuyên cần có, nhưng khi tôi biết được đích thân Bapak, Bapak trở nên có một kích thước vượt ngoài những gì của con người. Tuy thế, Bapak đôi với tôi không là một tôn sư. Những năm qua hay mấy chục năm qua, Bapak càng lúc càng trở nên vĩ đại hơn, với tôi không có gì sánh bằng tâm linh của Bapak. Chắc Bapak phải cách tôi tại một nơi vô cùng xa xôi, nhưng không phải vậy: tôi cảm thấy mình gần Bapak hơn trước kia.

Theo những điều nói bóng nói gió của tôi, người ta sẽ hiểu được tại sao tôi đã nói: đừng tạo nên một ‘tượng hình’ đúng hợp cho mọi người của Subud hay Bapak. Như vậy là tìm cách ảnh hưởng tới người ta. Điều đó thì có hại, dù tốt hay xấu. Bapak có lần đã trả lời thư của chúng tôi: “Ngày nào các bạn còn bị ảnh hưởng của người ta, ngày đó các bạn vẫn còn chưa thể tiếp nhận được đúng cách.”

NHỮNG TÁC PHẨM ĐIÊU KHẮC CÓ THỂ HÍT THỞ

Tôi có một chứng nghiệm tâm linh về nghệ thuật tạo hình. Có lần tôi đi coi triển lãm những nghệ phẩm điêu khắc thời trung cổ tại một bảo tàng viện ở Muenchen. Gần cửa ra vào phòng triển lãm có 2 phiến bằng gỗ cao mảnh mai trên đó khắc chạm hình hai vị thánh. Những hình đó trông rất lớn, được sơn tô và vài chỗ được mạ vàng, với những nếp oằn phong phú, rất sinh động, từ trên tới dưới. Chỉ khuôn mặt và đôi tay là nhìn thấy rõ được. Trông những hình đó toát ra sự an vui, tuy những nếp nhăn của quần áo đã được hình thành một cách hết sức phức tạp. Tôi đứng lại để ngắm nhìn.

Tâm tôi hoàn toàn an tịnh cảm nhận được latihan. Những hình đó hình như cũng đang trong trạng thái latihan. Chợt xảy ra một điều hầu như không ngờ được: những hình đó đang hít thở. Tôi thấy

hình như ngực của nó phồng lên và hạ xuống một chút, như có sự sống. Nó đang trầm tư thờ bái Thượng Đế, không cảm nghĩ gì, hoàn toàn yên tĩnh.

Thình thoảng có những kẻ bước vào phòng đi ngang qua nơi tôi đứng, nhưng họ chỉ cản trở tầm nhìn, chứ không là tình trạng của tôi.

Nhà điêu khắc nào đó thời xa xưa đã tạo nên những hình đó trong trạng thái quy thuận Thượng Đế, coi đó là cách mình đi nhà thờ lễ bái.

Tôi dài lâu đứng trước những hình đó trong trạng thái latihan, những hình sống động đang hít thở. Để thử coi có thực sự là vậy không, tôi 2 hay 3 lần không ngắm nhìn nữa, mà đi tới một chỗ khác để nhìn những hình khác, nhưng không hình nào có vẻ gì đặc biệt. Tôi trở lại chỗ những hình hai vị thánh nói trên, và chỉ vài giây sau đó là những hình đó trở nên sống động như trước kia. Sống động, đang hít thở, trong sự chân thực thờ bái Thượng Đế. Thật kì diệu.

ÂM NHẠC CHỮA BỆNH

Một sự kì diệu khác là việc tôi nhận thấy khả năng chữa bệnh của âm nhạc. Điều này xảy ra năm 1971 tại Hội nghị Thế giới ở Cilandak, khi như vài người thuộc miền ôn đới, tôi bị ngất xỉu. Người ta cho tôi uống những viên thuốc có chất carbonate, nhưng tôi đã mửa ra, cảm thấy yếu mệt, nhức đầu và rất khóở. Suốt ngày tôi khổ sở nằm trên giường, nhưng buổi tối có một buổi trình diễn Wayang-Kulit mà tôi muốn xem cho bằng được. Tôi lê lét đi xem, nằm trên sàn phòng tập latihan rộng lớn với bao tử trống không, cảm thấy rất yếu mệt và nhức đầu, trong khi nhạc Gamelan đang chơi và có những con rối cử động trên màn ảnh. Những lời nói của người Dalang, hay người điều khiển những con rối, tôi không thể hiểu, nhưng âm nhạc, những con rối cử động, sự ngâm nga truyền cảm của người Dalang, thì thật lý thú.

Giữa đêm có thêm một hồi kịch mới, với những bản nhạc mới. Âm nhạc Gamelan đối với tôi khá lạ lùng. Nhưng bây giờ với màn kịch mới này, âm nhạc đó có một tác động đặc biệt đối với tôi. Nó rất êm ái và hình như đang thâm sâu vào tâm tôi. Vừa kích thích, vừa an tâm. Con nhức đầu của tôi bớt dần, và nói chung thì tôi cảm

thấy thoải mái hơn, chứ không còn mệt mỏi và kiệt sức nữa.

Tác động đó kéo dài và cứ mỗi phút là cơn nhức đầu của tôi giảm đi. Chẳng bao lâu, tôi cảm thấy mạnh khoẻ trở lại, chỉ hơi nhức đầu một chút, nhưng điều đó thì chịu đựng được.

Thực sự có điều này hay sao là nhờ nghe nhạc 10 tới 15 phút người ta được mạnh khoẻ, nếu trước đó suốt ngày chỉ cảm thấy khổ sở và rất khó chịu?

Trong những lúc ngắn ngủi đó, tôi chỉ tập trung vào âm nhạc, nhưng bây giờ thì tôi theo dõi tất cả những gì đang diễn. Khi có một hồi kịch mới và một bản nhạc cũng mới, tôi thấy mạnh khoẻ thêm và theo dõi cuộc diễn xuất cho tới sáng, mà không buồn ngủ. Nhưng rồi tôi cũng ngủ vài tiếng đồng hồ. Lúc thức dậy, cơn nhức đầu mất hẳn, sự lưu thông của máu trở nên bình thường trở lại. Tôi mạnh khoẻ như trước kia.

THIÊN TÔNG

Lúc tuổi 20 tôi bắt đầu tập nhu đạo, và nhờ vậy mà biết tới thiên tông. Trong câu lạc bộ của mình, chúng tôi cố gắng tập lối võ thuật đó y như cách của người Nhật trong tinh thần của thiên tông. Điều này thì có lẽ chúng tôi đã phân nào đạt được. Thế nên, điều quan trọng không là thắng hay bại, mà là một cuộc đấu võ tốt đẹp. Như vậy thì sẽ thi triển được hết tài năng mình để nhanh chóng quyết định thắng bại. Kẻ đấu võ không nên chỉ ham muốn thắng lợi, mà chỉ nên điem nhiên trong đáy lòng, không để cho sự ham muốn ảnh hưởng tới. ‘Có cái tôi-không-là-tôi đang đấu võ,’ các đệ tử của thiên tông thường nói vậy.

Tôi đã đọc hết các danh ngôn nghịch lý thường nhắc tới của các thiên sư, và cũng thử theo thiên tông. Ngồi yên lặng, trong sự trầm mặc, cái nhìn hướng tới một điem cách mình một mét rưỡi. Điều đó tôi chỉ thỉnh thoảng làm, bởi chỉ thích học môn võ nhu đạo.

Khi tôi càng lúc càng say đắm nghiên cứu thần bí học, tôi cũng tập môn Hatha Yoga, thiên tông đối với tôi chiếm giữ một địa vị cao.

Trong 6 năm trời tôi là một kẻ tâm đạo trong mê lộ của thần bí học. Năm thứ 7 tôi không đi tìm gì nữa, bởi đã tìm thấy Subud. Đó

là con đường của tôi, của riêng tôi, chứ không là một phương pháp học được từ kinh sách hay người khác. Nhưng tôi vẫn coi thiền tông là pháp môn khá nhất ngoài latihan của Subud ra.

Có lần tôi đi dự một buổi diễn thuyết với những hình ảnh chiếu trên màn ảnh của một nữ nhân đã ở Nhật 25 năm, một chuyên gia về nền văn hóa Nhật Bản. Ngoài ra khán giả còn được cho nghe một băng ghi âm nhạc từ một thiền viện. Tôi rất muốn nghe thứ âm nhạc đó, bởi âm nhạc thường diễn đạt được vấn đề nhiều hơn những thuyết trình dài dòng. Một anh bạn Subud khác cũng muốn đi xem, và chúng tôi cùng đi với nhau.

Tôi rất thích buổi diễn thuyết đó. Nhân vật diễn thuyết đã khiến nó trở nên sống động, thú vị, đầy thông tin về nhiều khía cạnh của nền văn hóa Nhật. Nhưng tôi đặc biệt mong đợi nghe âm nhạc thiền tông, cao điểm của lúc cuối buổi diễn thuyết.

Anh bạn Subud và tôi ngồi nơi cuối phòng, cách xa những khán giả khác. Anh hỏi tôi: “Anh có muốn cảm nhận latihan và làm trải nghiệm, khi có âm nhạc?” “Đương nhiên” tôi nói “anh cũng vậy?” “Tôi cũng muốn coi chuyện đó ra sao” anh đáp. Tôi mong đợi tâm linh mình được tăng thể, có thể nói vậy. Tôi đã biết đôi điều về âm nhạc Nhật Bản, thứ của triều đình cũng như thứ trữ tình trong dân gian, nhưng nhạc thiền tông thì khác hẳn. Nó rất mạnh và tôi thích độ vang của nó, nhưng điều vô cùng ngạc nhiên là tôi cảm thấy khó chịu trong bụng. Điều đó thì tôi không muốn chấp nhận, bởi trái ngược với những gì mình mong chờ và tin tưởng. Tôi chống cự lại cái cảm giác ngoài ý muốn đó, nhưng vô ích. Trái lại, nó càng lúc càng mạnh liệt hơn. Tôi nhìn qua anh bạn bên trái mình, anh cũng sùng sốt nhìn qua phía tôi. “Có cảm thấy gì không?” anh thì thầm nói. “Thực ra thì thấy khó chịu trong bụng.” “Tôi cũng thế.”

“Thực vậy, làm sao có thể như vậy được”, tôi nghĩ, cũng hết sức sùng sốt. Cái cảm giác trong bụng khó chịu tới nỗi tôi phải ngưng latihan lại. Nó bắt đầu khiến có thể chịu đựng được.

“Không cảm thấy gì nữa”, tôi nói “Tôi cũng vậy,” anh bạn tôi nói. Sau đó, chúng tôi cảm lặng đi một lúc, rồi nói chuyện đôi điều về sự cô bất ngờ đó, điều mà hai chúng tôi đã cảm nhận được y như nhau. Tôi đã hoàn toàn không ngờ tới.

Có thể nói là cái nhận sinh quan trước kia của tôi đã bị sụp đổ, và đó là điều tôi khó chấp nhận được. Tất nhiên là có nhiều tu viện và nhiều nhóm theo thiên tông, nhưng sự khác biệt mà tôi nhận thấy đâu đến nỗi phải đặc biệt tiêu cực như vậy. Tôi cố quên đi nỗi thất vọng của mình, và không muốn thức mắc gì thêm nữa.

Chỉ một năm sau tôi mới chấp nhận cuộc cách mạng tinh thần đó, và đối với tôi thiên tông không còn chiếm giữ một vị trí cao nữa.

Nhưng có lần tôi đã bày tỏ ý kiến mình trong một buổi trò chuyện nào đó khiến có kẻ phải bức tức nói: ‘Bạn đã có những thành kiến tiêu cực!’ Phải, người ta nên thận trọng nếu tiếp nhận được ‘những thành kiến tiêu cực’ trong latihan.

10) Đường hàm

Trong Subud có những lúc bị khủng hoảng vì thanh lọc. Bapak có lần đã nói rằng dùng từ ‘crisis’ (khủng hoảng) là không mấy đúng, nhưng có một chính trị gia vào Subud đã quen dùng nó. Có những cuộc khủng hoảng, kinh tế, chính trị, tài chính và nhiều cái khác nữa. Bapak gọi những thời kì khó khăn cho ai đó trong Subud là khủng hoảng, và từ ngữ đó đã quen dùng. Đúng ra là ‘Murad’, Bapak nói. Gốc của Murad là tiếng Ả Rập và có nghĩa là bỏ đi, mất đi, thoát khỏi cái gì đó. Nếu bỏ đi cái là nội dung cuộc sống, là sinh lực, mình sẽ cảm thấy trống rỗng, yếu đuối, như tâm mình đã chết. Điều này không thể có do ý chí con người, mà do quyền năng Thượng Đế làm cho cái không có được có thể có. Những cái cũ mất hẳn, để cho mình có đây những cái mới mà không phải chết.

Sau vài năm trong Subud tôi bị một cơn khủng hoảng (hay Murad) cực kì ác liệt. Tôi không thể nói cho bất cứ ai hay điều đó, bởi không có những hội viên Subud đầy đủ kinh nghiệm để hiểu được. Điều này có thể coi là một sự trầm cảm (depression) có thể vượt qua nhờ những chỉ bảo tâm thường. Bên ngoài thì có vẻ là sự trầm cảm, nhưng ngay lúc ban đầu tôi đã biết mình sẽ đến cuối đường hầm; điều này sẽ xảy ra do Thượng Đế và mọi chuyện nói chung thì sẽ tốt đẹp cho tôi, nhưng trong những ngày tháng sắp tới thì chưa.

Tuy hầu như không thể làm việc trong lúc đó, nhưng tôi vẫn còn

số tiền cho một công việc ứng trước mà thủ đô Wien giao cho mình, số tiền tôi dùng cho những chi tiêu hằng ngày. Do đó mà tôi đã mắc nợ và cần nhiều thời gian để trả nợ. Cuộc khủng hoảng đó về mặt tài chánh và một cách gián tiếp có một hệ quả không tốt đẹp.

Cái thời kì kho khăn nhất đó trong đời tôi chắc đã kéo dài 2 tháng hay hơn. Tôi cảm thấy cực kì cô đơn và tâm mình như đã chết, nhưng điều tệ hại nhất là latihan trở nên yếu kém. Điều này như Thượng Đế (hầu như) đã bỏ rơi mình. Trong tình cảnh khó khăn đó, tôi dùng một phương tiện đã từng giúp ích cho mình là diễn đạt nó trong một bài thơ. Tất nhiên là không thể diễn đạt thật đúng những trải nghiệm của mình, nhưng cũng có thể dùng những hình ảnh để hàm ý. Dùng nghệ thuật là liệu pháp còn giúp ích cho tôi nhiều hơn, thay vì nghe theo những lời khuyên có ‘ý tốt’. Như một nhà trị liệu nợ đã nói: “Trái ngược với những gì tốt là những lời khuyên có ý tốt”.

Sau khi làm xong bài thơ dưới đây, tôi có thể kiên nhẫn hơn chịu đựng tất cả. Nó giúp cho tôi rất nhiều. Tôi chưa từng nghĩ tới chuyện tự tử (điều tôi sẽ không bao giờ làm). Cái này có vẻ nghịch lí, nhưng tôi lại tạ ơn Thượng Đế về tình cảnh mình, tuy trong đáy lòng mình rất mong muốn đến cuối đường hầm (tôi cũng không là hạng người tự làm khổ mình mà lấy đó làm sung sướng).

Khi qua được cái thời kì đen tối đó, tôi vui vẻ sống trở lại mà không cảm thấy bị ảnh hưởng gì. Có điều gì đó nơi mình đã thay đổi, nhưng tôi không biết đó là gì.

BÀI THƠ KHỦNG HOẢNG

*Trông không ngày tháng trôi qua.
Trông không đêm dài u ám.
Mọi hy vọng chỉ là thói quen.
Mắt tôi chỉ thấy bóng đen.
Thực tại với những mộng mơ,
Chỉ là những cảnh ảo mờ.
Những gì trước kia sáng trong,
Bây giờ chỉ thật tối mờ.
Tôi không còn hiểu biết gì,
Cũng không còn trông thấy gì,*

Và không còn muốn nói gì.
Sống hay chết đều không nguôi.
Ngủ hay thức cũng không xuôi.
Tôi không còn làm được gì,
Khoảng trống chỉ trở mắt nhìn,
Mệt mỏi không còn biết gì.
Như xác chết tôi bỏ đi,
Lòng nhân từ của Thượng Đế
Làm tôi thâm sâu chìm lún,
Ép tôi sâu hơn chìm xuống.
Lòng tôi nề nặng như chì,
Như con vẹt nói nhảm nhí,
Chỉ đủ sức để vãn than,
Vãn than một cách tật tàn.
Làm gì khác là dối gian
Vì không còn lòng hãnh kiêu.
Lòng nhân từ của Thượng Đế
Càng làm tôi thêm chìm lún,
Càng làm cho tôi xa cách
Sự huy hoàng của Thượng Đế.
Nhưng đó cũng là cách thức
Làm cho tôi thật mong đợi
Sẽ nghiệm thấy sự huy hoàng.
Đời người với tôi nhạt nhẽo
Nhưng tôi vẫn bỏ ném lẻo đẽo.
Tâm tôi chỉ muốn nôn mưa,
Linh hồn cũng muốn nôn mưa.
Thần kinh tôi là chất độc,
Mọi thức ăn đều ụng thối.
Đàn nhạc lòng mất âm thanh,
Màu sắc đời mất tinh anh.
Ánh sáng chỉ khiến đau khổ
Nên tôi thích màn đêm hơn.
Mỗi sáng tôi thức mệt mỏi
Để tiếp tục mơ mệt mỏi.
Đời tôi ngày đêm trống rỗng.
Loạng choạng đi đứng đứng đi,
Mong đợi đến cuối đường hầm.
Mỗi ngày mỗi tháng trôi qua,
Sự thần nhiên dân trở lại,
Không lưu lại dấu vết ác hại.

*Như phao bần trên sóng nước
Trong đó chứa một bí kíp
Bí kíp ẩn chứa điều này
Là sẽ có cuộc đổi thay.*

11) Eissa

Trong một buổi latihan nọ, tôi đứng cách tường một mét, lưng về phía phòng tập, khiến mình không nhìn thấy những người khác, tuy nhắm mắt.

Tôi cảm thấy thể xác mình thay đổi: cao lớn hơn, khoảng 1 mét 75, thân hình mảnh thon, tay chân khăng khiu. Tôi mặc một chiếc áo ngoài chùng, ống tay chỉ tới cùi chỏ, mép quần tới đầu gối. Nơi eo có một cái gì như một sợi dây hay thắt lưng. Nơi đầu và cổ tôi không thấy có gì đặc biệt. Hình như tôi là một người đàn ông khoảng 30 tuổi, một kẻ như thế nào đó cảm thấy mình trẻ trung hơn. Tôi chợt thấy mình phải quy thuận Thượng Đế, và đó là điều gì mãnh liệt mà tôi chưa từng nghiệm thấy. Chỉ có một lần duy nhất là có cái gì tương tự, khi tôi lần đầu nghe thấy tại nhóm Subud Hampstead ở London giọng nói của Bapak từ băng thanh. Lần này thì có thêm một kích thích mới: sự khiêm nhún. Lần đầu tiên trong đời mình tôi cảm thấy khiêm nhún. Khiêm nhún trước Thượng Đế.

Sự hoàn toàn quy thuận đó một cách vô cùng khiêm nhún đồng thời cũng là một sự tuyệt thú của một kẻ bây giờ là chính tôi. Tôi dang rộng hai cánh tay (không tới bả vai) cúi đầu xuống và cảm thấy cực kì vui sướng trong sự khiêm nhún quy thuận Thượng Đế. Tôi đứng trong một phòng màu xanh dương sáng rực, dài vô tận, không mặt đất, và đằng sau mình tôi biết đó là thế giới. Nhưng cái thế giới với sự đa dạng và vẻ đẹp muôn màu không đáng gì, nhất là không đáng gì đối với cái khoảng trống vô tận màu xanh dương sáng rực, một khoảng trống đồng thời cũng phong phú, chứa đầy ân huệ của Thượng Đế.

Tất cả những gì tôi nghiệm thấy được diễn đạt thành một lời nói duy nhất, điều mà tôi luôn lớn tiếng rõ rệt nói: EISSA, EISSA... Tôi không hiểu nghĩa chữ đó. Điều đó kéo dài vài phút, kể đến latihan tôi tiếp diễn theo một cách khác mà chẳng có gì đặc biệt.

Khi tôi là kẻ cuồi cùng bước ra ngoài phòng tập, anh Abel Putz đã đứng đó nhìn tôi với một nụ cười nhẹ nhàng. Anh nói: “Trong latihan anh đã luôn gọi tên của Chúa GiêXu, và anh đã gọi y như theo cách của người Ả Rập. “ Bây giờ thì tôi hiểu được với trí óc mình.

Abel trước kia đã 2 năm làm giáo viên Anh ngữ trong chương trình viện trợ phát triển tại Mosul ở Iraq. Ở đại học anh đã theo học những môn Anh ngữ, Đức ngữ và ngữ âm học. Tại Mosul anh nghiên cứu ngôn ngữ Ả Rập.

Sau cái chứng nghiệm đó, những sự tranh luận về Chúa GiêXu với tôi trở nên vô ích. Những nghiên cứu về Chúa GiêXu, về GiêXu là một nhân vật lịch sử, một người ‘có thật’, việc ông đã từng ở Ấn Độ hay học đạo của nhóm tu khổ hạnh Essener, tất cả chỉ là suy đoán thiếu căn bản. Tôi đã đọc cuốn ‘Lịch Sử sự Nghiên Cứu về Cuộc Đời Chúa GiêXu’ của Albert Schweizer, nhưng tôi đã không đọc hết vì thấy quá nhàm chán. Có nhiều sách viết về nhân vật GiêXu đến nỗi có thể chứa tất cả những cuốn đó trong một thư viện.

Sau cái chứng nghiệm đó, Chúa GiêXu với tôi không còn là một nhân vật đầy nữ tính, như điều nhiều người thường coi, mà là một người đàn ông trẻ trung trong lòng chứa đựng một cái gì vô cùng vĩ đại khiến cho tất cả những gì khác không còn chỗ đứng. Chính ông cũng đã nói: ‘Vương quốc của ta không là cái thế giới này.’

12) Tám sát xuyên qua đầu

Một viên thư kí của sứ quán Indonesia tại Wien là hội viên Subud. Khi được phái tới Wien hành sự vài năm, anh đem theo bà vợ (cũng trong Subud) và 4 đứa con. Cặp vợ chồng đó đến tập thường xuyên, và trong vài năm là hội viên của nhóm Wien.

Có lần người huynh đệ Subud đó dẫn tới một đồng nghiệp hành sự tại sứ quán Indonesia ở Sofia (Bulgary) và đến Wien ở một khoảng thời gian vì lí do nào đó. Các phụ tá được báo cho biết, và chúng tôi có một buổi trò chuyện với kẻ muốn tìm hiểu đó.

Anh rất dè dặt, có thể nói là kiêu hãnh, để cho đồng nghiệp mình, một kẻ khiêm tốn hơn, nói thay cho mình. Chúng tôi muốn

nghe chính anh nói là mình thực sự muốn tìm hiểu Subud, nhưng anh không sẵn lòng, và hình như muốn chúng tôi phải hỏi anh có muốn gia nhập hay không. Do đó mà tôi cũng không hứng thú trò chuyện, ban đầu chỉ nói chút ít và để cho những phụ tá khác giải thích Subud. Cuộc trò chuyện của chúng tôi có vẻ như chẳng đi tới đâu hết, tôi yên lặng ngồi, thỉnh thoảng liếc nhìn nhân vật đó vì không muốn tỏ vẻ bất lịch sự.

Có lần khi nhìn anh lâu hơn, tôi chợt rõ rệt cảm thấy có một tấm sắt mỏng nhưng lớn xuyên nghiêng qua đầu mình. Không phải là xuyên qua khuôn mặt, mà là bộ óc.

Điều đó tuy rất khó chịu nhưng lạ lùng là không khiến đau đớn. Sau 2 hay 3 phút trong đó tôi không suy tính gì, chợt nảy ra một câu hỏi: “Gia đình anh có ai bị bệnh tâm thần không?” Ban đầu anh kinh hoàng, nhưng rồi về mặt anh trở nên dịu dàng và cởi mở, và anh thú thật, không kiêu hãnh và dè dặt: ‘Có, một người anh em tôi bị bệnh tâm thần, nhưng đó không là căn bệnh thông thường, mà là do tà thuật’. Một người Indonesia chỉ nói như vậy nêu tin cậy người ta, vì biết được những người ‘Tây phương’ coi chuyện đó là mê tín dị đoan.

Đến lúc này thì mọi người đều trò chuyện cởi mở và thanh thản, và anh cho biết là mình muốn vào Subud. Vấn đề chỉ là những gì thiết thực. Chúng tôi ngần ngại khai mở cho anh, bởi chưa có một nhóm Subud nào ở Sofia. Ngoài ra, Bapak đã khuyên chúng tôi nên thận trọng trong trường hợp bệnh tâm thần, bởi chúng tôi còn thiếu kinh nghiệm. Vì dù sao trong 2 hay 3 năm nữa anh phải trở về Indonesia, nên tất cả chúng tôi đều có ý kiến là tốt hơn hết anh nên đợi chờ được khai mở tại Indonesia, nơi có Bapak và những phụ tá nhiều kinh nghiệm.

Còn chuyện này nữa: khi nhân vật muốn tìm hiểu Subud đó bắt đầu cởi mở và thành thật trò chuyện với chúng tôi, tấm sắt trong đầu tôi liền biến mất.

13) Sức mạnh đen tối

Trong thập niên 60 tôi có những chứng nghiệm khủng khiếp nhất, tồi thiểu cũng ghê sợ như cái chứng nghiệm về cảnh giới đen tối.

Latihan là thanh lọc và phát triển, nên cũng đem tới những gì khó chịu, tuy những cái khó chịu ít xảy ra hơn những cái dễ chịu. Từ cái thấp tới cái cao.

Một đêm nọ tôi thức dậy cảm thấy có gì đó khiếp sợ đe dọa mình. Phòng ngủ nhỏ bé của tôi tối mù, nhưng nơi một góc phòng cách mình 3 mét, hình như có cái gì đó còn đen tối hơn. Tôi phải trở mặt nhìn và cảm thấy càng lúc càng khiếp sợ, thật khủng khiếp. Hình như có gì đó hết sức độc ác đang rình mò mình. Tôi tự nhiên muốn bật đèn và chỉ việc ngồi dậy bấm nút đèn, nhưng không còn cử động được nữa. Tôi chưa từng nghĩ tới việc sợ hãi khiến ‘như bị tê liệt’, nhưng bây giờ thì tôi không chỉ ‘như bị tê liệt’, mà thực sự bị tê liệt. Tôi ngồi khoanh chân trên giường, không thể cử động, mà chỉ trở mặt nhìn góc phòng đen tối. Tóc tôi dựng đứng, không chỉ trên đầu mà là khắp thân thể!

Tất nhiên ban đầu tôi tìm cách cảm nhận được latihan, nhưng nó rất yếu. Điều duy nhất tôi muốn có: ánh sáng!

Điều này còn kinh khiếp hơn việc sợ phải chết. Cái sức mạnh đen tối đó muốn nuốt sống và huỷ diệt tôi. Không chỉ thân xác mà còn cả linh hồn mình.

Tuy vậy, đức tin của tôi ở Thượng Đế còn mãnh liệt hơn.

Như một phao bần nổi trên nước, đức tin của tôi không thể đắm chìm dưới những cơn sóng tràn ngập của nỗi kinh sợ.

Latihan dần dần mạnh hơn. Cuối cùng khi có thể cử động trở lại, tôi đứng dậy tắt đèn. Tức khắc cái sức mạnh thù nghịch đó yếu dần. Tôi không còn trông thấy gì nơi góc phòng, nhưng cái sức mạnh đó thì luôn còn đó. Trong một lúc lâu hơn, tôi nhận được latihan, không còn khiếp sợ nữa, thấy buồn ngủ, nhưng cái sức mạnh đó vẫn còn lại chút ít.

Ngày hôm sau, mọi việc trở lại như thường, tôi cảm thấy không bị tác động nào, nhưng không thể mau quên những điều mình trải qua đêm đó. Khi tôi rút cuộc có thể quên sau nửa hay một năm sau, thì cái đó lại đến.

Như trước kia, tôi thức dậy lúc giữa đêm cảm thấy cái sức mạnh

đen tối đó nơi góc phòng y như lúc trước. Tôi lại khiếp sợ nhưng có lẽ chỉ bằng nửa lúc trước kia (khi lần đầu bị như vậy, có lẽ tôi đã được huấn luyện?). Ngay lúc đầu, latihan mạnh hơn khi trước. Tôi có thể cử động, bạo dạn nghĩ: ‘Mình nên bật đèn ngay hay chờ xem mình có thể chống lại nó trong bóng tối trong bao lâu?’ Tôi chờ xem và phó mặc cho latihan, và hình như latihan có thể cản trở và làm cho cái sức mạnh đó yếu dần, nhưng không xua đuổi nó được. Sau 15 phút khi thấy mệt mỏi và buồn ngủ, tôi tắt đèn. Ngay sau đó, cái sức mạnh đó yếu dần, nhưng vẫn khiến cảm thấy được.

Tôi tức khí ‘mong muốn’ mình sẽ không bao giờ bị quấy phá nữa, bởi chỉ muốn ngủ. Nhưng vô ích. Như lúc đầu tiên, tôi có thể ngủ ngay, tuy không khí chưa trong lành.

Nửa năm sau hay khoảng đó, tôi đã dọn nhà, kiếm được một nơi rộng lớn đẹp đẽ nhưng rẻ tiền làm xưởng điêu khắc. Tôi đã quên hẳn con quỷ đó nhưng nó lại đến. Lần này thì là lúc ban ngày.

Tôi cảm thấy rõ rệt sự hiện diện của nó nơi một góc xưởng, trong lúc mình đang làm việc một nơi đối diện chéo với cái góc đó. Tôi phải tức khắc phần nào quay mặt lại trở mắt nhìn nơi chôn đó, tuy không trông thấy gì hết.

“Đồ chó chết, mày lại đến?” tôi nghĩ và lập tức đặt mình trong trạng thái latihan. Latihan tức thì trở nên rất mãnh liệt khiến tôi phát ra những âm thanh đều đặn, những âm thanh dần biến thành ca hát đỉnh tai. Tôi cảm thấy thật rõ rệt cái sức mạnh đen tối đó tan chảy dần dưới những âm thanh của mình. Trước khi tôi lấy lại hơi, con ma đáng ghét đó đã đi mất. Tôi yên tĩnh đợi chờ trong một lúc, nhưng nó quả thực đã đi mất. Tôi đã hoàn toàn làm cho nó biến mất ‘bằng ca hát.’ (Tất nhiên đó là latihan).

Như một lão nhân dũng cảm nọ trong anh hùng ca Kalevala của Phần Lan, tôi đã ca hát làm cho kẻ thù biến mất dưới mặt đất hay nơi nào đó, nhờ latihan.

Điều ấn tượng khiến tôi kinh ngạc và tạ ơn Thượng Đế là những kết quả nhanh chóng sự tu tập của mình.

Lần thứ nhất, tôi nghiệm thấy sự kinh khiếp vô cùng, đối với tôi đó là một quỷ vương cực kì hung ác. Lần thứ hai, nó là một con

quỷ trung bình, nhưng lần thứ ba thì chỉ một con ma phá phách, mà tôi chỉ việc ca hát đuổi đi với latihan. Thế nên, tôi thường nói: “Khi thấy khiếp sợ thì đừng vì vậy mà sợ hãi.”

14) Tình thương của Thượng Đế

Trong thập niên 60 tôi nhiều lần nghiệm được một latihan đặc biệt, những gì là những chứng nghiệm thâm sâu và mãnh liệt nhất. Điều đó luôn xảy ra ban đêm. Hoặc lúc tôi vừa muốn lên giường ngủ, hoặc lúc giữa đêm tôi thức dậy, đó là lúc có cái latihan đó. Tôi ngồi trên giường trong phòng ngủ tối mù của mình, không cử động, nhưng trong trạng thái latihan.

Chợt nhiên lòng tôi tràn đầy một tình thương mãnh liệt.

Tình trạng đó đột biến và tràn ngập tới nỗi tôi không chống cự chút gì nội, và không thể xen lẫn vào với những ý nghĩ của mình. Tôi luôn kêu gọi danh hiệu của Thượng Đế, nước mắt tuôn trào trên khuôn mặt. Tôi vừa cười vừa khóc mà cảm thấy cực kì vui sướng. Trong niềm cực lạc đó cũng có sự đau đớn, nhưng là sự đau đớn ngọt dịu không tác hại chút nào. Trung tâm cái cảm xúc đó nằm giữa ngực, nơi hơi cao hơn trái tim. Từ nơi đó cái cảm xúc đó toả ra khắp cơ thể. Tôi nghĩ mình sẽ phải chết vì tình thương, nếu cái trạng thái đó trở nên mãnh liệt hơn. Nếu là vậy thì tôi cũng sẽ không ngần ngại. Đó không hẳn là tình thương của Thượng Đế đối với tôi, và cũng hoàn toàn không là tình thương của tôi đối với Thượng Đế, mà chỉ là TÌNH THƯƠNG. Không có Thượng Đế là ‘Ngài’ và cái gì là ‘Tôi’, mà chỉ là tình thương, Thượng Đế là tình thương. Quyền năng của Thượng Đế đã đục vào chỗ thâm sâu nhất của tim tôi.

Đó có lẽ là sự ‘unio mystica’ (hợp nhất huyền bí) mà các nhà thần bí học đề cập tới? Tôi khó tin được, vì đó là cái mục tiêu tối thượng họ mong đạt được trong đời mình, sau nhiều năm khổ hạnh xa lánh thế gian, đem đời mình hiến dâng cho Thượng Đế. Nhưng tôi vẫn còn trẻ, còn nhiều lỗi lầm, và chỉ tu tập được vài năm, không xa lánh thế gian.

Cái latihan đó kéo dài không đầy nửa tiếng đồng hồ, nhưng tôi không còn cảm thấy có thời gian nữa. Tất cả cái thế giới này, toàn

bộ đời người, trở nên không quan trọng và không còn nữa. Chỉ có tình thương của Thượng Đế, ngoài ra không có gì hết. Và cái tình thương đó nhập vào nơi tôi.

Sau vài tháng, khi tôi không còn nghĩ tới chuyện đó nữa, cái latihan đó lại đến. Điều đó xảy ra tôi thiếu là 3 lần, tất cả đều giống với lần đầu tiên.

Điều này thì tôi chắc chắn biết được: tất cả các kiểu tình thương chỉ là sự phản ánh tình thương của Thượng Đế. Dù đó là tình thương giữa nam và nữ, giữa cha mẹ và con cái, giữa bạn bè, giữa anh chị em, hay ngay cả đối với thú vật, cây cỏ và đồ đạc. Điều đó thì trước đây tôi đã đọc thấy trong các thánh thư và nghĩ đó là là một ý tưởng rất đẹp. Bây giờ thì nó trở thành thực tại.

Có lần tôi tìm cách cho một người anh em Subud hay chuyện đó, nhưng anh không hiểu gì. Nên tôi tự giúp mình bằng cách làm thơ. Những bài thơ đó giúp tôi không nghĩ tới hay suy tưởng về cái chứng nghiệm đó. Nhưng có thể quên nó thì không bao giờ được.

Tôi xin chép lại dưới đây một trong những bài thơ đó:

*Lông mày nhỏ nhất
Mắt Ngài động đây,
Chỉ là động đây
Hết sức yếu ớt,
Chúng tôi rung động,
Cười nói khóc than.
Chỉ là điều tàn,
Những gì không là
Tình thương của Ngài.
Cực kì sung sướng,
Tâm tôi nháy múa
Trong lúc vui khóc.*

15) Không tên tuổi

Năm 1959 Bapak nói cái tên ‘Hubert’ mà bố mẹ tôi cho tôi, là cái tên thích hợp với tôi. Tất nhiên tôi luôn thích cái tên đó, và coi như vậy không có gì lạ thường. Khi còn nhỏ bé, tôi cảm kích

bố mẹ mình là đã cho mình cái tên đó, và hỏi họ như thế nào họ đã chọn nó. Mẹ tôi nói: “Bố mẹ không chỉ muốn cho con lấy cái tên của bố con, như người ta thường làm. Con nên có một cái tên của chính mình. Bố mẹ không muốn một cái tên thường thấy cũng như ít thấy. Trong một cuốn lịch, bố mẹ tìm thấy cái tên Hubert theo sau ngày sinh tháng đẻ của con. Cái tên đó tuy không thường thấy nhưng cũng không ít thấy, nên bố mẹ thích nó. Cái tên thứ hai của con là Eduard, bố mẹ lấy cái tên đó của linh mục Eduard, người đã rửa tội cho con.”

Lấy làm vui mừng về điều đó, tôi nói: “Xin tạ ơn Chúa, tên mình là Hubert. Con không muốn một cái tên nào khác.”

Nhiều năm sau cuộc viếng thăm của Bapak, luôn xảy ra điều này là tôi phản ứng chậm chạp và ngần ngại, khi người ta gọi tên mình. Tác động cái tên tôi đối với tôi trở nên yếu kém và có thể nói là lu mờ. Tôi còn nhớ được rất rõ chuyện xảy ra sau đây: vợ một vài bạn bè Subud tôi đi dạo trên đường Mariahilferstrasse đây cửa tiệm, khi một người trong họ dừng lại gọi tôi trước một cửa kính bày hàng: ‘Hubert!’. Những người khác cũng đứng lại, nhưng tôi vẫn tiếp tục bước đi. Tất nhiên tôi biết anh bạn đó muốn nói tới ai khi gọi ‘Hubert’, nhưng tôi phải ép buộc mình có phản ứng đối với cái tên đó, vì không còn cảm thấy mình là ‘Hubert’ nữa.

Kể từ lúc có chuyện xảy ra đó trước cửa kính bày hàng, tôi là một kẻ không tên tuổi.

Xin bạn đừng nghĩ rằng tôi nói như thế là đùa giỡn hay phóng đại sự việc. Đối với tôi điều đó quả thực là như vậy. Tôi thực sự không có tên tuổi. Chữ Hubert chỉ là một mã hiệu, tương đương một số hiệu của một cá nhân nào đó. Thực vậy, tôi bực mình vì người ta dùng cái nhãn hiệu đó để gọi mình.

Hỏi đó có những người hay đã hay rằng ngoài cái tên đúng hợp của mình ra còn có một cái tên đúng hợp khác, thường là một cái tên Hồi giáo. Điều này có thể hiểu được, khi tâm hồn mình phát triển, được thanh lọc nhanh chóng và mãnh liệt. Nhưng việc tâm hồn mình mất tên tuổi mà mình không chống cự được, thì tôi thấy thật khó tin. Tôi chưa từng nghe nói tới một trường hợp như vậy.

Bây giờ thì tôi hiểu được rằng cái tên mình quan trọng như thế nào,

là nét nhận dạng đặc biệt của mình. Điều đó thấy được ở những đứa bé. Một đứa bé không gọi nó là ‘Tôi’ nhưng là ‘Helmut muốn chơi đùa.’ Cái thế giới nhỏ bé của nó chỉ gồm những tên: Ba và Má là những tên, ngay cả Nội hay Ngoại, các anh chị em, những người hàng xóm, những người nó quen biết, tất cả chỉ là những kẻ mang tên. Mèo, chó và những thú vật khác thì cũng vậy.

Còn tôi, một kẻ tầm thường, đã hơn 30 năm lấy làm vui sướng với cái tên đúng hợp của mình, nhưng rồi nó lại bị lấy đi mất. Tôi là một kẻ không là ai hết, luôn cả không là một con số? Tôi không xứng đáng có một nét nhận dạng đặc biệt của mình?

Hay là cái tên đúng hợp của tôi sau vài năm latihan sâu sắc không còn dùng được nữa, khiến phải có một cái tên đúng hợp thứ hai? Tình trạng tôi là như vậy, nhưng tôi không đủ can đảm viết thư hỏi Bapak. Có nhiều người viết thư hỏi mình tới nỗi Bapak không đủ thời gian trả lời cho mọi người. Hay tôi nên đợi chờ cho tới khi Subud Áo viết thư cho Bapak để nhân tiện tôi kèm theo những câu hỏi của mình? Hiện nay tôi không còn hiểu tại sao mình đã do dự thật lâu và những gì từ đáy lòng đã cản trở mình.

Và như vậy trong nhiều năm tôi đã là một kẻ không tên tuổi.

Hồi đó tôi chưa biết là có những người vì tâm linh đã bỏ cái tên của mình. Đó là những tu sĩ Bà La Môn đã bỏ nghề nghiệp và gia đình để thiên định tại những nơi hẻo lánh, và sống một cuộc đời khổ hạnh, thường với người vợ mình. Họ làm như vậy một cách rất quyết liệt, xa lánh gia đình mình, luôn đi hết nơi này tới nơi nọ, cho tới khi chết. Họ chỉ mang theo một chiếc áo, một cây gậy và một chén bát xin đồ ăn, và điều quan trọng nhất là họ đã bỏ luôn cả cái tên của mình. Họ không muốn mình còn một cá tính nào, không còn ham muốn gì và không còn cảm thấy mình có một cái Tôi nữa: họ đã chết cho thế tục, một cách không tên tuổi.

Những nhà tu khổ hạnh đó ở Ấn Độ được coi là những nhân vật đặc biệt thánh thiện. Nhưng với tôi thì sự không tên tuổi đó không có gì là thánh thiện, hay ngay cả quan trọng cho tâm linh, mà chỉ là cái gì đó thiếu thốn. Điều duy nhất mà tôi học hỏi được chỉ là sự có thể chịu đựng được một tình trạng như vậy.

Trái lại, trong các tôn giáo nhất thần, cái tên là điều hết sức quan

trọng, bởi người ta tin ở sự hiện hữu của một cá tính tâm linh, ở linh hồn hay cái gọi là bản ngã của tâm hồn. Như điều thiên thần Gabriel nói với Đức Mẹ Maria là bà nên đặt cho đứa con tương lai mình một cái tên như thế nào. Những nhân vật tiếng tăm của tôn giáo cũng đã thay tên đổi họ: Simon thành Petrus (Phê-Rô) và Saulus thành Paulus (Phao-Lô), và nhiều vị khác. Trong giáo hội Công giáo những ai theo một dòng tu nào đều lấy một cái tên mới. Nếu một thầy tu trở thành giám mục, ông có một cái tên thứ hai. Nếu thành giáo hoàng, ông có một cái tên thứ ba. Trong các tôn giáo khác thì cũng vậy.

Tôi chịu đựng được tình trạng không tên tuổi của mình, nhưng điều đó đã không thành thói quen và tôi cũng không nói chuyện với ai về nó. Cái Tôi mình không tên tuổi, nhưng mình vẫn có thể sinh sống và làm việc. Và không vì vậy mà mình ăn uống không ngon lành như những người có tên tuổi.

Trong năm 1967 tôi tới Wolfsburg với một vài hội viên khác, vì Bapak sẽ không đến Áo trong chuyến du hành thế giới của mình. Nhân tiện, nhiều người lợi dụng cơ hội đó để xin Bapak cho mình một cái tên đúng hợp, và tôi cũng làm như vậy. Chúng tôi nên viết tên mình trên một tờ giấy, vì như vậy sẽ giản tiện và nhanh chóng hơn. Bapak trả lời: “Hubert is still ok” (cái tên Hubert còn có thể dùng được). Tôi như bị một nhát búa vào đầu. Sự tiếp nhận của mình đã không đúng? Cái cảm giác mình không còn là ‘Hubert’ nữa chỉ là tưởng tượng? Tôi đã lâu đời tin rằng cái tên đó luôn tốt cho mình.

Như mọi khi, nếu có gì mà trí óc mình không chấp nhận, thì tôi chỉ việc chấp nhận mà không muốn tìm hiểu. Nhưng lần này thì rất khó có thể như vậy được. Những gì tôi có thể làm chỉ là đợi chờ và kiên nhẫn. Dù sự trả lời của Bapak, tôi vẫn cảm thấy mình không tên tuổi. Bapak quả thực đã trả lời là ‘still’ (vẫn còn). Vậy thì có triển vọng có một cái tên khác.

Năm 1968 hay 1969 có sự thay đổi trong latihan tôi. Những năm đầu tiên trong Subud thường cho thấy những truyền thống tinh thần từ Abraham tới Moses, khi tôi thốt ra những lời nói bằng tiếng Hê-Bơ. Một anh bạn Do Thái giáo trong nhóm chúng chúng tôi, một kẻ đã lâu năm sinh sống ở Israel, đôi khi thông dịch lại cho tôi sau buổi latihan. Kế đến là một giai đoạn Thiên Chúa giáo trong

một hay hai năm, trong đó tôi có một trong những chứng nghiệm mãnh liệt và diệu kì nhất: lúc thốt ra lời nói ‘Eissa’.

Trong lúc này thì những phản ứng của latihan tôi có tính chất Hồi giáo. Tôi bắt đầu nói những tiếng Ả Rập, thốt ra những âm thanh nghe rất giống với của tiếng Ả Rập, và những phản ứng của latihan cũng trở nên khác lạ. Trong cái latihan đầu tiên như vậy, tôi đi đứng trong một tư thế thẳng đứng và căng cứng đến nỗi ngày hôm sau mình bị đau bắp thịt và lưng. Lần đầu tiên tôi cảm thấy sự co rút mãnh liệt của bắp thịt, ngay cả nơi cánh tay và chân. Điều này y hệt như cách làm co cơ bắp trong những lối tập luyện làm tăng bắp thịt. Điều đặc biệt là trong latihan tôi mình là một người đàn ông, một thanh niên khoảng 20 tuổi hay hơn. Cho tới lúc đó sau một cái latihan tốt đẹp, tôi luôn cảm thấy mình là một đứa nhỏ 12 hay 13 tuổi: một đứa bé sắp tới tuổi dậy thì, đã tới chỗ cao nhất của sinh khí một đứa bé. Điều đó thật tuyệt vời và vui sướng, bởi tôi cảm thấy mình là một đứa con của Thượng Đế.

Tôi biết được rằng mình có thể hoàn toàn quy thuận Thượng Đế, khi còn trẻ tuổi, và như vậy thì càng tốt. Cơ thể tôi đã tăng trưởng, và chẳng bao lâu tuổi mình sẽ 40. Cái bên trong có vẻ như dần dần bắt kịp được cái bên ngoài của mình. Tôi đi đứng như một người đàn ông, giọng ca trở nên sâu đậm hơn trước kia, và cảm thấy mình hoàn toàn là một người đàn ông. Tuy thế, tôi không cảm thấy chút gì điều có thể tạo nên một sự sống mới.

Latihan tôi càng lúc càng trở nên có tính chất Hồi giáo hơn, đôi lúc có màu sắc Ả Rập, đôi lúc không. Sau một thời gian dài lâu, tôi quyết định trở thành một người Hồi giáo. Những thành kiến hết sức tiêu cực trước kia về Hồi giáo của tôi đã từ lâu tiêu tan. Ước chi mình có một cái tên Hồi giáo, tuy không nhất thiết. Bởi lâu nay là một kẻ ‘vô danh’ nên tôi vui lòng được như vậy. Thế nên, tôi viết thư cho Bapak đề yêu cầu cho mình một cái tên Hồi giáo. Sau một vài tuần, tuy Bapak phải trả lời rất nhiều thư từ, tôi nhận được một bức thư của Bapak trong đó viết: “Cái tên đúng hợp với bạn là Mursalin.”

Hiện nay tôi còn thấy thật rõ được lúc mình đứng trong xưởng điêu khắc đọc bức thư đó. Cái tên đó thật kỳ lạ. Nghe thật êm tai, như âm nhạc, nhưng tôi biết trước là phải mất nhiều năm nó mới được hiện thực nơi mình. Quả thực là vậy, nhưng điều này không

là vấn đề, nếu tôi chỉ dần dần trở thành ‘Mursalin’.

Tôi không còn là Hubert nữa, nhưng cũng chưa trở thành Mursalin.

Các anh chị em Subud mà gọi tôi với cái tên đó thì cũng giúp ích được cho tôi rất nhiều. Bố mẹ mình, các anh chị em ruột thịt và bạn bè trước đây của mình, nhưng tôi không thể cảm cảm họ. Họ vẫn còn dùng cái tên ‘cũ’ của tôi, tuy tôi đã báo cho họ hay. Tuy thế, tôi cũng chịu đựng được, vì đó là cái tên đúng hợp trước kia của mình.

Ban đầu cái âm ‘in’ nghe như của đàn bà khiến tôi khó chịu. Tuy thế, cũng có những tên với âm ‘in’ đằng sau là của đàn ông như: Augustin, Balduin, Oswin, Erwin vv... Trong tiếng Á Rập phụ tố ‘in’ của một chữ là điều biểu thị số nhiều. Cái tên đó nghĩa là ‘những sứ giả’. Một anh bạn Subud có lần đã nói: “Điều này thì đặc biệt. Anh không muốn có một, mà là có nhiều sứ giả.”

Tôi cũng hiểu được là trước hết mình phải trở thành một người Hồi giáo, để có một cái tên mới, thích ứng và ‘đúng hợp’. Cho tới khi latihan khiến mình làm như vậy, tôi phải trải qua sự chịu đựng một tình trạng vô danh trống rỗng. Nhưng đó lại là điều gì tốt đẹp, vì là một sự chết trong tâm hồn mình. Chúng ta luôn phải chết trong tâm hồn mình, nếu không thì không thể tiếp tục phát triển được. Do đó mà đây là châm ngôn của tôi: “Ai muốn sống thì phải có thể chết.” Điều đó như việc thể hệ này thay thế cho thể hệ kia trong tâm hồn. Lúc này thì tôi hoàn toàn cảm thấy mình là Mursalin, đặc biệt sau khi nghiệm được trong trải nghiệm nghĩa lí cái tên mới của mình.

16) Cho Latihan tạm nghỉ

Năm 1969 có một thời kì tâm linh tôi bị quá tải. Trong nhóm mình tôi phải làm nhiều việc và là phụ tá duy nhất chịu hoạt động. Mỗi tuần latihan hai lần với nhóm và một lần với phụ tá và ban quản trị, ngoài ra còn vô số những câu hỏi để trắc nghiệm. Mỗi tuần có tới 2 hay 3 buổi trắc nghiệm lúc tối, điều này có thể mất tới một hay hai tiếng đồng hồ, là chuyện thường xảy ra. Nhưng sau đó chúng tôi nghe Sudarto nói là những kẻ càng bị ảnh hưởng của tâm trí thì càng muốn làm trắc nghiệm.

Trong tất cả các buổi nói chuyện của chuyến du hành thể giới năm 1967, Bapak đã cho chúng tôi hay là nên đề phòng các thiên thần ganh tỵ, vì họ muốn cản trở sự phụng thờ Thượng Đế của con người. Ba năm tiếp theo là lúc hết sức khó khăn: chỉ có vài hội viên không quây phá, còn những người khác thì làm cho công việc của phụ tá trở nên khó khăn hay khiến họ không muốn hoạt động. Người ta cãi nhau, có những âm mưu này nọ, khiến cho phần đông phái nữ và một vài người phái nam không đến tập nữa. Tôi là một phụ tá nam duy nhất còn hoạt động, luôn bị vài hội viên trẻ thúc đẩy khiến mệt mỏi. Thế nên, năm 1970 tôi từ nhiệm làm phụ tá.

Mùa hè năm 1970 Bapak đến thăm chúng tôi. Khi ngồi chung với Bapak và Usman trong chiếc taxi đem Bapak tới nơi ăn chôn ở, và khi được Bapak hỏi, tôi cho Bapak hay nhóm chúng tôi không có ai chịu làm phụ tá, và tôi là phụ tá cuối cùng vừa mới từ nhiệm. Bapak không chấp nhận điều đó, vẫn coi tôi là phụ tá mà nói rằng hôm nay mình sẽ giải quyết những vấn đề của chúng tôi. Thậm chí, Bapak còn nói tiếng Anh với tôi: "Today latihan seven o'clock." Còn thêm một vài câu đơn giản nữa. Tôi phải cho mọi người biết những chỉ thị của Bapak. Điều ngạc nhiên là Bapak không đề cho Usman thông ngôn, mà nói tiếng Anh thẳng với tôi. Thế nên, tôi cho đó là một bổn phận và trách nhiệm đặc biệt của mình.

Trong buổi nói chuyện lúc tối, Bapak yêu cầu tất cả các phụ tá nên hoạt động trở lại để trợ lực cho một phụ tá duy nhất. Bapak kêu gọi mọi người nên làm việc chung với nhau trong hòa khí.

Như vậy, nguy cơ nhóm Wien bị tan rã đã không xảy ra, và sau chuyến viếng thăm đó mọi việc lại trở nên khá hơn.

Trong những năm vừa qua đơn thương độc mã làm phụ tá, tôi đặc biệt có những latihan mãnh liệt và phong phú, tuy bị thù ghét. Nó rất có tính chất Hồi giáo, như điều tội đã thuật lại. Chỉ có điều này là tôi thấy cái tình trạng đó không thể lâu dài tiếp tục. Hầu như mỗi ngày đều phải tập latihan, tính luôn cả gánh nặng của những trách nhiệm thường là về những gì vô ích, và cũng không có một phụ tá nào khác trợ lực cho mình, để mình bớt được gánh nặng, có thể nói là cho latihan được dưỡng sức. Không biết điều này tới một lúc nào đó sẽ khiến cho tôi bị khủng hoảng, như trường hợp của những hội viên mà tôi đã nghe nói tới hay đọc được trong sách báo? Ở Áo một điều như vậy chưa từng xảy ra, nhưng trường hợp đó cũng có thể là

của tôi. Tôi không thể cho latihan mình tạm nghỉ, bởi như vậy thì người ta sẽ lập tức chỉ trích: ‘Bạn không làm tròn bổn phận phụ tá, vậy nên bạn phải là phụ tá không hoạt động.’ Điều đó thì tôi đã vài lần nghe người ta nói. Tôi không thể để cho mình bị khủng hoảng, bởi làm phụ tá mà như vậy thì không chấp nhận được. Tôi hoàn toàn chỉ trông cậy ở chính mình, bởi những hội viên không quậy phá hay ‘trung lập’ cũng không ủng hộ mình.

Một buổi tối nọ tôi đi tập xuất latihan cho phụ tá và ban quản trị, nhưng trong lúc ngồi tịnh tâm tôi không cảm thấy cái trạng thái latihan thông thường của mình. Khi tôi đồng thời cùng đứng lên với những người khác, latihan mình chẳng có gì. Tôi không cảm thấy gì hết. Tôi ngồi xuống tịnh tâm trở lại, đầu óc trống không và quy thuận, đợi chờ một lúc, rồi lại đứng lên -cũng chẳng có gì. Latihan đã biến mất. Như mình đã chưa từng vào Subud. Điều này hậu như hơi kỳ bí. Kể từ lúc được khai mở cách đó 11 năm, tôi có thể tiếp nhận latihan bất cứ lúc nào, điều đó thật dễ như trở bàn tay. Nếu tình thế bắt buộc phải cần latihan lại, như vậy thì khó khăn hơn nhưng không phải là không làm được. Bây giờ thì ra sao? Thượng Đế không ban ân huệ cho tôi nữa? Tôi không thể tin được. Có lẽ chính đó là ân huệ của Thượng Đế, khiến tôi cần phải nghỉ mệt.

Có lẽ Thượng Đế đã cài đặt một ‘máy điều nhiệt’ tâm linh để tránh cho tôi bị khủng hoảng? Khi tâm linh tôi bị ‘quá nhiệt’, cái ‘máy điều nhiệt’ mình tuệ đó tắt latihan đi, để tránh cho tôi bị thiệt hại. Tôi tự an ủi mình mà nghĩ như vậy, nhưng cũng thấy mình nghèo thiếu và bất lực.

Một vài lần tôi đứng lên, nhưng rồi lại ngồi xuống, cuối cùng thì tôi chỉ ngồi. Những người khác sẽ nghĩ rằng tôi đang có một cái latihan yên bình trong lúc ngồi, bởi những phản ứng của tôi đều khác nhau.

Chẳng ai hỏi han gì mình, và hiển nhiên mọi người đều không nhận thấy tình cảnh của tôi. Thiếu vắng latihan nhưng thư thái tôi về nhà. ‘‘Bây giờ thì latihan mình được nghỉ mệt,’’ tôi nghĩ, ‘‘điều này đã tự động xảy ra bởi cần phải có. Mình nên vui vẻ coi đó là điều may mà đừng lo sợ sẽ bị khủng hoảng.’’

Ngày hôm sau là Chủ Nhật, nên tôi không phải tới hội. Vài lần tôi

tìm cách cảm nhận được cái latihan thông thường của mình, nhưng chẳng được gì. Cái trạng thái ‘gây mê’ tâm linh này sẽ kéo dài bao lâu? Một tuần hay lâu hơn? Tôi không phải chờ đợi lâu. Ngày Thứ Hai, ngày kế tiếp, là latihan nhóm. Khi tôi đứng lên, latihan mình trở nên như luôn từng có. Cái cảm giác của sự sống đầy lòng trong cái cảm giác của sự sống hằng ngày đã trở lại, để luôn có đó. Tôi thấy mình may mắn đã có một máy điều nhiệt tâm linh, bởi không còn phải lo nghĩ gì nữa.

Sự việc không thể tiếp nhận latihan đối với tôi là một chứng nghiệm sâu sắc có tác động mạnh, ngay cả trong hai ngày tiếp theo. Tôi được khiến cho thấy rõ rệt latihan luôn là một đặc ân. Đó không là cái khả năng mình nhận được, điều mình có thể làm như thế hay thế kia theo ý mình. Khi nói “Tôi làm latihan” thì không mấy đúng, nhưng lời nói đó đã thành thói quen, và ai cũng hiểu được điều muốn nói là gì. Tôi luôn ý thức được không phải là ‘Tôi đang làm’ latihan, mà là latihan đang làm cho có gì đó nơi tôi.

Trong những năm tháng hay mấy chục năm tu tập, chúng ta càng thường xuyên hơn cảm thấy latihan trong đời sống hằng ngày, cho tới lúc latihan luôn bên cạnh mình. Tôi thấy điều đó như một nhạc nền luôn nghe thấy, lúc chói tai, lúc êm tai, đôi khi rất êm ái. Khi không thể nghe thấy gì nữa, tôi buồn chán vô cùng, và đợi chờ tới lúc được nghe trở lại.

17) Tại Hội Nghị Thế Giới 1971 ở Cilandak

Khi đi dự hội nghị, chúng tôi lấy làm vui mừng là sẽ được tập chung với nhiều người khác, và nhất là với Bapak. Nhưng điều làm chúng tôi hết sức thất vọng là việc Bapak cho hay sẽ không có một buổi latihan nào trong 10 ngày đầu tiên. Cái sức mạnh mà chúng tôi thường cảm thấy trong latihan, ở đây dày đặc và hiện diện khắp nơi tới nỗi không cần phải có thêm những buổi latihan nhóm.

Chẳng bao lâu sau đó, chúng tôi nhận thấy điều Bapak nói là đúng. Chúng tôi thường trực trong trạng thái latihan, và không chỉ những hội viên đã 14 năm trong Subud (kể từ 1957) mà ngay cả những người chưa theo tập được bao lâu, những ai chưa tiếp nhận được nhiều trong latihan. (Với người Indo thì đương nhiên có những hội viên đã lâu đời hơn trong Subud). Hội đó chúng tôi rất

phục họ, và tôi cũng biết rằng có nhiều người tâm linh cao. Cũng có những ngoại lệ, nhưng điều đó thì tôi chỉ nhận thấy vài lần.

Ngay sau đó, cái trạng thái latihan thường trực đó trở nên quen thuộc, và chúng tôi không nhắc tới nữa. Bapak cũng đã từng nói rằng tâm hồn chúng ta có thể luôn trong trạng thái đó, dù mình đang làm việc hay đang vui thú trong những lúc rảnh rỗi. Bởi phải làm việc để có thể sinh sống, chúng ta nên có khả năng làm quen với cái trạng thái đó trong lúc đang làm việc.

Phần đông những người đi dự như chúng tôi đều là những kẻ không có nhiệm vụ gì trong hội nghị, nên cái trạng thái latihan đó khiến chúng tôi thích thú trong những lúc rảnh rỗi. Chúng tôi đi dạo đây đó, nói những chuyện nghiêm trọng hay trên trời dưới đất, hay chẳng nói gì hết. Đôi khi cũng chỉ ngồi một mình trên một chiếc ghế dài mà không nghĩ ngợi bất cứ gì. Dù làm gì hay không làm gì, chúng tôi chưa hề cảm thấy buồn chán. Triết gia Kierkegaard đã viết một bài thật dài và sâu sắc về hiện tượng buồn chán, trong đó ông kết luận rằng đó là cái cảm giác của sự trống không và hư vô. Sự hư vô đó nằm trong đáy lòng mình, khiến mình thấy mọi việc đều nhạt nhẽo, vô vị và buồn chán. Tôi cũng nghĩ như vậy. Nếu có một không khí sống động trong lòng, chúng ta không bao giờ buồn chán. Không cần phải ồn ào, tranh cãi và bị kích động mãnh liệt.

Những thị dục của chúng tôi hình như đã bị làm cho buồn ngủ, hay có thể nói là ngủ gà ngủ gật. Chúng tôi tươi cười đi dạo đây đó, bởi latihan khiến mình trở nên thanh nhẹ và vui vẻ. Có thể nói sự nhàn tản của chúng tôi là cái gì thanh cao, chứ không là sự lãng phí thời gian.

Nhà thơ Hoelderlin là người ái mộ văn hoá Hy Lạp, ông đã lý tưởng hóa họ trong một câu thơ rất hay: “Họ đi dưới ánh sáng, các thần tiên đó...” Tôi thấy những ngày tháng ở Cilindak như là sự phản chiếu lại, hay sự cho cảm thấy trước thiên đàng. Ngay cả trên cái trần gian này, chúng ta cũng có thể nghiệm thấy chút ít về cái đó.

Tôi nghe có một vài hội viên nói rằng ngoài phạm vi của Subud thì khác hẳn, thật nặng nề. Muốn chính mình thử coi, nên tôi đi ra

ngoài chỗ mình từ nơi cửa hậu. Tôi vừa bước ra ngoài, cái trạng thái thiên đàng đó liền biến mất. Tôi cảm thấy ngột ngạt và không được an toàn, như có những nguy cơ đang rình mò mình. Dưới cơn nắng chói chang, tôi chậm chạp bước đi, bên phải mình là một đồng ruộng, bên trái là một lùm cây cối với những bụi chuối. Nơi này là một cảnh đồng quê thơ mộng, nhưng tôi thấy xung quanh mình như có những sức mạnh ác hại hay ma quái. Tôi cảm thấy lưng mình ngứa ra, và phải nhiều lần quay đầu lại nhìn. Tình trạng đó càng lúc càng trở nên khó chịu khiến tôi rất sợ hãi. Tôi lấy làm xấu hổ, bởi mình không hề là một kẻ nhát gan, và bên ngoài mình cũng chẳng có gì khiến phải sợ. Đi được khoảng 50 mét, tôi không còn muốn ‘thử xem’ nữa nên đi về. Lần này thì tôi nhanh chóng bước đi. Tôi càng lúc càng cảm thấy đỡ hơn, và khi đi qua trở lại cửa phía sau Subud, tôi tức khắc lại thấy mình đang trong nơi thiên đàng nhỏ bé của chúng tôi. Nơi đó khác hẳn với cái thế giới bên ngoài, nên tôi càng cảm thấy rõ rệt hơn cái không khí an bình và thanh cao của nó.

Một vài lần tôi đi khỏi nơi thiên đàng của mình qua cánh cửa phía trước, nơi đưa ra con đường tới Jakarta, để mua sắm vài thứ. Nơi đó có đầy xe cộ lưu thông, nhiều cửa tiệm nhỏ bé và nhiều người qua lại. Tình trạng đó tuy hơi khó chịu nhưng không đến nỗi ma quái như nơi bên ngoài cánh cửa phía sau. Các bạn đừng nghĩ rằng đó chỉ là những trải nghiệm của cá nhân, bởi tôi cũng nghe thấy nhiều người khác nói như vậy. Họ cũng cảm thấy sự khác biệt lúc ra ngoài qua cửa trước và cửa sau. Tôi cũng nghe Bapak nói về điều đó. Những sức mạnh và sinh thể hạ đẳng đã bị đuổi ra ngoài, khiến chúng lập nên một bức tường chung quanh phạm vi của Subud.

Trong suốt lúc đó chúng tôi nghiệm thấy một thế giới thực sự của con người, một thiên đàng nhỏ bé trên trần gian. Tôi có thể kể nhiều hơn về những ngày tháng tại đó, nhưng chính mình cũng phải nghiệm thấy được. Nhiều người đã nhận thấy y như vậy, những người khác thì chắc cũng sẽ nghiệm được. Tôi cầu mong điều đó cho mọi người.

18) Latihan mạnh nhất

Mùa xuân năm 2001 Ibu Rahayu đến thăm nước Áo. Theo

mong ước của bà, đó không chỉ là nơi gặp gỡ của một quốc gia, mà của những người đến từ những quốc gia khác. Thực vậy, có nhiều người đến thăm hơn sự mong đợi của chúng tôi, nên ban tổ chức có nhiều việc phải làm. Cuộc gặp gỡ đó xảy ra tại Baden, cách Wien 30 km về hướng Nam. Nơi trú ngụ của phần đông thiên hạ là một khách sạn rộng lớn, và ngay phía trước đó là một trường học, nơi chúng tôi thuê một phòng tập thể làm chỗ tập latihan. Mọi người chỉ việc bước qua đường là tới phòng tập latihan.

Nếu tôi nhớ không lầm, thì là ngày thứ hai của lúc đó. Sau bữa ăn trưa ngon miệng nơi trước khách sạn, tôi đứng lên hút một điếu thuốc, trong lòng thư thái vì một ngày mùa Xuân tươi đẹp, bởi sau một tuần lễ thời tiết xấu xa, mặt trời đã mọc trở lại. Tôi có một latihan thật phong phú; vả lại, mình cũng thích được tập chung với nhiều người khác. Tôi mãn nguyện và muốn hưởng nhân một buổi trưa dưới ánh mặt trời ấm áp.

Chợt có một anh bạn Subud đến gặp tôi yêu cầu tôi tập thêm với anh một cái latihan, vì anh cảm thấy nặng nề. Anh là thành viên của ban tổ chức, và trái với tôi anh có nhiều việc phải làm. Điều này thật bất tiện, bởi cái nhu cầu latihan của tôi đã được đáp ứng, còn cái nhu cầu hưởng nhân thì chưa. Bởi là phụ tá nên tôi không thể từ chối, và cũng không thể từ chối vì tình bạn, bởi không ai cười thích thú như anh, khi tôi kể một chuyện tiêu lâm.

Nên tôi cùng anh qua đường để vào phòng tập thể dục của trường học. Có hai anh bạn khác trông thấy chúng tôi, họ chạy theo chúng tôi hỏi: “Các bạn đi tập thêm một latihan? Bọn này có thể cùng tập?” Chúng tôi độ lượng cho phép họ cùng tập.

Khi 4 anh em chúng tôi bắt đầu tập, latihan tôi càng lúc càng trở nên mãnh liệt, một sự mãnh liệt chưa từng thấy, cả bên trong lẫn bên ngoài. Tôi múa may chạy nhảy khắp phòng, lớn tiếng kêu gọi và ca hát (sau đó thì bớt lớn tiếng hơn). Tôi cảm thấy vô cùng sung sướng, một niềm cực lạc không thuộc cái thế gian này. Một sự vui cười chưa từng nghiệm thấy. Tôi luôn kêu gọi danh hiệu của Thượng Đế, thốt ra những lời cầu kinh, gào thét những lời lẽ quy thuận, và để cho cái sức mạnh đó hoàn toàn đưa đẩy mình. Tôi không thấy hiện ảnh nào, nhưng cảm thấy hình như có một nhân vật vô cùng cao lớn đang nắm lấy tay mình làm cho mình xoay tròn. Nhân vật đó chân không đụng mặt đất, cao y như chiều cao

phòng tập, rộng chỉ khoảng 2/3 chiều rộng phòng. Tôi cảm thấy mình như một đứa bé được một người lớn cầm tay dắt đi làm cho mình nhảy múa, khiến vui thích phát ra những tiếng động chói tai. Tôi xoay mình theo hình nửa vòng tròn, và cảm thấy hình như mình đã nhảy lên cao vài mét. Một latihan mãnh liệt cả về cơ thể lẫn tâm hồn như vậy tôi chưa từng nghiệm thấy. Tôi đã không đụng vào 3 người anh em kia của mình là hoặc do ân huệ của Thượng Đế, hoặc do họ đứng sát tường.

Sau nửa tiếng đồng hồ, tình trạng đó mất đi. “Mình cảm thấy như trên thiên đàng” tôi nói. Một trong hai anh bạn đi tập theo chúng tôi nội anh cũng có một cái latihan mạnh. Điều khó hiểu là tôi không đổ mồ hôi. Cái cảm giác vô cùng sung sướng đó yếu dần, nhưng tồn tại được một lúc lâu.

Sau cái latihan đó, đời tôi có một khúc quanh mới. Mọi việc đều khác với xưa kia, nhưng điều đó khó dùng ngôn từ để diễn tả. Bắt đầu có một giai đoạn mới trong Subud, như 31 năm trước kia khi Bapak tới Wien. Hội đó cái latihan với Bapak của mình tôi gọi là lần khai mở thứ hai. Trong lúc này thì cái latihan mãnh liệt đó tôi gọi là lần khai mở thứ 3.

Trong cái latihan tiếp theo với những người khác thì cũng y như vậy, nhưng không cực kì mãnh liệt. Đó là sự lặp lại nhẹ hơn, hay sự chứng nhận của cái đã qua.

D. Những chứng nghiệm với Bapak

01. Coombe Springs 1958

Như đã thuật lại, lần đầu tiên tới Coombe Springs tôi nghiệm thấy trong đáy lòng mình những điều hết sức kì dị. Khi tôi được cho hay là cách đây một năm có một nhân vật từ Indonesia đã tới, một kẻ đem tới một đường lối tu tập mới lại, những cảm nghĩ của mình trở nên sôi động. Từ một nơi sâu thẳm của tâm thức chợt có một mệnh lệnh mà tôi phải tuân theo: hoặc đường lối đó, hoặc chẳng có gì hết!

Đồng thời tôi cảm thấy bức tức nhân vật từ Java không quen biết đó một cách hết vô lí. Từ nhiều năm qua tôi chưa từng cảm thấy sôi xục như vậy.

Nhưng tôi nghe nói đường lối đó là SUBUD, cơn bức bối của mình chợt mất hẳn. Trái lại, nhân vật đó đã trở thành một quân sư đáng tin nhất của tôi, một người tôi vui lòng tuân theo. Tên họ ông tôi không biết, đường lối tu tập của ông cũng không, chữ SUBUD có nghĩa gì cũng chẳng hiểu gì. Tất cả những điều đó xảy ra một chớp nhoáng, có lẽ trong vòng 2 phút.

Hiển nhiên bên ngoài cái tâm thức thông thường có một tri thức hay tâm thức rộng lớn hơn, cái đó chợt lộ diện và khiến tôi rất vui lòng tuân theo. Đương nhiên là tôi đã phải khóc, khi người ta khuyên mình chờ đợi 3 tháng. Tôi như một trái táo đã quá chín muốn được tức khắc hái.

Với tôi đó là cái chứng nghiệm đầu tiên với Bapak, và cũng là cái chứng nghiệm đầu tiên với Subud.

02. Giọng nói của Bapak

Cái chứng nghiệm thứ hai - nếu có thể coi cái đầu tiên là chứng nghiệm - là lúc tôi lần đầu nghe thấy giọng nói của Bapak. Điều này xảy ra tại London trong năm 1959, trước lúc tôi về nước không bao lâu.

Ông John Bennett, mọi người đều gọi ông là ông B, thường ra nước ngoài với Bapak, và khi về nước ông đem theo những bài nói chuyện và bình luận của Bapak, những gì hồi đó chưa có nhiều mà chúng tôi háo hức muốn biết. Ông không những chỉ đến Coombe Springs, mà còn cả những nhóm khác. Có lần ông đến nhóm Hampstead của chúng tôi, và đem tới những gì mới lạ: băng thâu thanh một buổi nói chuyện của Bapak. Trên chiếc bàn trong phòng tập của chúng tôi có một máy thâu thanh mà một kẻ đi cùng vịn lên. Ngay lúc đầu, ông xin thứ lỗi cho tình trạng âm thanh tồi tệ của băng, những gì chúng tôi phải nghe, nhưng như ông nói, điều đó không mấy quan trọng, bởi băng có thể truyền lại được chất lượng tâm linh những lời nói của Bapak. Bởi vậy cho nên, chúng tôi cũng nên nghe giọng nói của Bapak, tuy không hiệu tiếng Indonesia, mà không chỉ nghe phần dịch qua tiếng Anh. Tất nhiên trong lúc đó chúng tôi cũng nên đặt mình trong trạng thái tịnh tâm.

Tôi không thể tin được. Làm sao một cái máy có thể truyền lại một nội dung tâm linh? Latihan đã được lưu trữ trong một băng từ? Tôi muốn ra về, nhưng rút cục đã nán lại, không ít thì nhiều vì lịch sự - tuy không mấy tin. Trước bàn đặt những chiếc ghế, một vài hội viên đã ngồi vào, nên tôi cũng ngồi theo.

Có kẻ vịn máy, và lần đầu tiên tôi nghe thấy giọng nói của Bapak. Sự phát thanh của máy không được tốt đẹp, và tôi cũng chẳng hiểu một chữ Indonesia nào. Nhưng chẳng bao lâu sau đó tôi cảm nhận được một latihan mạnh, đầu mình hơi cúi xuống và tôi cảm thấy một tình trạng hoàn toàn phục tùng Ý Thượng Đế. Tôi vui lòng chấp nhận cũng như từ bỏ tất cả, nếu đó là sự hướng dẫn của Thượng Đế. Ý chí tôi vẫn còn đó, nhưng hoàn toàn phụ thuộc ý chí Thượng Đế. Đồng thời tôi cũng ý thức được sự quy phục của mình không thể muốn mà có được, ngay sau khi cái trạng thái đó mất đi. Như vậy thì tôi chỉ vui lòng tuân theo sự hướng dẫn của Thượng Đế trong trường hợp này hay trường hợp kia, trong một trường hợp khác thì không. Sự quy phục của tôi có trường hợp ngoại lệ. Nhưng trong lúc nghe thấy giọng nói của Bapak, sự quy phục của tôi trở thành toàn diện và vô điều kiện. Thực vậy, cái tình trạng đó thật tuyệt vời.

Nhưng nó lại mất đi, khi có phần dịch qua tiếng Anh. Tôi hầu như chẳng nghe thấy gì hết, bởi sự phát thanh quá tồi. Khi Bapak lại nói, cái trạng thái hoàn toàn quy phục đó lại có, và lần này thì đó

là điều gì cho thấy trước mình nên luôn hành xử ra sao. Đến phần dịch qua tiếng Anh, nó lại mất đi, và khi nghe thấy những lời nói của Bapak thì lại có trở lại.

Tôi 3 lần nghiệm thấy rất rõ rệt điều Bapak gọi là ‘Dharma’, nhưng điều đó thì chỉ có thể sơ lược diễn đạt qua ngôn từ.

03. Tôi nghiệm được ra sao cuộc viếng thăm lần đầu của Bapak tại Wien

Trưa ngày 7 tháng Chạp năm 1959 Bapak với đoàn tùy tùng tới nhà ga Westbahnhof. Bapak lấy xe lửa tới từ Muenchen. Walter Umlauf, người tổ chức mọi việc, tiến sĩ Mueck và tôi đợi chờ nơi đi ra của nhà ga, và chẳng bao lâu chúng tôi nhìn thấy những người khách của mình đến. Bapak, chị Mariamah Witchmann, ông Bennett và tiến sĩ Zakir, thông ngôn người Indonesia, đứng đợi chúng tôi bên cạnh những toa xe.

Tôi vui mừng, hầu như vui cười, được gặp Bapak bằng xương thịt. Một cách thông dong với bạn bè, tôi đưa tay cho mọi người bắt, nhưng với Bapak thì không được. Tôi chợt trở nên điềm tĩnh và cảm thấy có một bức tường vô hình giữa mình và Bapak, cái gì đó khiến mình phải cư xử cẩn trọng. Cái thái độ coi là bạn bè biên mắt; sau một vài giây khựng mặt nghiêm nghị của Bapak trở nên thân thiện, và chúng tôi bắt tay nhau.

Đó là bài học thứ nhất của tôi. Tôi luôn nghe nói hay đọc được là khác với những nhân vật tâm linh khác (như Gurdjieff) Bapak

chỉ là một người hoàn toàn bình thường. Nhưng hiển nhiên Bapak không luôn là vậy.

Buổi tối là lúc khai mở đầu tiên trong một phòng rộng lớn của một toà nhà thuộc nghiệp đoàn, bên cạnh khu Karlsplatz. Ngoài lối ra vào chánh của phòng còn có một cửa một phòng dài hẹp là nơi để quần áo. Bapak ngồi đó trên một chiếc ghế gần cửa ra vào của phòng. Tiến sĩ Zakir, ông Bennett và 3 người dân Wien chúng tôi ngồi nơi cuối phòng để quần áo và khẽ tiếng trò chuyện về những vấn đề tổ chức. Trong phòng có 40 phụ nữ và chị Mariamah Wichmann là phụ tá khai mở cho họ.

Mọi người đã tập latihan trong một lúc, và như vậy là bất lịch sự nếu để cho Bapak ngồi một mình nơi đối diện với mình tại phòng để quần áo dài hẹp. Thường thường đoàn tùy tùng của Bapak luôn bên cạnh. Tôi tự ý đến nơi Bapak, và không nghĩ rằng mình có thể nói chuyện với Bapak mà không cần thông ngôn.

Tôi đứng trước mặt Bapak và lại cảm thấy một bức tường vô hình, nhưng lần này thì nó mạnh hơn lúc ở nhà ga. Bapak ngồi hơi dựa trên ghế gần sát với tường. Đôi mắt sau cặp kính hơi hé mở, Bapak ngồi hoàn toàn bất động và... không hề thở! Trông như một người chết nhưng không chết. Tự nhiên tôi cảm thấy hay biết được: Bapak không trong cơ thể mình, mà trong phòng bên cạnh với các phụ nữ. Phải có một sức mạnh nào đó khiến cho cơ thể Bapak, trông như chết, được duy trì và che chở, bởi Bapak còn ngồi ngay ngắn mà không gục ngã.

Thấy như vậy là không thích đáng, thiếu tế nhị, nếu đứng nhìn cái cơ thể bất động đó, nên tôi trở về chỗ cũ của mình. Ngay sau khi quay mình lại, tôi nhận thấy những cái nhìn chăm chú của tiến sĩ Zakir và ông Bennett. Họ không trò chuyện nữa và đang chú tâm nhìn nhưng không ngăn cản tôi. Khi tôi trở về chỗ mình, họ tiếp tục trò chuyện như trước. Đương nhiên họ đã biết được cái tình trạng đó của Bapak, nên đã không xen vào. Sự cố đó xảy ra tối đa là nửa phút, nhưng tôi còn nhớ được thật rõ, như điều đó xảy ra hôm qua.

Walter Umlauf quen thân một phụ nữ lớn tuổi được khai mở. Vị đó kể cho anh hay những gì mình nghiệm thấy lúc khai mở: bà trông thấy nhiều Bapak đứng giữa các phụ nữ trong phòng.

Cũng trùng hợp với những gì chị Mariamah Witchmann nói. Khi sau này chúng tôi hỏi chị như vậy có khó khăn không, nếu cùng lúc khai mở cho 40 phụ nữ (sau chỉ 2 năm trong Subud) chị đáp: “Thông thường thì thật khó, nhưng khi Bapak có mặt thì rất dễ.”

Chị Mariamah còn cho tôi hay Bapak biết được tên nào thích hợp với người nào. Tôi thấy điều đó là rất hay, và khi tiễn biệt tại nhà ga Westbahnhof, tôi lợi dụng cơ hội đó để hỏi Bapak.

Bây người chúng tôi đứng sát cạnh nhau trong lối đi chật hẹp trước ca-bin của Bapak trong toa xe lửa. Bapak cười nói trò chuyện với chúng tôi, và trong lúc ngưng nói ngắn ngủi, tôi hỏi: “Bapak, tôi có thể hỏi Bapak cái tên mình có đúng hợp không?” “Được”, Bapak nói, “tên bạn là gì?”

Điều đó xảy ra một cách bất ngờ và nhanh chóng, khiến tôi rất lúng túng nên trước hết nói họ mình là gì: “Fiala.”

Bapak chợt cười. Trong lúc Bapak cười tôi nói: “Đó là họ tôi.” Bapak nghiêm nghị trở lại và cho hay tên mình là quan trọng, chứ không là họ mình. “Hubert” tôi nói. Ngay lúc đó bộ mặt Bapak trở nên hoàn toàn trống vắng và lạnh nhạt. Tất cả chúng tôi đều lặng thinh. Sau một vài giây, Bapak mở mắt ra mỉm cười nói: “Đúng đây, Hubert là cái tên đúng hợp.”

Tôi hài lòng cảm tạ Bapak, bởi luôn thích cái tên đó. Khi còn nhỏ, tôi đã có lần cảm kích bố mẹ mình là đã cho mình cái tên đó. Tuy thế, sau vài năm latihan khiến nội tâm mình thay đổi, tôi không còn cảm thấy mình là Hubert nữa. Theo yêu cầu của tôi, Bapak sau này cho tôi cái tên ‘Murşalin.’ Cái tên đó tôi rất thích, nhưng phải mất nhiều năm tôi mới dần dần coi cái tên đó đúng là của mình.

Hỏi đó với tôi điều ẩn tượng là sự tiếp nhận chớp nhoáng của Bapak.

04. Trên đường về nhà

Bapak lưu lại Wien được một ngày rưỡi, từ mùng 7 tới mùng 8 tháng Chạp 1959. Mùng 8 tháng Chạp là một ngày Thứ Sáu, một ngày lễ, ‘Ngày Đức Mẹ Thụ Thai.’ Theo giáo lý Công giáo, đó là

vì, ngoài Chúa GiêXu ra, ngay khi sinh ra Đức Mẹ đã không mang tội lỗi của tổ tông, điều gọi là ‘sự vô nhiễm nguyên tội.’ Nhiều người Công giáo trong các hội viên lấy làm vui mừng vì đã tiếp nhận latihan đúng ngày Thứ Sáu đó.

Buổi sáng Bapak đi dự lễ tại một nhà thờ, và có được một ấn tượng về tinh thần tôn giáo của thiên hạ nơi đây. Bapak kể lại điều đó trong một buổi nói chuyện sau này (chắc tại Planegg).

Khoảng lúc trưa, xe lửa khởi hành đem các người khách của chúng tôi tới Muenchen. Tôi rời khỏi nhà ga đi trên một nơi trống rộng, trước mặt là một diện tích bóng loáng màu trắng, bởi tuyết đã bắt đầu nhẹ nhàng rơi. Tuy tôi cảm nhận được latihan kể từ một ngày và cũng ngay trong lúc này, nhưng cái trí óc thường nhật của mình cũng bắt đầu làm việc trở lại: mình về nhà bằng cách nào? Không còn những phương tiện giao thông công cộng nữa, đi bộ thì mất hơn một tiếng đồng hồ, tuyết rơi lạnh lẽo, còn tôi thì chỉ mặc những quần áo mỏng. Tôi có thể bị cảm hàn, chiếc áo vét-tông duy nhất của tôi sẽ bị hư hại, con đường về nhà phải qua nơi chôn gói diêm, nơi xảy ra nhiều tội phạm, tránh nơi đó thì mất thêm nửa tiếng đồng hồ nữa, và tôi cũng không nghĩ tới chuyện gọi một chiếc taxi. Trước hết, tôi không bao giờ đi taxi; kể đến, tôi không đủ tiền.

Trong lúc những lo lắng bực bội đó nhảy múa trong đầu óc mình, tôi chợt nhận thấy mình thay đổi cách đi đứng. Tôi đi những bước dài và chậm, đặt toàn bộ bàn chân mình trên đất, không uốn cong nó lại, từ gót chân tới móng chân. Là dân đô thị, tôi đi trên gót chân, chứ không trên bàn chân như một thợ săn hay nông dân. Kỳ quái hơn nữa là đôi cẳng tôi có vẻ như dài hơn, khiến tôi cảm thấy mình cao hơn nửa cái đầu. Tôi khiến cho lưng mình trở nên thẳng đứng, tuy hồi đó điệu bộ mình không được tốt cho lắm. Trong lúc đó tâm tôi hoàn toàn yên tĩnh, những ý nghĩ của mình đã biến đi đâu mất. Tôi chợt nhận thấy rõ: mình đi đứng y như Bapak! Vóc người tôi y như của Bapak, và còn hơn thế nữa. Tôi cảm thấy rõ rệt Bapak đang trong nơi mình. Đầu tiên tôi không thể tin được là như vậy, nhưng tình trạng đó càng lúc càng trở nên mạnh mẽ khiến cho không còn nghi ngờ gì được. Cái cảm giác đó trong cơ thể chỉ liên quan tới thân hình và đôi chân, còn nơi đầu và cánh tay mình, tôi không cảm thấy có gì đặc biệt.

Ngay sau đó tôi nhận thấy toàn bộ tình trạng mình là điều gì kì

diệu: tôi cảm thấy mình tuyệt đối được an toàn. Một không khí dày đặc ân tứ và sự bao che có xung quanh tôi, và nó còn rộng lớn hơn nơi chôn tôi đang đứng, cao lớn hơn những cao ốc và nhà cửa quanh đó, nhưng không phải là không có giới hạn. Điều này như Thượng Đế đã đặt xuống một cái chuông to lớn của ân tứ, bao che và an toàn xuống nơi tôi đang đứng. Tôi chợt hiểu được: đối với Bapak thì cũng vậy. Tôi không những cảm nhận được cách đi đứng, điệu bộ, mà luôn cả sự quy thuận và tin cậy Thượng Đế của Bapak, cùng với cái Thiên Ân xung quanh là sự bao che tuyệt đối. Đồng thời tôi cũng ý thức được tuy mình đã nghiệm thấy như vậy, nhưng cái kích thước của nó không bằng với của Bapak.

Cái chuông to lớn của ân tứ, bao che và tuyệt đối an toàn là những gì không trông thấy được, nhưng tôi lại cảm nhận được rõ rệt đến nỗi cái thực tại của nó có thật hơn thực tại của vật chất, những gì mình luôn trông thấy. Điều đó xảy ra khá nhanh chóng và bất ngờ từ sương mù những ý nghĩ nhỏ bé và đục ngầu của tôi, và cường độ của nó tương đương với những chứng nghiệm đầu tiên của tôi về Thượng Đế tại Coombe Springs một năm trước đó. Cả hai đều xảy ra một cách hoàn toàn mới lạ, không ngờ tới và khiến ngạc nhiên. Tôi chưa từng nghe nói tới, hay đọc được về một điều gì tương tự. Những cảm nghĩ của tôi ngay trước khi có những chứng nghiệm đó không chút nào là những gì chuẩn bị cho mình, trái lại là khác. Trong một thời khắc rất ngắn, latihan đặt tôi vào cái trạng thái đó. Tôi không còn nhớ rõ trọng lúc đó mình có những cảm xúc gì. Tôi hoàn toàn yên tĩnh. Điều đó thực sự chỉ là một tri giác. Trong lúc tôi đang đứng giữa một nơi chôn vắng rộng, cái trạng thái đó đạt tới cao điểm của nó. Trong trạng thái latihan, tôi yên tĩnh tiếp tục đi trên con đường quen thuộc về nhà mình. Tuyệt không còn rơi nữa, tôi không cảm thấy lạnh, không thấy mệt, trên đường về cũng chẳng có ai quấy phá mình. Tôi đi đứng như Bapak được hơn một tiếng đồng hồ, và có thể nói rằng cách đi đứng đó có cái vẻ cao quý của nó và khiến thích thú.

Về tới nhà tôi đi ngủ ngay, nhưng ngày hôm sau khi đi làm, tôi lại suốt ngày luôn cảm thấy Bapak trong nơi mình, tuy mình không còn đi đứng như Bapak. Nhưng rồi chẳng có gì nữa. Tôi nghĩ chắc mình đã làm gì không đúng khiến cho đôi khi có những cảm xúc và ý nghĩ tiêu cực, và có lẽ người ta chỉ có thể luôn cảm thấy Bapak nơi mình khi tâm hồn mình trong sạch. Về sau, tôi chỉ có thể cảm kích là mình đã có cái chứng nghiệm đó, bởi nó vượt ngoài những

gì mong nghĩ và không bao giờ quên được.

Trong việc đó tôi nhận biết được điều căn bản này: không có sự an toàn nào cho đời người ngoài ân tứ bao che của Thượng Đế.

05. Tại tiệm Bali

Mùng 8 tháng Chạp chúng tôi mời Bapak và đoàn tùy tùng tới ăn uống tại ‘Tiệm Bali’. Đó là một tiệm ăn Indonesia đầu tiên tại Wien, mới được mở cách đây vài tuần gần chợ Nashmarkt. (Khi một vài tuần sau nó phải đóng cửa, chúng tôi nói đùa: ‘Nó đã làm xong nhiệm vụ của mình.’)

Bốn vị khách của chúng tôi cùng với chúng tôi là 3 người dân Wien ngồi chung một bàn. Anh hầu bàn đến, tiến sĩ Zakir thích thú nói với tôi anh ấy là người Java, và Bapak lấy làm vui mừng được nói tiếng Java với anh ấy. Không khí trở nên vui vẻ và thư thái, Bapak vừa nói vừa cười, và một vài điều được ông Bennett hay tiến sĩ Zakir thông ngôn. Chị Mariamah cũng nói thông thạo tiếng Đức.

Sau khi ăn uống xong, tôi đợi có dịp đưa cho Bapak coi một vài tấm hình trong một bao thư chụp lại những điều khắc của mình. Khi được dịp, tôi nhờ tiến sĩ Zakir hỏi Bapak. Tôi đưa cho Bapak coi những tấm hình chụp của mình, và xin Bapak cho biết ý kiến. Bapak nhìn một lúc; đó là những chân dung và điều khắc trừu tượng về thú vật. Khi trả lại những tấm hình, Bapak cho biết qua tiến sĩ Zakir: ‘Điều khắc là nghề nghiệp thích hợp với bạn, nhưng những công trình của bạn chưa xuất phát từ chân ngã.’ Điều đó thì tôi tin là đúng, bởi mình chỉ trong Subud được một năm. Tôi hỏi: ‘Tôi nên làm gì? Tôi nên tìm cách cảm nhận được những gì xuất phát từ chân ngã mình?’ ‘Đừng làm vậy, đừng làm vậy,’ Bapak nói, ‘điều đó sẽ tự động tới, bạn chỉ việc tiếp tục tập latihan. Trong lúc này thì chỉ việc nhờ đó mà kiếm tiền.’ Tiến sĩ nói tiếp: ‘Nên có ai bảo bạn làm cho họ một con chó, thì cứ làm cho họ một con chó, hay bất cứ những gì mà thiên hạ muốn.’

Vậy nên, tôi không còn cảm thấy mình bị áp lực thành một nghệ sĩ nữa, và cũng chẳng cần phải cuống vọng. Nhưng điều rất chí lí và khiến an tâm là sự xác nhận của Bapak là tôi chọn đúng

nghề nghiệp. Điều đó thì tôi không hỏi Bapak, bởi chưa từng nghĩ là mình sẽ phải hỏi.

Có thể nói là với mọi người buổi tối đó rất vui vẻ và thanh thản. Tôi đã kể lại chuyện đó để cho thấy Bapak là một người hoàn toàn bình thường - tuy có những ngoại lệ.

06. Viên cảnh sát

Theo ý tôi, có một sự cố tức cười với Bapak nên được ghi chép lại trong lịch sử hay những truyền kỳ của Subud. Tôi không có mặt trong vụ đó, nhưng được anh David Greinecker cho hay, một tài xế cho Bapak và đoàn tùy tùng khi Bapak đến thăm Wien trong năm 1964. Anh là một tay lái xe nhà nghề, vì nghề nghiệp mình anh phải thường xuyên dùng xe hơi. Tuy thế, anh đã sơ xuất lái xe qua một ngã ba cấm không cho chạy vào. Hồi đó các ngã ba đều có cảnh sát đứng điều khiển lưu thông, vì chưa có nhiều đèn xanh đỏ.

Anh cảnh sát đứng đó tức tối đến phía xe hơi quát mắng: “Bộ ông không nhìn thấy ngã ba này bây giờ cấm xe hơi qua? Ông muốn tôi làm gì đây? Chắc ông muốn tôi phải quý xuống xin ông đậu xe lại?” Anh quả thực đã quý xuống giữa ngã ba ngay trước chiếc xe.

Bởi cúi đầu xuống, nên qua kính chắn gió chiếc xe, anh trông thấy những người ngồi đằng sau là Bapak và Usman, thông ngôn của Bapak. Anh đứng lên nói ngắn ngủi: “Tiếp tục đi đi.” Anh David lái xe đi tiếp. Sau này, anh nói có lẽ viên cảnh sát đó đã không muốn làm gì, vì cho những người ngồi đằng sau là những nhà ngoại giao hay nhân vật quan trọng nào đó. Điều đó có thể đúng, nhưng điều quái lạ là khu Gumpendorferstrasse đã bị rào lại, điều tôi chưa từng nghe nói tới. Hay Thượng Đế đã khiến cho viên cảnh sát đó phải quý xuống.

07. Cái cười

Năm 1964 tôi là một trong những người đến Planegg dự cuộc viếng thăm Muenchen của Bapak.

Trong một trắc nghiệm Bapak hỏi: “Các bạn có thể cười?” Những

người nam bên cạnh tôi đều bắt đầu cười. Đặc biệt một anh người Mỹ cười rất vui thích và lớn tiếng. Còn tôi thì, trời ơi đất hỡi, không thể cười. Trái lại, đó chỉ là tiếng nức nở yếu ớt.

Với giọng nói mạnh hơn, Bapak hỏi một lần nữa: “Các bạn có thể cười? Cười đi!” Điều đó như sự xúi giục, như mệnh lệnh. Những người nam cười lớn tiếng hơn, nhưng còn tôi? Tôi nghĩ là những tiếng nức nở của mình đã chết hết. Bapak một lần nữa: “Cười đi!” Anh người Mỹ bên cạnh tôi gào thét cười, nhưng tôi? Chỉ có vài tiếng ‘ha-ha’ yếu ớt, nhút nhát, và tiếp theo cũng là vài tiếng ‘ha-ha’ nhút nhát. Đó chỉ là một phản ứng nghèo nàn, cho biết có gì đó có thể trở nên tích cực. Với tôi đó là một cú sốc.

Tôi tự cho mình là một kẻ hóm hỉnh, biết nhiều bài ca hài hước, những bài ca tôi hát cùng với đàn ghi-ta, và điều đó khiến tôi đặc biệt được cho giúp vui trong những sinh hoạt văn nghệ trong lúc cắm trại của các hướng đạo sinh.

Nhưng tất cả những cái đó không do tâm hồn, mà chỉ do học hỏi. Trong lòng tôi là một nỗi buồn mênh mông, điều biểu lộ qua những bài thơ mình làm. Như đã nói, đó là một cú sốc và sự nhục nhã, và tôi chẳng biết làm gì hơn ngoài việc trở nên kiên nhẫn và chấp nhận cái tình trạng tự lừa dối mình. Sau này, tôi vô cùng tạ ơn Thượng Đế và Bapak về cái trắc nghiệm đó. Tại sao?

Sau một vài tuần (hay vài tháng?) tôi đôi khi cười trong latihan. Ban đầu chỉ yếu ớt và nhẹ nhàng, nhưng rồi càng lúc càng trở nên mãnh liệt. Ngày tháng trôi qua, tôi có những động tác mạnh mẽ của latihan như ca hát, nói năng và nhảy múa. Hiện nay một cái latihan thiếu tiếng cười với tôi là một ngoại lệ. Nhưng tình trạng phát triển của tôi sẽ ra sao nếu không có cái trắc nghiệm đó? Làm sao có thể chân thành thờ bái Thượng Đế mà không cười từ trong lòng?

08.Đền pha

Năm 1967 Bapak thực hiện một chuyến công du khắp thế giới, trong đó có một trong những quốc gia không ghé qua là nước Áo. Một vài hội viên chúng tôi qua Muenchen, những người khác thì qua Wolfsburg, như anh hội trưởng và tôi.

Đêm cuối cùng tại Wolfsburg, anh hội trưởng của Đức nói những lời tiễn biệt cảm tạ Bapak tuy ngắn ngủi nhưng rất hay. Tiếp theo cũng là những lời tạ ơn ngắn ngủi và thân ái của những vị đại diện các nhóm thuộc các quốc gia khác tới dự, trong khi những người Áo, có lẽ cả một hay hai người khác, thì câm lặng.

Sau một lúc ngắn ngủi, Bapak nói: “Chắc còn ai nữa muốn nói những gì nữa lúc tiễn biệt?” Im lặng. Tôi nhìn anh hội trưởng của chúng tôi: anh đang cúi mình ngồi, hầu như bị chìm xuống trên ghế ngồi. Những người Áo khác cũng hèn nhát như anh. Chẳng ai động đậy gì. Tôi lấy làm xấu hổ và biết chỉ có mình là kẻ duy nhất rửa sạch được sự ô nhục đó, để cứu vãn danh dự của Subud Áo. Tôi đứng lên bắt đầu nói.

Bapak ngồi cách chúng tôi khoảng 5 tới 6 mét trong một phòng rộng lớn, nhưng chúng tôi thì ngồi tận cùng phía sau, tại một nơi không được sáng vì thiếu ánh đèn. Không thấy ngay được ai đã lên tiếng nói, nên Bapak quay đầu qua phía phải và trái, cho tới khi cuối cùng nhìn thấy tôi.

Ngay lúc đó khuôn mặt Bapak biến thành một hình tròn ánh sáng rực rỡ chiếu về phía tôi. Điều đó như một luồng ánh sáng của đèn pha xe hơi lúc ban đêm. Tôi đứng trong phạm vi luồng ánh sáng rực rỡ màu trắng đó, chung quanh mình đều mờ tối. Nhưng không chỉ là vậy. Ánh sáng đó đồng thời còn là một nguồn năng lượng khủng khiếp, khiến tôi có nguy cơ bị tê liệt. Thực vậy, tôi ý thức được nó có thể dễ dàng thủ tiêu mình, nếu gia tăng cường độ. Thê xác và linh hồn tôi trong lúc đó sẽ biến thành hư vô. Điều này có vẻ khôi hài, nhưng tôi cố sức dùng ý chí mình để nói xong vài câu nói cuối cùng. Tôi như một đứa bé bám lấy một người lớn tuổi không cho nó đến gần mình. Người lớn tuổi đó, có thể nói vậy, đã không gia tăng áp lực, và cũng không làm tiêu đi sự chống cự của đứa bé, mà chỉ làm cho sự chống cự đó tương đương sự xua đuổi của mình.

Sức mạnh của cái ánh sáng đó thì cũng y như vậy. Bapak đã chỉ muốn thử coi sức chống cự của tôi ra sao? Tôi khó khăn lắm mới nói lên được một vài câu, nhưng lại không nghe thấy giọng nói của chính mình!

Đó là điều khiến tôi kinh ngạc nhất. Phải mất một vài phút tôi

mới nói hết được, và sau đó mới có thời gian lấy làm ngạc nhiên về chuyện đó. Làm sao có thể ăn nói mà không nghe thấy giọng nói của chính mình? Khi luồng ánh sáng sức mạnh kinh khiếp đó chiếu vào tôi, điều đó đã đột ngột và bất ngờ xảy ra đến nỗi tôi chỉ còn cách là vừa chống cự, vừa nói tiếp. Tôi không có thời giờ để thắc mắc hay tự hỏi những lời lẽ cảm tạ ngăn ngui của mình có nói đúng hay không. Sức mạnh của cái ánh sáng khiến tê liệt đó đã không gia tăng cường độ, nên tôi có thể trở trả tiếp tục tự xem xét mình như thông thường.

Khi tôi nói xong, ánh sáng đó biến mất, và tôi trông thấy trở lại Bapak và tất cả những gì xung quanh. Tôi cũng có thể nghe thấy trở lại. Điều kỳ dị là tôi cảm thấy mình hoàn toàn bình thường, không bị hậu quả nào. Bapak bày tỏ sự cảm ơn.

Sau này, tôi hỏi những anh em Subud là họ thấy thế nào về những lời nói của tôi. Một anh bạn nói: “Bạn nói rất hay.” Không ai đã nhận thấy bất cứ gì. Ngồi trước mặt tôi, nên họ đã phải phân nào nằm trong phạm vi của luồng ánh sáng. Nhưng tôi đã không trông thấy họ.

Chỉ 25 hay 30 năm sau tôi mới kể cái chứng nghiệm đó cho một vài người. Với những chứng nghiệm phong phú khác thì cũng thế. Tôi không thể suy tưởng và cũng không thể tìm cách hiểu được về những điều đó. Đôi khi tôi chợt nhớ lại, nhưng rồi lại đem tất cả trở về nơi lưu trữ trong ký ức mình. Đó là nơi chuyện đó được ghi chép lại, và trong nhiều năm tôi không thể nói tới cho bất cứ ai.

Chỉ mấy chục năm sau tôi mới nói tới, nếu có hoàn cảnh và người nghe thích ứng. Ghi chép lại chuyện đó thì dễ hơn, bởi hiện nay đó là sự thúc đẩy của đáy lòng tôi.

09. Khai mở lần thứ hai

Lúc Bapak đến Wien trong năm 1970, tôi trải qua một điều là sự khai mở lần thứ hai.

Tôi rất bận rộn, phải lái xe chở những người khách Indonesia, nhưng tới dự latihan ban đêm trễ vì đường sá đầy xe cộ. Chúng tôi vội vã vào căn nhà là nơi tập latihan, chạy xuống nơi có phòng tập,

trong lòng và bề ngoài đều không yên tĩnh (nhất là cá nhân tôi), như đáng lí ra phải có. Cửa phòng tập không đóng, Bapak và tất cả những người nam đang đứng đợi chúng tôi. Ngay khi chúng tôi bước vào trong, có ai đó đã đóng cửa lại, rồi Bapak nói: ‘Bắt đầu.’

Tôi đứng gần Bapak. Tức thì tôi hoàn toàn trong trạng thái latihan, trong một tình trạng an bình mình chưa từng nghiệm thấy. Ngay lúc đó tôi cảm thấy trở lại sự rung động của toàn thân mình, như lần đầu mình được khai mở, nhưng lần này thì nó tinh vi hơn, tinh vi hơn nhiều. Điều này như tôi tiếp nhận được một latihan tính chất thanh cao hơn. Giọng nói và những động tác của tôi thiếu sức mạnh, nhưng tình trạng toàn bộ hay cảm xúc của tôi thì thật tuyệt thú. Nếu được thì tôi sẽ vĩnh viễn đặt mình trong tình trạng đó.

Tôi thấy hình như Subud chỉ bắt đầu với mình ngay trong lúc này, và 12 năm qua chỉ là một sự tập luyện để chuẩn bị cho mình. Kể từ đó, có gì đó đã thay đổi nơi mình, có gì đó cho thêm, và cái đó không mất đi.

Năm 2001 tôi nghiệm được một latihan mà tôi gọi là sự khai mở lần thứ 3, và điều đó đưa tới một giai đoạn mới. Cái latihan đó khác hẳn cái nói trên, xảy ra lúc Ibu Rahayu đến Baden, Áo quốc.

10. Nội dung tâm linh những nói chuyện của Bapak

Tại Hội Nghị Thế Giới 1971 ở Cilandak, Indonesia, người ta luôn ngủ trưa sau bữa ăn trưa. Có lần sau khi ngủ trưa xong, tôi đang đi tới nơi chính giữa của chỗ trong ranh giới của Subud, thì nhận thấy một tình trạng kì dị. Những gì tôi cảm thấy hồi đó không thể diễn tả được, dù là thơ hay văn xuôi. Nơi đó có một sự hiện diện tâm linh bao quanh sát lấy tôi, nhập xuyên qua tôi, khiến cho trí óc không thể hoạt động. Trong 3 hay 4 tiếng đồng hồ tôi hoàn toàn không thể suy nghĩ gì. Nhiều người khác cũng cảm thấy như vậy. Chúng tôi nói cho nhau biết, tức là chỉ nói vắn tắt, vì mọi người đều hay là mình đã cảm thấy y như nhau. Cái đó quá cao siêu, quá mênh mông, vượt ngoài tất cả những gì thấy được, nhưng không những có thể tri giác được, mà còn khiến vui thích.

Trong một ngày khác, những người Áo chúng tôi được dịp đến thăm ông Sudarto để trò chuyện cùng ông.

Chúng tôi nói cho ông hay về buổi trưa đó.

“Đấy” ông nói “các bạn đã cảm thấy nội dung tâm linh buổi nói chuyện của Bapak trong đêm đó. Bapak đã hỏi các thư kí như chúng tôi, những kẻ thường trò chuyện và thư từ với hội viên, là hiện nay điều gì khiến thiên hạ thắc mắc nhất, những câu hỏi và vấn đề nào họ có. Chúng tôi cho Bapak hay để người có thể đề cập tới những chuyện đó trong buổi nói chuyện. Buổi trưa, Bapak thường tiếp nhận được nội dung tâm linh của buổi nói chuyện lúc tối. Điều đó các bạn đã cảm thấy.”

11. Một thăm viếng vô hình của Bapak

Phải mất nhiều năm tôi mới thỉnh thoảng cảm thấy sự hiện diện của Bapak trong latihan. Có lần điều đó xảy ra khi tôi ở nhà. Khoảng lúc 15:00 giờ, lúc đang làm việc trong xưởng điêu khắc, tôi chợt cảm nhận được latihan. Tôi đã phải quay mặt nhìn về một hướng nào đó. Tôi cúi mình xuống nói: “Có chuyện gì không, Bapak?”

Tôi chẳng trông thấy gì hết, nhưng lại cảm thấy rõ rệt có ai đó đang đứng tại một nơi nào đó, cách mình khoảng 3 mét.

Vẫn còn cúi mình xuống, tôi nói: “Có chuyện gì không, Bapak, có chuyện gì không, có chuyện gì không, Bapak?” Với những âm điệu khác nhau. Điều này như là Bapak đang có đó để giao cho mình một nhiệm vụ, và hình như tôi luôn phải xác nhận là mình đã hiểu và sẽ tuân hành. Sau có lẽ một phút, tôi không còn cảm thấy cái latihan với chứng nghiệm đó nữa.

Sau này, tôi nghĩ: “Tiếc thật, mình không biết đã hứa hẹn gì với Bapak. Trí óc mình hiểu được thì hay biết mấy.” Nhưng tôi phải coi như vậy là đủ rồi, khi Bapak đã nói chuyện với linh hồn mình, và linh hồn tôi đã nói: “Có chuyện gì không, Bapak?” Mong rằng linh hồn tôi đã giữ đúng lời hứa của nó.

12. Bapak luôn bên cạnh chúng ta

Năm 1987 tôi nhận được một cú điện thoại của một anh bạn phụ tá cho hay Bapak đã qua đời. Tự nhiên tôi cương quyết nói: “Không,

Bapak chưa chết!” “Đã chết rồi” anh bạn đó đáp. “Chưa chết!” tôi nói một lần nữa, rồi nói thêm: “Minh biết mà, biết mà, dĩ nhiên thông tin của bạn là đúng, nhưng với mình thì Bapak chưa chết.”

Tôi không bị xúc động vì sự qua đời của Bapak như các anh chị em khác: họ đau buồn và thậm chí còn thấy bị bỏ rơi. Trái lại, tôi còn thấy mình được kích thích và có một năng lực sống động, như một kẻ thực hiện một chuyến phiêu lưu trong đó mình tự trách nhiệm lấy mình, lòng tràn trề hy vọng và tự tin.

Trong buổi latihan sau đó, tôi cảm thấy sự hiện diện của Bapak một cách rõ rệt và mạnh mẽ chưa từng có. Tôi không trông thấy Bapak, nhưng sự hiện diện đó là thực sự và không thể chối cãi được. Đó là điều hết sức vui mừng, chứ không là buồn phiền. Do đó mà tôi biết được Bapak đã không bỏ rơi chúng ta, mà còn trợ giúp chúng ta một cách đặc lực hơn trước đây. Kể từ đó, tôi thường gọi tên Bapak trong latihan, và cảm thấy Bapak gần gũi mình hơn, gần bó mật thiết hơn với đáy lòng mình.

13. Đoạn đường cuối một cuộc đời trên trần gian.

Năm 2001 tôi đi dự Hội nghị Thế giới tại Bali, và trước đó cũng tới dự lễ tưởng niệm sự qua đời của Bapak sau 100 ngày. Trước khi có một lễ Selematan trong tư gia của Bapak là một buổi latihan trong một phòng lớn trước nhà.

Trong cái latihan đó, tôi cảm thấy trở lại vóc người của Bapak, như cách đây 42 năm (1959) tại một nơi chôn rộng trước mặt nhà ga Westbahnhof. Lần này thì tôi cảm thấy toàn bộ thân thể, không chỉ thân người [phần từ cổ tới bụng, không kể tay chân] và chân cẳng. Đó là vóc dáng của một người rất già yếu. Tôi đi đứng rất chậm chạp trong phòng, tay chống trên một cây gậy chỉ có trong tưởng tượng: phần trên thân hình mình nghiêng tới phía trước, tôi bước chân theo để khỏi té ngã. Tôi lại nghiêng tới phía trước, cánh chân kia của mình tiếp tục bước theo. Cứ như vậy theo một đường thẳng cho tới khi tới gần tường. Nơi đó tôi quay mình lại, rồi chậm chạp đi trở về chỗ cũ một cách y như trước đó. Tôi đi đi lại lại như thế trong suốt buổi latihan. Đó là cách đi đứng bớt tốn sức nhất.

Thân thể mình tôi cảm thấy nó không to lớn như trong năm 1959,

nhưng là nhỏ bé hơn độ vài cm. Cánh tay, chân cẳng và toàn bộ thân thể tôi thì gầy ốm hơn và hầu như thiếu sức lực. Nhưng điều không trùng hợp với dáng điệu của Bapak lúc cuối đời người là cái đầu, một đầu nhỏ và tròn. Cái đầu đó hoàn toàn không hứng thú muốn suy tư. Nó trống rỗng và không có gì trên thế gian này khiến nó chăm chú.

Hồi đó tuổi tôi đã 70, thân thể còn cường tráng, nhưng bây giờ thì tôi biết được một một người già sẽ cảm thấy ra sao lúc cuối đời mình. Tôi biết điều này sẽ như thế nào, khi cuộc sống trên trần gian chẳng có nghĩa lí gì với mình.

Tôi thấy chán ngán. Tại sao tôi phải nghiệm thấy một điều như vậy? Đó có đúng là hình ảnh của thân xác Bapak trong lúc cuối một đời người trên trần gian? Đó là những gì cho tôi thấy trước được những ngày tháng cuối cùng của chính mình trên trần gian?

Nhưng cái chứng nghiệm đó chẳng đáng gì hết đối với một chứng nghiệm khác, một vài ngày sau đó tại mộ chôn Bapak.

Sau một chuyến đi xe buýt dài lâu, những kẻ đến thăm viếng như chúng tôi phải đi bộ lên một ngọn đồi là nơi an táng những người trong gia đình của Bapak. Khi chúng tôi gần tới đích, tôi cảm thấy lòng mình thanh tịnh, một sự thanh tịnh ban đầu nhẹ nhàng rồi dần dần trở nên sâu sắc hơn. Hầu hết những ai tới thăm đều cảm thấy như vậy, theo những gì tôi nghe nói. Khi tới nơi mộ chôn có mái che, chúng tôi không thể không cảm thấy mình bị thu hút bởi cái không khí an bình và tĩnh lặng tại đó. Tôi hoàn toàn phó mặc cho cái cảm giác đó, tuy nó không như sự tĩnh lặng cảm thấy sau một latihan. Đó là cái gì không bị tác động của bất cứ những gì khác. Tôi quỳ xuống ngồi trên gót chân mình, mắt nhắm lại, thỉnh thoảng nhìn thấy đằng xa những ngọn núi rừng cây. Dù tri giác được vẻ đẹp của phong cảnh, tôi không bị xúc động. Thường thường thì tôi luôn nhận ra vẻ đẹp của thiên nhiên.

Sau sự tri giác đó, khuôn mặt tôi chợt thay đổi. Tôi cảm thấy khuôn mặt mình hình trái xoan, mắt mình lớn hơn, mũi nhỏ hơn và môi thì dày hơn. Tôi cảm thấy một cách rõ rệt, như đang thấy có trước mặt mình. Đó là khuôn mặt của Bapak, không như trên những tấm hình mà tôi còn nhớ được, mà như khuôn khô một bức phác họa thiếu hẳn các chi tiết.

Ngay sau đó là một tình trạng trong đó tôi dần dần mất hết mọi cảm xúc và hứng thú. Không đau khổ, không vui mừng, không mong cầu, không lo sợ. Không còn muốn phấn đấu, không có gì là quan trọng, không có gì khiến xúc động, như đời mình đã mất hết nhựa sống. Cái tình trạng được khiến cho có đó như một hành trình dài lâu, nhưng có lẽ chỉ kéo dài độ 10 phút.

Tôi như một kẻ đã chết, nhưng vẫn còn ý thức và thân xác. Tôi vẫn còn cảm thấy ân tứ của Thượng Đế, tuy một cách rất yếu ớt.

Tôi nhận thấy mình không thể dài lâu ngồi trên gót chân, bởi chân mình sẽ tê cứng. Tôi co dãn chân mình vài lần, lựa một thế ngồi khác là ngồi khoanh chân. Điều luôn xảy ra là trong lúc tôi thay đổi thế ngồi, cái tình trạng đó hầu như không còn cảm thấy được nữa, nhưng ngay sau khi tôi ngồi tĩnh lặng, thì lại cảm thấy được trở lại.

Trí óc tôi không hoàn toàn bị khiến cho không hoạt động được, tôi chợt nghĩ: đó là điều mà các nhà sư đạo Phật mong đạt được trong thiền định? Được giải thoát khỏi cuộc sống, không đau khổ, không vui sướng, ‘mất hết mọi dục vọng’? Tôi cũng nghĩ tới điều người ta chúc cho người chết ‘được ngủ yên’. Đó là sự thanh bình của cái chết?

Tình trạng tôi nghiệm được là điều trong đó hoàn toàn không còn gì là quan trọng trên cái thế gian này, không còn mong cầu gì, không còn ham muốn phấn đấu, mà chỉ là sự hoàn toàn bất động, sự tĩnh lặng và an vui.

Điều đó kéo dài suốt lúc nhóm chúng tôi có mặt tại đó, khoảng 30 hay 45 phút. Khi chúng tôi đi khỏi nơi đó, không khí an bình trở nên yếu kém hơn, và càng đi xa hơn khỏi mộ cách tôi đã 100m thì chẳng còn gì nữa. Tôi lấy lại cái tình trạng ‘bình thường’ của mình.

Khi trở về Wisma Subud, nơi có một căn phòng thuộc nhà tiếp khách cho tôi với một anh bạn, tôi nghĩ tới cách tiếp nhận cái chứng nghiệm đó một lần nữa. Ngày hôm sau hay ngày sau đó nữa, khi chỉ có mình tôi trong phòng, tôi ngồi trên giường cầu xin Thượng Đế cho mình nghiệm thấy trở lại cái ‘tình trạng của sự chết’ đó. Thực sự là vậy: một cách chậm chạp và dần dần tôi nhận thấy trở lại cái tình trạng y như lúc tại mộ của Bapak. Lần này cũng là một

hành trình dài lâu, đi ra ngoài cuộc sống và cái thế gian này.

Từ bên ngoài tôi nghe thấy những tiếng động, tiếng cười và tiếng nói, nhưng những cái đó không khiến tôi bị xáo trộn. Sau độ 15 phút, tôi ngưng latihan lại. Trờ lại tình trạng bình thường là điều xảy ra nhanh chóng và không khó khăn. Sau đó, tôi thử lại một lần nữa, và những gì tôi nghiệm được cũng y như trước đó. Thực ra, điều đó không hợp với bản tính mình, bởi tôi là một kẻ yêu quý cuộc sống và không bao giờ hiểu được điều là sự mong muốn được chết. Nhưng bởi Thượng Đế đã cho mình nghiệm được, nên tôi coi đó là điều gì tốt đẹp cho sự phát triển của tâm linh mình.

Khi trở về Áo, tôi muốn có cái chứng nghiệm đó một lần nữa. Nhưng chẳng được gì. Một vài lần khác, tôi cầu xin Thượng Đế cho mình nghiệm được, nhưng không tiếp nhận được gì. Đó cũng là một chứng nghiệm.

E. LÊN ĐƯỜNG

01. Lên Đường

(Auf den Weg)

Khi nào tôi tìm thấy quê hương,
Quê hương yếu đuối nhưng còn xa.

Tất cả chúng nghiệm là hình tượng
Dẫn tới người chỉ đường tươi cười.

Nhưng ngón tay chỉ về mặt trăng
Không đúng đó chính là mặt trăng.

Bóng tối không luôn mãi che tối,
Tôi học cách nhận diện hình dạng.

Quê hương tôi vẫn còn nơi xa
Nhưng mi mắt tôi đã co giật.

Tội không muốn hỏi gì nữa cả,
Tất cả chỉ là chuyện tâm phào.
Tốt hơn chỉ nhìn và đi tới.

Tốt hơn đừng còn mong muốn gì.
Tốt hơn chỉ việc luôn sông còn.

Tốt hơn đừng còn nghi ngờ gì.
Tốt hơn chỉ tuyệt đối tin cậy.

Tốt hơn đừng còn lo nghĩ gì.
Tốt hơn chỉ tiếp tục làm theo.

Tốt hơn chỉ nhảy múa tròn điệu
Theo cảm xúc của tâm thanh tịnh.

Khiến qua được những lối quanh co,
Vượt qua được xoáy nước đen tối,
Trong sự lấp lánh của cơn vui.

Tôi đến nơi có ánh mặt trời.
Tôi đến nơi có gió ca hát.
Tôi đến nơi có mưa mơ màng.
Tôi đến nơi có mây lấp lánh.

Tôi im lặng tuyệt không nói gì.
Đồng bằng vui vẻ trải rộng dài,
Sông ngòi thì thâm trôi chảy qua,
Cỏ cây đu đưa như nhảy múa.

Bài này chúng tôi đọc cho nhau nghe trong buổi tưởng niệm anh Mursalin. Anh mời chúng ta lên đường để tới nơi có ‘ánh mặt trời, gió ca hát, mưa mơ màng và mây lấp lánh.’

Tuy lên đường với thái độ ‘đừng mong muốn và nghi ngờ gì, mà chỉ tuyệt đối tin cậy’, nhưng chúng ta cũng phải ý thức mình là dân đi biển với những lúc ‘sóng gió điệp điệp trùng trùng.’

02. Ca khúc dân đi biển

(Seefahrerlied)
Chúng ta đi biển tới vô biên
Nơi vô định xa xăm mịt mù
Nếu không có ý cùng tôi đi
Bạn không làm tôi mất lòng tin.

Nơi sóng gió điệp điệp trùng trùng
Cánh buồm dưới gió bão căng phồng
Trên con đường đó chúng ta đi
Vì mang dòng máu dân đi biển.

Sau những năm những tháng ra đi
Trở nên lớn rộng linh hồn mình
Dẫn tới chân trời nơi vô biên.

Mà đôi lúc cũng phải chiến đấu như một tráng sĩ tâm thanh tịnh
với những thế lực ma quái để tới chân trời nơi vô biên.

03. Tráng Sĩ

(Der Ritter)

Khi nào tôi được tự tại
Khi nào có thể thản nhiên
Chiến đấu không nao núng.
Khi nào thanh kiếm trong tay
Tung ra chiêu thức ác liệt
Mặt đầy mồ hôi nhễ nhại
Trong cơn vui lúc chiến đấu.

Nếu chính tôi có thể làm
Tay mình nắm chặt thanh kiếm
Chặng đứng chắc trên mặt đất
Thề không dung thứ địch thủ.

Tôi sẽ hết lòng chiến đấu
Mỗi đường kiếm mỗi thế đánh
Tuân đúng theo những chỉ dẫn
Từ nơi sâu tâm thanh tịnh.

Mắt tôi sẽ không run sợ
Tay tôi sẽ không tê cứng
Chân tôi sẽ không quy ngã
Tim tôi sẽ không xao xuyên
Kiếm tôi sẽ đâm trúng đích.

Con quái vật của ban đêm
Xoè ra nanh vuốt ác hại.
Tráng sĩ kiên nhẫn đợi chờ
Trong giáp y của kiên nhẫn.

Tuy mù lòa trong bóng tối
Mắt chăm chú trông chờ
Miệng câm lặng không nói gì.
Thề kiếm dũng mãnh tung ra

Chi đâm trúng vào đêm khuya.

Trận đấu phân được thắng bại
Với cái chết con quái vật.
Nanh vuốt nó bị sứt mẻ
Vì vết thương những nhát kiếm.
Răng nó từng cái rụng vỡ,
Toàn thân nó là bộ xương
Run sợ trước ánh quang kiếm.

Trận đấu tốn nhiều công sức
Nhưng chỉ với vài thế đánh
Tráng sĩ bất ngờ đâm trúng
Quái vật rừng rợn kêu thét.

Tôi viết những dòng thơ này
Trong lúc tạm nghỉ đâm chém
Trong bóng tối của ban đêm.
Nếu còn một trận đấu nữa
Phần thắng cũng sẽ về tôi.

Cuối cùng thì chúng ta sẽ chiến thắng và có lẽ bây giờ anh đang ở nơi:

Đồng bằng vui vẻ trái rộng dài,
Sông ngòi thì thâm trôi chảy qua,
Cỏ cây đu đưa như nhảy múa.

gn
2021

